ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 1800506679 do Sở Kế hoạch & Đầu tư TP. Cần Thơ cấp lần đầu ngày 12/05/2003, Sở Tài chính TP. Cần Thơ cấp thay đổi lần thứ 33 ngày 08/06/2026)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số ...../GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày ..... tháng ..... năm .....)

Bản cáo bạch này và các phụ lục của Bản cáo bạch sẽ được cung cấp tại:..... từ ngày:.....

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

Trụ sở chính	:	184 Trần Hưng Đạo, Phường Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
Điện thoại	:	0292 3832 176 Fax: 0292 3734 426
Website	:	http://hamaco.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Trụ sở chính	:	Số 52 Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội
Điện thoại	:	19006446 Fax: (84-24) 3773 9058
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	:	Tầng 3, Tòa nhà 136-138 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại	:	19006446 Fax: (84-28) 6291 0607
Website	:	www.fpts.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Mai Bảo Ngọc

Chức vụ: Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT

Số điện thoại: 0292 3832 176 Fax: 0292 3734 426

CÔNG TY CP VẬT TƯ HẬU GIANG

Digitally signed by CÔNG TY CP VẬT TƯ HẬU GIANG
DN: C=VN, L=CẦN THƠ, CN=CÔNG TY CP VẬT TƯ HẬU GIANG, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:1800506679, E=VATTUHAUGIANG@HCM.VNN.VN
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026-11-10 16:42:59

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 1800506679 do Sở Kế hoạch & Đầu tư TP. Cần Thơ cấp lần đầu ngày 12/05/2003, Sở Tài chính TP. Cần Thơ cấp thay đổi lần thứ 33 ngày 08/06/2026)

HAMACO
NHÀ PHÂN PHỐI CHUYÊN NGHIỆP

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

- Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang
- Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Giá chào bán : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu chào bán : 4.481.114 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá : 44.811.140.000 đồng

TỔ CHỨC BẢO LÃNH hoặc ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI: Không có.

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH CẦN THƠ

Địa chỉ trụ sở chính	:	Số 4 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh
Địa chỉ chi nhánh	:	A1-28 đường 06, Khu dân cư Công An, Khu vực Thạnh Lợi, Phường Hưng Phú, TP Cần Thơ
Điện thoại	:	028 3827 5026 Fax: 028 3827 5027
Website	:	www.pkf.afcvietnam.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT – CHI NHÁNH TP. HCM

Địa chỉ trụ sở chính	:	Số 52 Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội
Địa chỉ chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	:	Tầng 3, Tòa nhà 136-138 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại	:	19006446 Fax: 028 6291 0607
Website	:	www.fpts.com.vn

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 7
1. Tổ chức phát hành 7
2. Tổ chức tư vấn 7
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO 8
1. Rủi ro về kinh tế 8
1.1 Tốc độ tăng trưởng kinh tế 8
1.2 Lạm phát 11
1.3 Lãi suất 13
1.4 Tỷ giá hối đoái 15
2. Rủi ro về luật pháp 15
3. Rủi ro đặc thù 16
3.1. Rủi ro nguyên vật liệu và gián đoạn chuỗi cung ứng 16
3.2. Rủi ro cạnh tranh 17
3.3. Rủi ro phụ thuộc vào chu kỳ thị trường Bất động sản và Đầu tư công 17
3.4. Rủi ro tài chính, tín dụng và thu hồi công nợ 18
4. Rủi ro về đợt chào bán 19
4.1. Rủi ro về đợt chào bán 19
4.2. Rủi ro về sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán 19
5. Rủi ro pha loãng 20
5.1. Rủi ro pha loãng giá của cổ phiếu dự kiến sau khi chào bán thêm cổ phiếu 20
5.2. Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phần – EPS 22
5.3. Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần - BVPS 22
6. Rủi ro quản trị công ty 23
7. Rủi ro khác 23
III. CÁC KHÁI NIỆM 24
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH 26
1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành 26
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành 28

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành 31

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành 33

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối 41

5.1. Công ty mẹ, Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ chức phát hành 41

5.2. Công ty con, công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối 42

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành 43

6.1 Thông tin về quá trình giảm vốn điều lệ 43

6.2 Thông tin về quá trình tăng vốn điều lệ 43

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác 53

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành 53

8.1. Cổ phiếu phổ thông 53

8.2. Cổ phiếu ưu đãi 53

8.3. Các loại chứng khoán khác 54

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài 54

9.1. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quy định pháp luật 54

9.2. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ công ty 54

9.3. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Tổ chức phát hành tại ngày 23/06/2026 54

10. Hoạt động kinh doanh 54

10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh 54

10.2. Tài sản 70

10.3. Thị trường hoạt động 74

10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính 76

10.5. Các hợp đồng lớn 78

10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn 82

10.7. Vị thế của Tổ chức phát hành trong ngành 84

10.8. Hoạt động Marketing 88
10.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế 88
10.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển 90
10.11. Chiến lược kinh doanh 90
10.12 Trường hợp Tổ chức phát hành hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh có điều kiện, nêu thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan 92
11 Chính sách đối với người lao động 94
11.1 Số lượng người lao động trong Công ty 94
11.2 Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp 96
11.3 Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động 97
12 Chính sách cổ tức 97
13 Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất trong 02 năm tính đến thời điểm đăng ký chào bán 98
14 Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành 98
15 Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán 98
16 Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích 98
V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH 98
1. Kết quả hoạt động kinh doanh 98
1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm gần nhất và cho kỳ hoạt động 09 tháng đầu năm 2026 kết thúc tại ngày 30/09/2026 98
1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh 99
2. Tình hình tài chính 101
2.1. Các chỉ tiêu cơ bản 101
2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu 118
3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành 120
4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức 122
4.1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2026 122
4.2. Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch nêu trên 123

4.3. Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu trên 123

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ỦY BAN KIỂM TOÁN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG 125

1. Thông tin về cổ đông sáng lập 125

2. Thông tin về cổ đông lớn 125

2.1. Đối với cổ đông là cá nhân 125

2.2. Đối với cổ đông là tổ chức 125

2.3. Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông lớn và những người có liên quan của cổ đông lớn 126

2.4. Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông và những người có liên quan của họ 128

2.5. Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành 128

2.6. Cổ đông lớn có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành 128

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng 128

3.1 Hội đồng quản trị 129

3.2 Ủy ban Kiểm toán 139

3.3 Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng 140

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN 145

1. Loại cổ phiếu 145

2. Mệnh giá cổ phiếu 145

3 Tổng số lượng cổ phiếu chào bán 145

4 Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá 145

5 Giá chào bán dự kiến 145

6 Phương pháp tính giá 145

7 Phương thức phân phối 145

8 Đăng ký mua cổ phiếu 146

9 Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu 147

10 Phương thức thực hiện quyền (trường hợp chào bán cổ phiếu ưu đãi) 148

11 Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu 148

12 Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu 149
13 Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành ... 149
14 Hủy bỏ đợt chào bán 149
15 Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài 149
16 Các loại thuế có liên quan 150
16.1 Đối với Nhà đầu tư cá nhân 150
16.2 Đối với Nhà đầu tư tổ chức 151
17 Thông tin về các cam kết 151
18 Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt 151
VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN 151
1. Mục đích chào bán 151
2. Phương án khả thi 152
3. Thông tin về tình hình triển khai dự án 152
IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN 152
X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN 155
1. Tổ chức kiểm toán 155
2. Tổ chức tư vấn 155
3. Ý kiến của các chuyên gia về đợt chào bán 156
XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ 156
XII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH (CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG), TỔ CHỨC TƯ VẤN 157
XIII. PHỤ LỤC 158
1. Phụ lục I 158
2. Phụ lục II 158
3. Phụ lục III 158
4. Phụ lục IV 158
5. Phụ lục V 158

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Quá trình tăng vốn điều lệ 45
Bảng 2: Cơ cấu cổ đông tại ngày 23/06/2026 53
Bảng 3: Sản lượng và giá trị tiêu thụ một số sản phẩm chính của Công ty qua các năm 60
Bảng 4: Cơ cấu doanh thu 61
Bảng 5: Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh 64
Bảng 6: Kết quả hoạt động Công ty TNHH MTV HAMACO Petro 67
Bảng 7: Kết quả hoạt động Công ty TNHH MTV HAMACO Vị Thanh 67
Bảng 8: Kết quả hoạt động Công ty Cổ phần Bê tông Hamaco 68
Bảng 9: Kết quả hoạt động Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Xanh Hamaco 68
Bảng 10: Kết quả hoạt động Công ty TNHH MTV Bê Tông Hamaco – Hậu Giang 69
Bảng 11: Giá trị tài sản cố định hữu hình 70
Bảng 12: Thông tin về các tài sản có giá trị lớn 73
Bảng 13: Cơ cấu doanh thu thuần theo thị trường hoạt động 74
Bảng 14: Cơ cấu lợi nhuận gộp theo thị trường hoạt động 75
Bảng 15: Các hợp đồng lớn đã và đang thực hiện trong năm 2024, 2025 và đến thời điểm hiện tại 78
Bảng 16: Danh sách nhà cung cấp của Công ty trong năm 2024, 2025 và 09 tháng đầu năm 2026 . 82
Bảng 17: Danh sách khách hàng của Công ty trong năm 2024, 2025 và 09 tháng đầu năm 2026 83
Bảng 18: So sánh một số chỉ tiêu tài chính năm 2025 của HAMACO với một số doanh nghiệp cùng ngành 85
Bảng 19: Cơ cấu lao động 94
Bảng 20: Tỷ lệ chi trả cổ tức qua các năm gần đây của Công ty 97
Bảng 21: Các chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh 98
Bảng 22: Tình hình vốn điều lệ 101
Bảng 23: Tình hình Vốn kinh doanh 102
Bảng 24: Tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh 103
Bảng 25: Mức lương bình quân trong năm 2024, 2025 và 09 tháng đầu năm 2026 106
Bảng 26: Tình hình công nợ phải thu 106
Bảng 27: Tình hình các khoản phải thu quá hạn 107
Bảng 28: Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn và dài hạn khó đòi 111
Bảng 29: Tình hình công nợ phải trả 113
Bảng 30: Tình hình dư nợ vay 114

Bảng 31: Các khoản phải nộp theo luật định 117
Bảng 32: Số dư trích lập các quỹ qua các năm 118
Bảng 33: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu qua các năm 119
Bảng 34: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2026 (Hợp nhất) 122
Bảng 35: Danh sách cổ đông lớn là cá nhân tại ngày 23/06/2026 125
Bảng 36: Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ của các cổ đông lớn và những người có liên quan của cổ đông lớn 126
Bảng 37: Thông tin lợi ích liên quan của cổ đông lớn với Tổ chức phát hành 128
Bảng 38: Danh sách Thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc 129

DANH MỤC HÌNH

Hình 1: Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 2016 – 9 tháng đầu năm 2026 9
Hình 2: Tốc độ tăng trưởng CPI bình quân của Việt Nam giai đoạn 2016 – 9 tháng đầu năm 2026 11
Hình 3: Tỷ lệ lạm phát cơ bản bình quân của Việt Nam giai đoạn từ năm 2016 – 9 tháng đầu năm 2026 13
Hình 4: Sơ đồ cơ cấu tổ chức của CTCP Vật tư Hậu Giang 31
Hình 5: Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý 33

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

Ông **Lê Hoàng Nam** - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông **Mai Bảo Ngọc** - Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Bà **Lâm Thị Thu Hiền** - Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT – CHI NHÁNH TP. HCM

Bà **Vũ Thị Thanh Nga** - Chức vụ: Giám đốc Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp

(Theo Giấy ủy quyền số 33-2026/UQ/FPTS ngày 31/03/2026)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT tham gia lập trên cơ sở hợp đồng số 358 - 2025/FPTS/FCF-HCM/HAM ngày 11/12/2025 với Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang cung cấp.

[Phần còn lại của trang này được chủ ý để trống]

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

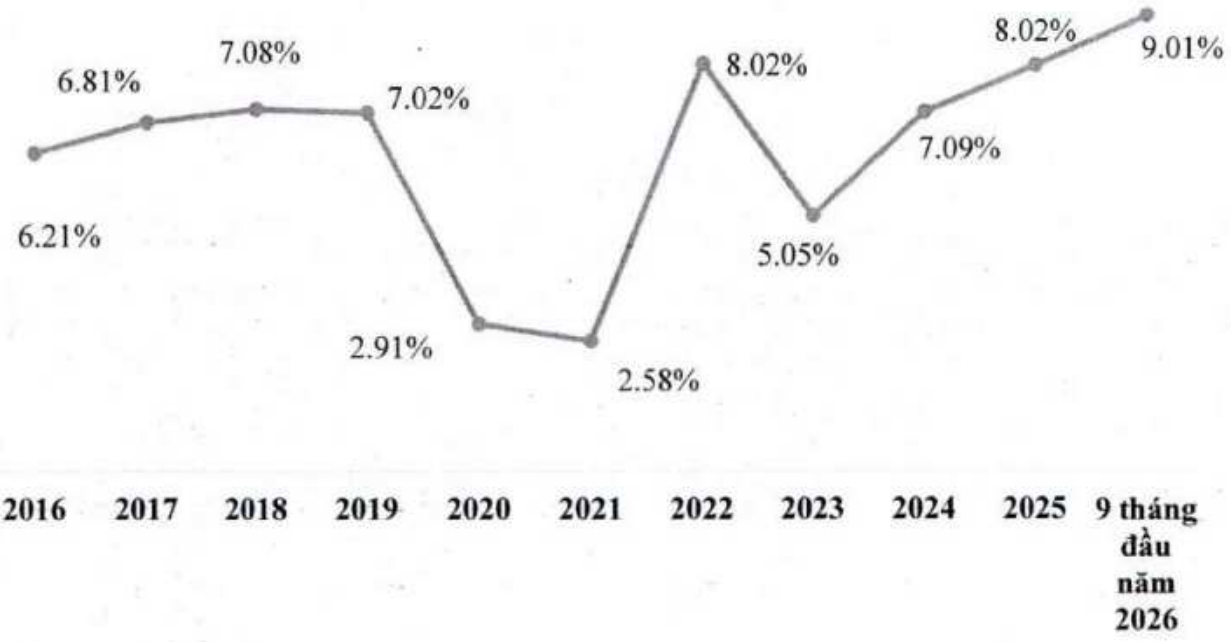
Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang (HAMACO) hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất, thương mại và phân phối vật liệu xây dựng. Với hệ thống trạm trộn bê tông, nhà máy bê tông cấu kiện, nhà máy xi măng và vật liệu xây tô, Công ty có năng lực cung ứng ổn định, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của thị trường miền Nam. Đối với HAMACO, các yếu tố vĩ mô như tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái, giá nguyên vật liệu đầu vào, chi phí vận tải và tiến độ giải ngân đầu tư công là những chỉ số quan trọng để đánh giá môi trường kinh doanh. Những yếu tố này không chỉ ảnh hưởng đến sức cầu của thị trường xây dựng mà còn tác động trực tiếp đến chi phí đầu vào, hiệu quả phân phối, kế hoạch đầu tư và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Vì vậy, việc thường xuyên theo dõi, đánh giá các biến động của nền kinh tế và thị trường là cần thiết để HAMACO chủ động xây dựng phương án kinh doanh, quản trị rủi ro và triển khai các giải pháp ứng phó phù hợp, qua đó hạn chế tác động bất lợi và duy trì hiệu quả hoạt động trong bối cảnh thị trường còn nhiều biến động.

1.1 Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng GDP là chỉ số đo lường tốc độ tăng trưởng kinh tế của một quốc gia giữa hai thời kỳ nhất định, thường là theo quý hoặc theo năm. Đây là một chỉ tiêu kinh tế vĩ mô quan trọng để đánh giá mức độ phát triển và sức khỏe của nền kinh tế, vì vậy, việc phân tích GDP luôn là công tác được các doanh nghiệp ưu tiên hàng đầu trong quá trình xây dựng các chiến lược kinh doanh phù hợp. Nhu cầu tiêu dùng của một quốc gia là động lực chính cho các doanh nghiệp mở rộng quy mô sản xuất. Do đó, khi chỉ số GDP tăng trưởng mạnh, các doanh nghiệp cần ưu tiên đẩy mạnh đầu tư, nâng cao năng lực sản xuất nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường, ngược lại, khi tốc độ tăng trưởng GDP chậm lại hoặc suy giảm, doanh nghiệp cần ưu tiên quản lý chi phí và kiểm soát dòng tiền thận trọng hơn nhằm duy trì sự ổn định và giảm thiểu rủi ro dư thừa nguồn cung.

[Phần còn lại của trang này được chủ ý để trống]

Hình 1: Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 2016 – 9 tháng đầu năm 2026



Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam, FPTS tổng hợp

Năm 2020 – 2024 là một giai đoạn đầy biến động với nền kinh tế thế giới, với nhiều yếu tố bất định diễn biến liên tục, gây nhiều khó khăn và thách thức cho sự phát triển kinh tế chung. Năm 2020, đại dịch COVID-19 bùng phát đã đẩy nền kinh tế toàn cầu vào suy thoái sâu rộng: hoạt động sản xuất đình trệ, giao thương đứt gãy, tiêu dùng suy giảm mạnh khiến nhiều doanh nghiệp phải tạm dừng hoạt động. Đến năm 2021, kinh tế thế giới bước vào giai đoạn phục hồi nhờ chiến dịch tiêm vaccine diện rộng cùng các gói hỗ trợ tài chính quy mô lớn. Tuy nhiên, quá trình phục hồi diễn ra không đồng đều và tùy thuộc vào phương án phòng chống dịch bệnh và tiềm lực kinh tế của từng quốc gia. Năm 2022, sự kiện xung đột Nga – Ukraine xảy ra tác động lớn đến chuỗi cung ứng năng lượng và nông nghiệp, đẩy lạm phát lên cao và vượt xa mục tiêu lạm phát buộc các ngân hàng trung ương phải thực hiện chính sách thắt chặt tiền tệ thông qua việc nâng lãi suất điều hành.

Sau đó, vào năm 2023 và 2024, nền kinh tế dần bước vào giai đoạn ổn định hơn, với các mục tiêu phát triển chính là chuyển đổi số và phát triển bền vững. Trong giai đoạn này, chính sách thắt chặt tiền tệ của các quốc gia bắt đầu có hiệu quả, một mặt góp phần ổn định lại các chỉ số lạm phát, mặt khác làm chậm lại tốc độ phát triển của nền kinh tế. Mặc dù vậy, Việt Nam là một trong số ít các quốc gia được đánh giá có tốc độ tăng trưởng kinh tế được duy trì tích cực.

Việt Nam hiện đang bước vào thời kỳ hội nhập quốc tế sâu rộng và phát triển kinh tế mạnh mẽ, thể hiện qua hoạt động giao thương quốc tế diễn ra với mức độ cao, xu hướng mở rộng của chính sách tiền tệ và cơ cấu dân số có tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động đạt khoảng 68% tổng dân số. Tình hình kinh tế tích cực của đất nước được phản ánh rõ nét thông qua những con số ấn tượng, trong đó tốc độ tăng trưởng GDP đóng vai trò là chỉ báo then chốt, phản ánh toàn diện sức bật và tiềm năng to lớn của nền kinh tế Việt Nam trong bối cảnh hội nhập sâu rộng. Theo Tổng cục Thống kê, tốc độ

tăng trưởng GDP của Việt Nam trong năm 2025 tăng trưởng khá với mức tăng đạt 8,02% so với năm trước (7,09%), hoàn thành mục tiêu 8% mà Chính phủ đề ra, trong đó, mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,78%, đóng góp 5,30%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,95%, đóng góp 43,62%; khu vực dịch vụ tăng 8,62%, đóng góp 51,08%. Đáng chú ý, mức tăng trưởng 8,95% của khu vực công nghiệp và xây dựng cao hơn mức tăng trưởng chung của toàn nền kinh tế, là một trong những yếu tố hỗ trợ nhu cầu tiêu thụ vật liệu cơ bản. Mức tăng trưởng này không chỉ được hỗ trợ bởi sự phục hồi của thị trường bất động sản dân dụng sau giai đoạn thắt chặt tiền tệ, mà còn nhờ vào quyết tâm giải ngân vốn đầu tư công của Chính phủ cho các dự án hạ tầng giao thông trọng điểm.

Tiếp nối kết quả tăng trưởng tích cực của năm 2025, nền kinh tế Việt Nam trong 09 tháng đầu năm 2026 duy trì đà tăng trưởng cao với GDP ước tăng 9,01% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn mức tăng 7,85% của cùng kỳ năm 2025. Trong đó, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 11,21%, đóng góp 49,62% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; riêng ngành xây dựng tăng 12,22%, đóng góp 8,23% vào mức tăng chung. Diễn biến này cho thấy hoạt động công nghiệp, xây dựng và đầu tư tiếp tục là một trong những động lực quan trọng của tăng trưởng kinh tế trong năm 2026. Hoạt động ngoại thương tiếp tục mở rộng trong 09 tháng đầu năm 2026. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 888,02 tỷ USD, tăng 30,4% so với cùng kỳ năm trước; trong đó xuất khẩu đạt 434,30 tỷ USD, tăng 24,5% và nhập khẩu đạt 453,72 tỷ USD, tăng 36,7%. Cán cân thương mại hàng hóa ghi nhận nhập siêu 19,42 tỷ USD. Tuy nhiên, môi trường kinh tế thế giới tiếp tục tiềm ẩn nhiều yếu tố bất định do căng thẳng địa chính trị, xu hướng gia tăng các biện pháp bảo hộ thương mại, biến động giá năng lượng, nguyên nhiên vật liệu và chi phí vận tải quốc tế. Với độ mở kinh tế lớn, những biến động này có thể tác động đến chi phí đầu vào, hoạt động nhập khẩu nguyên vật liệu và mặt bằng giá trong nước.

Đối với ngành xây dựng và vật liệu xây dựng, đà tăng trưởng trong 09 tháng đầu năm 2026 tiếp tục được hỗ trợ bởi việc triển khai các dự án hạ tầng, bất động sản và tiến độ thực hiện đầu tư công. Giá trị tăng thêm của ngành xây dựng tăng 12,22% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn tốc độ tăng chung của nền kinh tế. Đây là yếu tố có thể hỗ trợ nhu cầu đối với các nhóm vật liệu xây dựng chủ yếu như thép, xi măng, bê tông và các sản phẩm hoàn thiện – là những ngành hàng kinh doanh chính của HAMACO.

Đầu tư công tiếp tục được đẩy mạnh trong năm 2026. Theo Bộ Tài chính, đến hết ngày 30/09/2026, lũy kế giải ngân vốn đầu tư công đạt khoảng 642.961,6 tỷ đồng, tương đương 62,9% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, cao hơn cùng kỳ năm 2025 khoảng 202.559,3 tỷ đồng về giá trị tuyệt đối. Việc đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư công, đặc biệt là các công trình giao thông và hạ tầng, có thể tiếp tục tạo nhu cầu đối với vật liệu xây dựng trong những tháng cuối năm 2026, qua đó tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong ngành, trong đó có HAMACO. Đặc biệt tại khu vực phía Nam, việc triển khai các tuyến cao tốc và công trình hạ tầng giao thông quy mô lớn được kỳ vọng sẽ hỗ trợ nhu cầu đối với các nhóm vật liệu xây dựng như thép,

đá, bê tông và xi măng. Đây là yếu tố có thể tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp có năng lực cung ứng và hệ thống phân phối tại khu vực.

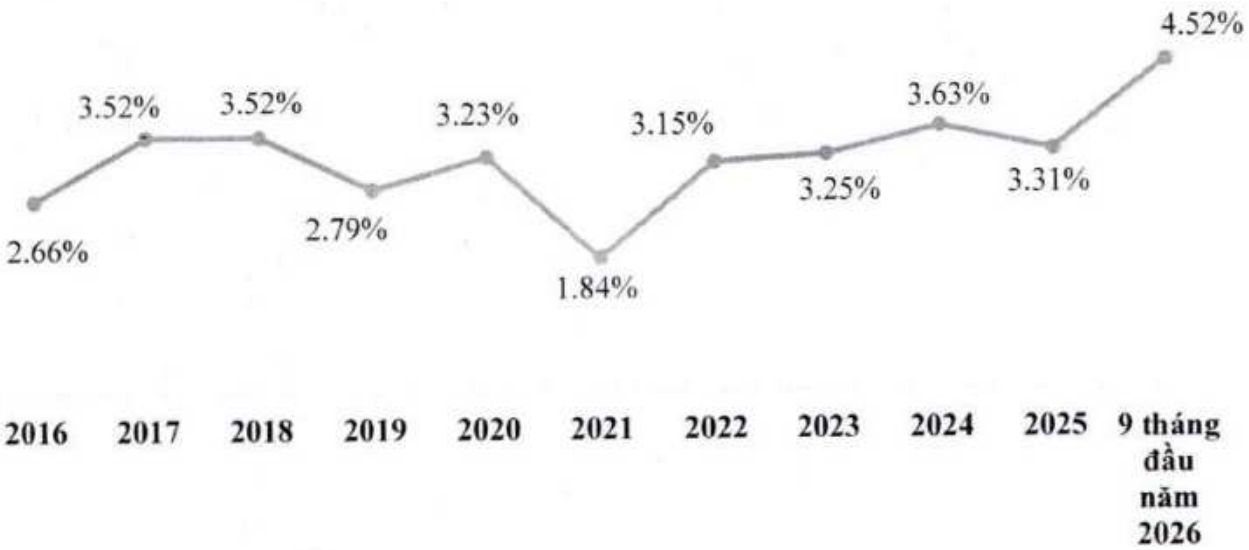
Trong bối cảnh đó, HAMACO có thể tận dụng hệ thống trạm trộn bê tông, nhà máy bê tông cấu kiện và mạng lưới phân phối hiện có để tham gia cung ứng vật liệu cho các dự án hạ tầng và các công trình có nhu cầu sử dụng vật liệu xây dựng. Bên cạnh đó, việc ứng dụng công nghệ trong quản lý chuỗi cung ứng và từng bước phát triển các sản phẩm theo định hướng bền vững có thể góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động, khả năng đáp ứng nhu cầu khách hàng và năng lực cạnh tranh của Công ty tại thị trường phía Nam.

1.2 Lạm phát

Lạm phát là tình trạng giá cả tổng thể của các hàng hóa và dịch vụ trong nền kinh tế tăng liên tục theo thời gian, dẫn đến sự suy giảm giá trị thực của đồng tiền. Khi mức sống tăng do chi phí sinh hoạt leo thang, người tiêu dùng phải chi nhiều hơn cho cùng một rổ hàng hóa, trong khi doanh nghiệp lại đối mặt với áp lực từ chi phí đầu vào như nguyên vật liệu, nhân công và vận chuyển ngày càng cao.

Điều này không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến biên lợi nhuận mà còn làm thay đổi dòng tiền hoạt động, đặc biệt với các doanh nghiệp có đòn bẩy tài chính lớn. HAMACO hiện đang có cổ phiếu được giao dịch thông qua sàn UPCoM thuộc quản lý của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, lạm phát còn tác động sâu rộng đến chiến lược huy động vốn vì nhà đầu tư có thể yêu cầu tỷ suất sinh lợi cao hơn để bù đắp rủi ro, khiến chi phí sử dụng vốn gia tăng, trực tiếp ảnh hưởng đến quá trình định giá của doanh nghiệp.

Hình 2: Tốc độ tăng trưởng CPI bình quân của Việt Nam giai đoạn 2016 – 9 tháng đầu năm 2026



Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam, FPTS tổng hợp

Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê, CPI bình quân năm 2024 tăng 3,63% so với năm 2023. Trong đó, chỉ số giá nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 4,03% so với năm trước, chỉ số giá nhóm

nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 5,2% so với năm trước, … là các yếu tố tác động làm tăng CPI. Năm 2025, giá cả thị trường tiếp tục được kiểm soát tốt khi CPI bình quân cả năm chỉ tăng 3,31% và hoàn thành mục tiêu Quốc hội đề ra. Bước sang năm 2026, áp lực lạm phát có xu hướng gia tăng. Bình quân 09 tháng đầu năm 2026, CPI tăng 4,52% so với cùng kỳ năm 2025. Nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 6,68%, tác động làm CPI chung tăng 1,52 điểm phần trăm; nhóm giao thông tăng 6,06%, tác động tăng 0,60 điểm phần trăm; và nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 4,72%, tác động tăng 1,69 điểm phần trăm. Đáng chú ý, trong nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng, giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 13,07%, trong khi giá nhiên liệu thuộc nhóm giao thông tăng 10,89%. Bên cạnh đó, tính chung 09 tháng đầu năm 2026, chỉ số giá nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu dùng cho sản xuất tăng 5,12% so với cùng kỳ năm trước. Diễn biến gia tăng của giá nguyên, nhiên vật liệu và chi phí đầu vào có thể tạo áp lực lên giá thành sản xuất, vận chuyển và phân phối, đặc biệt đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng như HAMACO.

Các yếu tố có thể tạo áp lực lạm phát trong năm 2026:

Xung đột quân sự tại một số khu vực trở nên phức tạp, tiềm ẩn nguy cơ mở rộng ra quy mô lớn. Các cuộc xung đột này thường kéo theo gián đoạn chuỗi cung ứng năng lượng, lương thực và nguyên vật liệu chiến lược, đặc biệt khi các khu vực xung đột là trung tâm sản xuất hoặc vận chuyển quan trọng như Trung Đông. Điều này đã dẫn đến một cuộc khủng hoảng an ninh nghiêm trọng trên các tuyến hải trình huyết mạch và việc gián đoạn này làm tăng mạnh giá dầu mỏ, khí đốt, kim loại và các mặt hàng thiết yếu, từ đó lan tỏa thành áp lực chi phí đầu vào trên diện rộng.

Bên cạnh đó, áp lực cạnh tranh kinh tế ngày càng gia tăng giữa các cường quốc, khiến cho các chính sách tiền tệ, tài khóa và thương mại liên tục được điều chỉnh nhằm bảo vệ lợi ích của các quốc gia. Bên cạnh đó, những thay đổi trong chính sách thương mại, thuế quan và các biện pháp bảo hộ của các nền kinh tế lớn có thể làm gia tăng bất định thương mại, ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng toàn cầu và tạo áp lực lên chi phí nhập khẩu tại nhiều quốc gia.

Đối với thị trường Việt Nam, chi phí nhập khẩu nguyên liệu, nhiên liệu phục vụ sản xuất có khả năng tăng theo diễn biến chung của tình hình chuỗi cung ứng thế giới. Điều này làm gia tăng chi phí đầu vào và giá thành sản phẩm, gây áp lực lên hoạt động sản xuất của doanh nghiệp, đồng thời kéo theo giá hàng hóa tiêu dùng trong nước tăng theo, góp phần làm gia tăng áp lực lạm phát.

Các chính sách kích thích kinh tế như gói hỗ trợ tài khóa, giảm mặt bằng lãi suất cho vay, mở rộng tín dụng và đẩy mạnh đầu tư công của Chính phủ Việt Nam đã và đang được áp dụng nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, rủi ro của nguồn tiền dư thừa có thể vượt quá mức cung hàng hóa và dịch vụ, tạo ra áp lực lên mặt bằng giá chung của Việt Nam.

Rủi ro lạm phát ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của HAM:

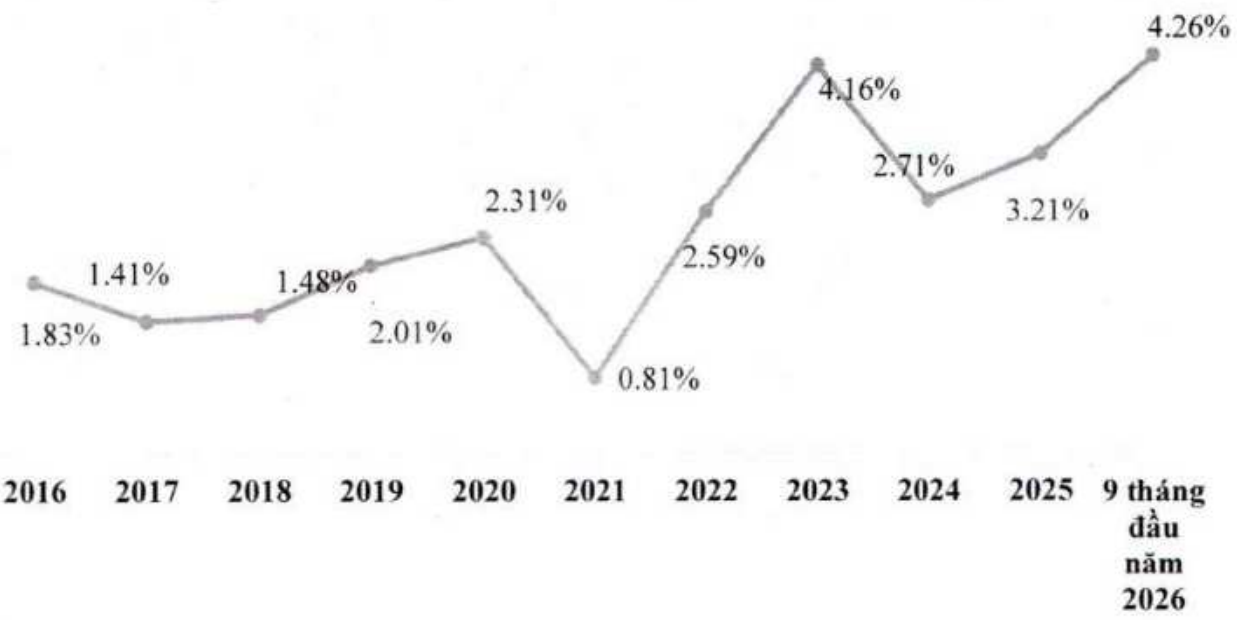
Mặc dù mục tiêu chung của Quốc hội là giữ lạm phát dưới mức 4,5%, nhưng những biến động tiêu cực từ thị trường năng lượng thế giới từ tháng 3/2026 đã buộc các cơ quan quản lý phải đưa ra các kịch bản thận trọng hơn. Theo báo cáo mới nhất của Bộ Tài chính, do giá xăng dầu thế giới leo thang dưới tác động của xung đột tại Trung Đông kéo theo sự gia tăng của giá cước vận chuyển và

chi phí logistics, đơn vị này đã cập nhật 3 kịch bản lạm phát cho năm 2026 lần lượt ở mức 4,5%; 5% và 5,5%. Đồng thời, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cũng đưa ra dự báo lạm phát bình quân năm 2026 dao động trong khoảng 5 ± 0,5%, trong khi các tổ chức quốc tế duy trì mức dự báo thận trọng từ 3,8% đến 4,9%.

Trong bối cảnh chung nền kinh tế năm 2026, lạm phát đang tạo ra những thách thức trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh của HAMACO. Do đặc thù kinh doanh, buôn bán trong lĩnh vực xây dựng cần nhiều nhiên liệu và vật tư, nên Công ty đang phải đối mặt với tình trạng giá cả đầu vào tăng cao. Việc giá dầu thế giới biến động và các xung đột địa chính trị đã khiến chi phí vận hành trạm trộn, giá nhựa đường và đặc biệt là phí vận chuyển bằng xe bồn, sà lan cũng tăng đáng kể,... Khi chi phí vận chuyển và nguyên liệu đều đồng loạt tăng, giá thành sản xuất bê tông và các loại vật liệu của HAMACO bị đẩy lên, gây áp lực trực tiếp lên lợi nhuận của doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, rủi ro lạm phát còn tác động gián tiếp thông qua sự biến động của tổng cầu thị trường. Mặc dù đầu tư công cho hạ tầng vẫn là yếu tố hỗ trợ, nhưng mặt bằng giá chung tăng cao có thể dẫn đến việc thắt chặt chi tiêu trong phân khúc xây dựng dân dụng và bất động sản nhà ở. Điều này đặt HAMACO trước bài toán phải cân đối giữa việc điều chỉnh giá bán để bù đắp chi phí và việc duy trì sức cạnh tranh để bảo vệ thị phần. Để hạn chế tác động bất lợi, HAMACO cần linh hoạt trong công tác quản trị tồn kho, ứng dụng chuyển đổi số để tối ưu hóa lộ trình vận chuyển và kiên trì mục tiêu phát triển bền vững nhằm giảm thiểu sự phụ thuộc vào các biến số ngoại lực không ổn định.

Hình 3: Tỷ lệ lạm phát cơ bản bình quân của Việt Nam giai đoạn từ năm 2016 – 9 tháng đầu năm 2026



Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam, FPTS tổng hợp

1.3 Lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro phát sinh từ sự biến động của lãi suất thị trường có khả năng gây ra tổn thất cho doanh nghiệp thông qua sự ảnh hưởng đến chi phí sử dụng vốn và lợi nhuận. Với lĩnh vực hoạt động sản xuất, thương mại và phân phối vật liệu xây dựng, nhu cầu vốn lưu động của Công ty cần được duy trì ở mức cao, việc đánh giá rủi ro lãi suất là một công tác đặc biệt quan trọng, đóng vai trò then chốt trong việc quản trị tài chính, đảm bảo tính ổn định trong quá trình vận hành sản xuất kinh doanh của HAMACO trong ngắn hạn lẫn dài hạn.

Năm 2025 đánh dấu bước ngoặt của chính sách tiền tệ toàn cầu khi mặt bằng lãi suất bắt đầu hạ nhiệt. Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) đã thực hiện ba lần cắt giảm, đưa lãi suất tham chiếu xuống mức 3,5% - 3,75% nhằm kích cầu kinh tế và ổn định thị trường lao động. Tuy nhiên, bước sang năm 2026, lộ trình này đang đứng trước nhiều phép thử lớn. "Biểu đồ chấm" (Dot Plot) của FOMC công bố cuối năm 2025 dù dự báo xu hướng giữ nguyên hoặc giảm nhẹ lãi suất, nhưng thực tế địa chính trị tại Trung Đông, đặc biệt là căng thẳng tại eo biển Hormuz đang đe dọa đẩy giá dầu lên cao, làm sống lại áp lực lạm phát. Điều này buộc các ngân hàng trung ương lớn phải duy trì trạng thái thận trọng, sẵn sàng thắt chặt trở lại nếu các cú sốc cung ứng năng lượng làm lệch quỹ đạo kiểm soát giá cả toàn cầu. Tại Việt Nam, sau giai đoạn lãi suất cho vay duy trì ở mức thấp (phổ biến 6,2% – 8,5%/năm) trong phần lớn năm 2025 để hỗ trợ phục hồi, thị trường đã bắt đầu xuất hiện những tín hiệu mới vào cuối năm. Sự "khát vốn" của khối ngân hàng tư nhân được thể hiện rõ qua lãi suất liên ngân hàng qua đêm có thời điểm chạm mức 7,37%, kéo theo đà tăng của lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng lên ngưỡng 4% - 6,5%.

Trong 09 tháng đầu năm 2026, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ theo hướng chủ động, linh hoạt nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, đồng thời kiểm soát lạm phát và duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, thị trường tiền tệ. Các mức lãi suất điều hành tiếp tục được giữ ổn định; bên cạnh đó, Ngân hàng Nhà nước triển khai các giải pháp nhằm bảo đảm thanh khoản hệ thống, định hướng dòng vốn tín dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh và các lĩnh vực ưu tiên. Tuy nhiên, diễn biến lãi suất thị trường có sự thay đổi so với giai đoạn đầu năm. Đến ngày 20/09/2026, lãi suất tiền gửi bình quân đối với các giao dịch phát sinh mới đạt khoảng 6,38%/năm, tăng khoảng 1,15 điểm phần trăm/năm so với cuối năm 2025. Theo Ngân hàng Nhà nước, tốc độ tăng lãi suất đã có xu hướng chậm lại và mặt bằng lãi suất đang dần hình thành mức cân bằng mới.

Cùng với diễn biến lãi suất, tín dụng tiếp tục tăng trong 09 tháng đầu năm 2026. Đến ngày 30/09/2026, dư nợ tín dụng toàn hệ thống tăng 11,59% so với cuối năm 2025 và tăng 16,69% so với cùng kỳ năm trước. Trong khi đó, áp lực lạm phát có xu hướng gia tăng khi CPI bình quân 09 tháng năm 2026 tăng 4,52% so với cùng kỳ năm 2025; lạm phát cơ bản bình quân tăng 4,26%. Những yếu tố này, cùng với biến động giá hàng hóa, năng lượng, tỷ giá và thị trường tài chính quốc tế, có thể tiếp tục ảnh hưởng đến định hướng điều hành chính sách tiền tệ và mặt bằng lãi suất trong những tháng cuối năm.

Đối với HAMACO, với đặc thù hoạt động sản xuất, thương mại và phân phối vật liệu xây dựng có nhu cầu vốn lưu động tương đối lớn, biến động lãi suất có thể tác động trực tiếp đến chi phí tài chính và hiệu quả hoạt động của Công ty. Việc mặt bằng lãi suất huy động tăng trong 09 tháng

đầu năm 2026 có thể tạo áp lực nhất định lên chi phí vốn của hệ thống ngân hàng và qua đó ảnh hưởng đến lãi suất cho vay. Trong trường hợp lãi suất cho vay tăng, chi phí sử dụng vốn của Công ty có thể gia tăng, ảnh hưởng đến biên lợi nhuận, dòng tiền và nhu cầu vốn lưu động. Vì vậy, Công ty cần tiếp tục theo dõi diễn biến lãi suất, chủ động cơ cấu kỳ hạn và nguồn vốn vay, đồng thời kiểm soát nhu cầu vốn lưu động nhằm hạn chế tác động của biến động lãi suất đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

1.4 Tỷ giá hối đoái

Trong 09 tháng đầu năm 2026, thị trường ngoại tệ trong nước tiếp tục chịu tác động từ những diễn biến phức tạp của thị trường tài chính quốc tế, căng thẳng địa chính trị, biến động giá năng lượng và xu hướng điều hành chính sách tiền tệ của các ngân hàng trung ương lớn. Trong bối cảnh đó, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tiếp tục điều hành tỷ giá linh hoạt, phối hợp với các công cụ chính sách tiền tệ nhằm góp phần ổn định thị trường ngoại tệ, kiểm soát lạm phát và duy trì ổn định kinh tế vĩ mô. Theo Ngân hàng Nhà nước, thị trường ngoại tệ trong 09 tháng đầu năm 2026 hoạt động thông suốt, các nhu cầu ngoại tệ hợp pháp của nền kinh tế được đáp ứng đầy đủ, kịp thời và tỷ giá USD/VND diễn biến linh hoạt, phù hợp với điều kiện thị trường.

Bình quân 09 tháng đầu năm 2026, chỉ số giá đô la Mỹ tăng 1,01% so với cùng kỳ năm trước. Diễn biến này cho thấy áp lực tỷ giá đã giảm vào cuối quý III nhưng vẫn chịu ảnh hưởng bởi biến động của đồng USD trên thị trường quốc tế, chính sách tiền tệ của các nền kinh tế lớn và các yếu tố địa chính trị.

Đối với HAMACO, do Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, thương mại và phân phối vật liệu xây dựng, biến động tỷ giá có thể ảnh hưởng đến giá nhập khẩu một số nguyên vật liệu, hàng hóa, máy móc, thiết bị hoặc các nghĩa vụ thanh toán có liên quan đến ngoại tệ. Trong trường hợp đồng Việt Nam mất giá so với các ngoại tệ thanh toán chủ yếu, chi phí đầu vào và nhu cầu vốn lưu động của Công ty có thể gia tăng, qua đó tạo áp lực lên chi phí hoạt động và biên lợi nhuận. Vì vậy, Công ty cần tiếp tục theo dõi diễn biến tỷ giá, chủ động cân đối nhu cầu ngoại tệ, thời điểm thanh toán và cơ cấu nguồn cung nhằm hạn chế tác động bất lợi của biến động tỷ giá đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. Rủi ro về luật pháp

Trong bối cảnh kinh doanh ngày càng phức tạp và chịu sự chi phối chặt chẽ từ hệ thống pháp luật, rủi ro pháp lý dần trở thành một thách thức lớn đối với các doanh nghiệp. Những vấn đề liên quan đến pháp lý không chỉ gây tổn thất về tài chính mà còn có thể ảnh hưởng tiêu cực đến uy tín trên thị trường chứng khoán, kéo giảm giá trị vốn hóa cũng như hạn chế khả năng huy động vốn. Vì vậy, việc tuân thủ nghiêm ngặt các quy định hiện hành, đồng thời chủ động xây dựng cơ chế quản trị rủi ro pháp lý hiệu quả, là điều kiện cần thiết để đảm bảo sự minh bạch, ổn định và phát triển bền vững của một công ty đại chúng.

Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang hiện đang là công ty đại chúng, có cổ phiếu được đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) nên Công ty vận hành dưới sự điều chỉnh nghiêm ngặt Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, cùng các văn bản hướng dẫn cụ thể như Nghị

định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 96/2020/TT-BTC và Thông tư số 68/2024/TT-BTC của Bộ Tài chính và một số quy định liên quan trong lĩnh vực chứng khoán. Mọi sự thay đổi trong khuôn khổ pháp lý đều có thể tác động trực tiếp đến cách thức quản lý vận hành, nghĩa vụ công bố thông tin cũng như định hướng phát triển của Công ty. Đặc biệt, từ cuối năm 2024 đến nay, nhiều quy định mới đã được ban hành hoặc điều chỉnh nhằm tiệm cận chuẩn mực quốc tế, thúc đẩy quá trình nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam.

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, thương mại và phân phối vật liệu xây dựng, HAMACO điều hành và quản lý toàn bộ hoạt động theo Luật Xây dựng, Luật Thương mại và Nghị định số 09/2021/NĐ-CP về quản lý vật liệu xây dựng, cùng các thông tư hướng dẫn về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm hàng hóa nhóm 2. Cụ thể, các chính sách mới hiện nay đang tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng mạng lưới cung ứng thông qua các mô hình logistics hiện đại và kinh doanh trên nền tảng số, đồng thời đơn giản hóa các thủ tục kiểm định chất lượng và cấp phép lưu thông vật liệu. Chính phủ cũng đặc biệt khuyến khích sản xuất nội địa thông qua các ưu đãi về thuế, hỗ trợ nghiên cứu phát triển các dòng vật liệu mới thân thiện với môi trường (vật liệu xanh) và thúc đẩy chuyển giao công nghệ trong sản xuất bê tông cấu kiện chất lượng cao. Bên cạnh đó, các quy định mới về quản lý đầu tư công và đấu thầu cũng tạo ra môi trường minh bạch, ưu tiên lựa chọn những nhà cung ứng có năng lực sản xuất bền vững và uy tín như HAMACO. Sự đổi mới và cập nhật liên tục trong các quy định pháp lý ngành xây dựng cho thấy sự quan tâm sâu sắc của Nhà nước đối với mục tiêu phát triển hạ tầng quốc gia. Đây là cơ hội để HAMACO phát triển bền vững và tiệm cận với các tiêu chuẩn xây dựng quốc tế, nhưng đồng thời cũng là thách thức đòi hỏi Công ty phải liên tục cập nhật, áp dụng các quy chuẩn kỹ thuật mới nhất nhằm tối ưu hóa vận hành và hạn chế tối đa các rủi ro pháp lý trong quá trình kinh doanh

3. Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro nguyên vật liệu và gián đoạn chuỗi cung ứng

Là doanh nghiệp có quy mô sản xuất và phân phối vật tư lớn, những rủi ro trọng yếu của HAMACO nằm ở tính sẵn có, biến động giá cả và chi phí khai thác nguồn nguyên vật liệu:

- Đối với mảng sản xuất: Trong bối cảnh giai đoạn 2024 - 2026, khi các quy định về khai thác khoáng sản tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) ngày càng được siết chặt, HAMACO đối mặt với thách thức lớn về nguồn cung cát và đá phục vụ trạm trộn bê tông và sản xuất xi măng. Việc thiếu hụt nguồn nguyên liệu tại chỗ không chỉ đẩy giá thành lên cao mà còn làm gia tăng áp lực logistics khi doanh nghiệp phải tìm kiếm nguồn hàng từ các khu vực xa hơn. Bên cạnh đó, các sản phẩm đặc thù như bột đá vôi Canxi phục vụ ngành thủy sản đòi hỏi sự ổn định tuyệt đối về các chỉ số hóa lý; bất kỳ sự biến động nào về độ tinh khiết của đá vôi đầu vào cũng có thể gây ra rủi ro bồi thường và tổn hại uy tín trong chuỗi giá trị xuất khẩu tôm của khách hàng. Ngoài ra, chi phí năng lượng (điện, than) tăng cao trong các công đoạn nghiền và nung cũng là một biến số gây áp lực trực tiếp lên biên lợi nhuận của khối sản xuất

- Đối với mảng phân phối (Thép, LPG, Dầu nhờn, Sơn): Công ty phải phụ thuộc chặt chẽ vào chính sách giá và khả năng cung ứng của các nhà máy chính. Bất kỳ sự gián đoạn sản xuất của các đối tác hoặc các rào cản thuế quan mới có thể khiến nguồn hàng bị thắt chặt đột ngột. Đặc biệt, các mặt hàng này thường có giá biến động liên tục theo ngày và tham chiếu theo tỷ giá USD, tạo ra "rủi ro kép": rủi ro khi mua đỉnh và bán đáy lúc giá thị trường lao dốc, và rủi ro tỷ giá làm đội vốn nhập kho. Trong điều kiện lãi suất duy trì ở mức cao, việc duy trì lượng hàng tồn kho lớn để đảm bảo thị phần cũng đồng thời trở thành gánh nặng tài chính, đòi hỏi HAMACO phải có năng lực dự báo thị trường nhạy bén.

3.2. Rủi ro cạnh tranh

Thị trường vật liệu xây dựng năm 2026 đang bước vào giai đoạn bão hòa đối với các dòng sản phẩm truyền thống. HAMACO hiện đang đối mặt với áp lực cạnh tranh gay gắt từ hai phía:

- Từ các tập đoàn sản xuất quy mô lớn: Các tổ hợp luyện kim và nhà máy xi măng lớn với chuỗi giá trị khép kín đang đẩy mạnh chiến lược bành trướng thị phần thông qua lợi thế về quy mô và tối ưu hóa chi phí đầu vào, tạo ra cuộc chiến về giá và chiết khấu đầy khốc liệt trên thị trường

- Từ các doanh nghiệp FDI: Sự lấn sân của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài mang theo công nghệ quản trị hiện đại và các dòng "vật liệu xanh" đạt chuẩn quốc tế đang tái định nghĩa lại phân khúc khách hàng cao cấp. Điều này đặt ra thách thức cho HAMACO trong việc giữ vững thị phần tại các dự án có vốn ngoại hoặc các công trình yêu cầu khắt khe về tiêu chuẩn môi trường, xã hội và quản trị (ESG)

Biện pháp kiểm soát: Để chuyển hóa áp lực thành động lực, HAMACO kiên định với chiến lược không sa đà vào cuộc đua giá rẻ, mà tập trung khác biệt hóa bằng chất lượng dịch vụ và năng lực logistics tự chủ. Công ty tận dụng sự am hiểu thị trường miền Nam cùng hệ thống kho bãi, cảng biển chiến lược để tối ưu hóa tốc độ cung ứng – yếu tố sống còn trong ngành bê tông tươi. Việc chủ động đầu tư vào sản phẩm đạt chuẩn xanh và chuyển đổi số trong quản trị khách hàng sẽ góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh của HAMACO trên thị trường.

3.3. Rủi ro phụ thuộc vào chu kỳ thị trường Bất động sản và Đầu tư công

Hoạt động kinh doanh cốt lõi của HAMACO (cung cấp thép, xi măng, bê tông và vật liệu hoàn thiện) phụ thuộc rất lớn vào tình hình phát triển kinh tế vĩ mô, đặc biệt là chu kỳ phục hồi của thị trường bất động sản dân dụng và nhịp độ giải ngân vốn đầu tư công. Khi thị trường bất động sản chững lại hoặc các dự án hạ tầng bị đình trệ, nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm vật liệu xây dựng sẽ sụt giảm, từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến kế hoạch doanh thu, biên lợi nhuận và dòng tiền của Công ty.

Trong những năm qua, sự biến động của hai thị trường này đã tác động rõ nét đến HAMACO. Năm 2024, sự "đóng băng" của thị trường bất động sản dân dụng và các vướng mắc pháp lý kéo dài đã khiến sản lượng tiêu thụ thép của HAMACO sụt giảm 8,5% so với năm 2023, chỉ hoàn thành 79,8% kế hoạch năm. Bước sang năm 2025, mặc dù phân khúc bất động sản dân dụng phục hồi chậm, nhưng các chính sách thúc đẩy đầu tư công đã trở thành động lực chính. Nhờ xoay trục chiến lược sang phục vụ các dự án hạ tầng trọng điểm và cao tốc, mảng bê tông của HAMACO đã ghi nhận

doanh thu vượt 20,7% định mức kế hoạch đề ra. Việc tập trung nguồn lực vào các dự án cao tốc và công trình quốc gia có yêu cầu kỹ thuật khắt khe không chỉ giúp tối ưu hóa công suất trạm trộn mà còn khẳng định năng lực thực thi và uy tín thương hiệu HAMACO trên thị trường xây dựng hạ tầng miền Nam. Đồng thời, mảng thép cũng xác lập kết quả tích cực với sản lượng tiêu thụ hoàn thành 103,5% kế hoạch và tăng trưởng 19,7% so với năm 2024.

Năm 2026 là năm đầu thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 – 2030. Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 được Quốc hội giao là 1,08 triệu tỷ đồng, cao hơn khoảng 175 nghìn tỷ đồng so với kế hoạch vốn năm 2025. Động lực tăng trưởng không chỉ đến từ đầu tư công, mà còn từ mảng xây dựng dân dụng khi phân khúc nhà ở xã hội được dự báo tăng mạnh nguồn cung khoảng 50%. Tuy nhiên, nếu tiến độ giải ngân đầu tư công thực tế chậm hơn kế hoạch, hoặc các rào cản pháp lý khiến các dự án bất động sản tiếp tục đình trệ, nhu cầu tiêu thụ các vật liệu nặng khi thi công đại trà sẽ bị nghẽn lại. Hơn nữa, sự hồi phục chậm của phân khúc nhà ở sẽ trực tiếp đe dọa đến đà tăng trưởng của nhóm sản phẩm vật liệu hoàn thiện có biên lợi nhuận cao như sơn, thiết bị vệ sinh.

Trước tình hình đó, HAMACO cần phải chủ động xây dựng các giải pháp ứng phó linh hoạt nhằm giảm thiểu rủi ro và đảm bảo hoạt động sản xuất – kinh doanh ổn định. Một trong những hướng đi chiến lược là chủ động chuyển dịch cơ cấu khách hàng, giảm sự phụ thuộc vào các dự án bất động sản dân dụng đơn lẻ và ưu tiên đấu thầu cung ứng cho các công trình hạ tầng quốc gia, khu công nghiệp có nguồn vốn giải ngân minh bạch. Bên cạnh đó, HAMACO cần chú trọng quản trị dựa trên dữ liệu vĩ mô, liên tục theo dõi tiến độ giải ngân và sức mua thị trường để điều chỉnh kế hoạch sản xuất, tồn kho nhằm tránh ứ đọng vốn. Việc phát triển hệ sinh thái bán chéo (cross-selling) cung cấp giải pháp trọn gói từ nền móng đến hoàn thiện cũng được thực hiện thường xuyên nhằm phân tán rủi ro chu kỳ của từng nhóm ngành hàng riêng biệt

3.4. Rủi ro tài chính, tín dụng và thu hồi công nợ

Đặc thù của ngành xây dựng thường đi kèm với tình trạng bị chiếm dụng vốn và thanh toán chậm từ các chủ đầu tư, nhà thầu. Trong môi trường kinh tế có nhiều biến động, rủi ro nợ xấu luôn hiện hữu và đe dọa trực tiếp đến dòng tiền lưu động cũng như hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Nhìn vào tình hình thực tế, công nợ đang là một thách thức không nhỏ đối với HAMACO. Tại ngày 30/09/2026, tổng giá gốc các khoản phải thu quá hạn trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty là 138.291 tỷ đồng, trong đó giá trị được đánh giá có thể thu hồi là 36,133 tỷ đồng. Trong cơ cấu công nợ quá hạn, khoản phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm đối với Công ty TNHH Bất động sản An Khương có giá gốc 59,431 tỷ đồng và giá trị được đánh giá có thể thu hồi là 29,715 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng đáng kể trong tổng các khoản phải thu quá hạn của Công ty. Ngoài ra, Công ty còn ghi nhận khoản phải thu đối với Công ty TNHH Bất động sản An Khương có giá gốc 5,317 tỷ đồng thuộc nhóm nợ quá hạn trên 03 năm và được đánh giá không còn giá trị có thể thu hồi. Các khoản phải thu quá hạn trên 03 năm tại ngày 30/09/2026 có tổng giá gốc khoảng 65,218 tỷ đồng và được đánh giá không còn giá trị có thể thu hồi, trong đó bao gồm các khoản phải thu đối với Công ty TNHH Đầu tư Tư vấn Xây dựng Thương mại Tín Phát, Công ty TNHH Thương mại Đặng Hưng Phát, CTCP Tập đoàn Hằng An, CTCP Thủy sản N.G Việt Nam, Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Quang

Thọ, Công ty TNHH MTV Xây dựng Thương mại Dịch vụ Nghĩa Hưng, Công ty TNHH Bất động sản An Khương và các đối tượng khác.

Việc tồn tại các khoản phải thu quá hạn với giá trị lớn, đặc biệt là các khoản có thời gian quá hạn kéo dài, có thể làm gia tăng rủi ro thu hồi công nợ và ảnh hưởng đến dòng tiền từ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty thực hiện đánh giá khả năng thu hồi các khoản phải thu và trích lập dự phòng theo các quy định kế toán áp dụng. Chi phí dự phòng phát sinh trong kỳ, nếu có, có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

4. Rủi ro về đợt chào bán

4.1. Rủi ro về đợt chào bán

Hiện tại, cổ phiếu của CTCP Vật tư Hậu Giang đang được đăng ký giao dịch trên sàn UPCoM thuộc sự quản lý của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, do đó giá cổ phiếu sẽ biến động theo quy luật cung cầu của thị trường. Mối quan hệ cung cầu này chịu tác động bởi nhiều yếu tố như tình hình kinh tế vĩ mô, vi mô và đặc biệt là tâm lý của nhà đầu tư.

Việc phân phối cổ phiếu trong đợt chào bán này sẽ được triển khai chính thức sau khi nhận được sự chấp thuận từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Vì vậy, mức độ thành công của đợt chào bán sẽ phụ thuộc phần lớn vào diễn biến của thị trường chứng khoán tại thời điểm thực hiện. Việc không huy động đủ nguồn vốn như dự kiến có thể làm gia tăng áp lực tài chính đối với HAMACO, khiến Công ty phải tiếp cận những nguồn vốn khác với chi phí tài chính cao hơn.

4.2. Rủi ro về sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Toàn bộ số tiền dự kiến huy động được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng cho mục đích:

STT	Mục đích sử dụng vốn	Giá trị dự kiến (đồng)
1	Thanh toán khoản nợ vay với tổ chức tín dụng *(Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi Nhánh Cần Thơ)*	44.811.140.000

Đợt chào bán cổ phiếu của HAM sẽ phụ thuộc vào diễn biến thị trường chứng khoán tại thời điểm chính thức phát hành, các yếu tố vĩ mô, tâm lý của các nhà đầu tư, cũng như sự hấp dẫn của cổ phần công ty. Đồng thời, vì đợt phát hành không được bảo lãnh phát hành, có khả năng cổ phiếu không được bán hết cho các cổ đông hiện hữu. Trong trường hợp không bán hết số cổ phần dự định, HĐQT sẽ chủ động tìm kiếm các nguồn vốn khác để đảm bảo việc thực hiện kế hoạch hoạt động theo mục đích phát hành cổ phiếu.

Rủi ro của việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán:

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu dự kiến là 44.811.140.000 đồng sẽ được sử dụng để trả nợ vay ngân hàng. Việc sử dụng vốn này nhằm giảm thiểu gánh nặng tài chính cho công ty, đảm bảo ổn định tài chính và tăng trưởng bền vững trong dài hạn. Các rủi ro liên quan đến việc sử dụng tiền để trả nợ vay có thể bao gồm sự biến động về lãi suất, thay đổi về các điều kiện vay, hoặc khả năng trả nợ không đúng hạn nếu gặp khó khăn tài chính.

Tuy nhiên, với kinh nghiệm quản lý tài chính vững vàng và uy tín trong ngành, HAM đã có các biện pháp chủ động để giảm thiểu rủi ro này, bao gồm việc thương thảo các điều khoản vay hợp lý và linh hoạt với các ngân hàng đối tác. Hơn nữa, với năng lực quản trị tài chính hiệu quả, ban lãnh đạo công ty tin tưởng rằng số vốn thu được sẽ được sử dụng một cách hiệu quả để trả nợ, giúp công ty cải thiện tình hình tài chính và duy trì các mục tiêu phát triển bền vững trong tương lai.

5. Rủi ro pha loãng

Trong đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu này sẽ xuất hiện rủi ro pha loãng, bao gồm:

- Pha loãng giá cổ phiếu;
- Pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu – EPS;
- Pha loãng giá trị sổ sách cổ phiếu – BVPS;
- Pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết.

5.1. Rủi ro pha loãng giá của cổ phiếu dự kiến sau khi chào bán thêm cổ phiếu

Giá cổ phiếu HAM sẽ bị điều chỉnh kỹ thuật khi thực hiện chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua *(tỷ lệ 10:3)*. Giá tham chiếu cổ phiếu sau khi bị pha loãng tại ngày giao dịch không hưởng quyền được điều chỉnh theo công thức sau:

$$P_{tc} = \frac{PR_{t-1} + (PR \times I)}{1 + I}$$

Trong đó:

P_{tc}: là giá tham chiếu của cổ phiếu HAM trong ngày giao dịch không hưởng quyền

PR_{t-1}: được tính bằng bình quân gia quyền của các mức giá giao dịch lô chẵn theo phương thức khớp lệnh liên tục trong ngày giao dịch gần nhất trước ngày giao dịch không hưởng quyền.

PR: Giá chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (PR=10.000 đồng/cổ phiếu)

Vào ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm giá cổ phiếu sẽ bị điều chỉnh. Giá cổ phiếu sau khi bị pha loãng P_{tc} phụ thuộc vào giá trị thị trường của cổ phiếu trước khi bị pha loãng PR_{t-1}

- Nếu PR_{t-1} = PR = 10.000 đồng/cổ phiếu thì giá cổ phiếu sau khi bị pha loãng Ptc = PR_{t-1} = 10.000 đồng / cổ phiếu
- Nếu PR_{t-1} < PR, thì $PR_{t-1} < P_{tc}$ và PR_{t-1} càng thấp thì khoảng cách $P_{tc} - PR_{t-1}$ càng cao
- Nếu $PR_{t-1} > PR$, thì $PR_{t-1} > P_{tc}$ và PR_{t-1} càng cao thì khoảng cách $P_{tc} - PR_{t-1}$ càng cao. Với mỗi giá PR_{t-1} cụ thể ta sẽ có giá P_{tc} tương ứng.

Rủi ro pha loãng giá xảy ra khi giá cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền lớn

hơn giá chào bán (PR_{t-1} > PR=10.000 đồng/cổ phiếu).

I: là tỷ lệ vốn tăng trong trường hợp thực hiện quyền mua thêm đối với cổ đông hiện hữu, được tính bằng cách lấy số cổ phiếu chào bán thêm quyền mua cho cổ đông hiện hữu chia cho số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm chào bán

$$I = \frac{\text{Số cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu}}{\text{Số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm chào bán}} = \frac{4.481.114}{14.937.048} = 30\%$$

Ví dụ:

Giả sử giá cổ phiếu HAM vào ngày liền trước ngày giao dịch không hưởng quyền là 45.000 đồng/cổ phiếu (PR_{t-1}). Tỷ lệ tăng vốn chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua là 30%. Giá chào bán cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phiếu. Như vậy giá tham chiếu cổ phiếu HAM tại ngày giao dịch không hưởng quyền là:

$$P_{tc} = \frac{45.000 + (10.000 * 30\%)}{1+30\%} = 36.923 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

(Ví dụ nêu trên chỉ nhằm mục đích tính toán sự thay đổi về giá cổ phần khi cổ phiếu bị pha loãng theo quy định)

Trong trường hợp, giá đóng cửa của cổ phiếu HAM tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày giao dịch không hưởng quyền thấp hơn hoặc bằng giá phát hành thì theo quy định tại Khoản 5 và Khoản 7 Điều 20 Quyết định số 23/QĐ-HĐTV ngày 18/03/2026 của Hội đồng thành viên Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về việc ban hành quy chế đăng ký và quản lý giao dịch chứng khoán chưa niêm yết, cụ thể:

"5. Trong ngày giao dịch không hưởng quyền, ngoại trừ các trường hợp quy định tại khoản 7 Điều này, giá tham chiếu được xác định theo nguyên tắc lấy giá bình quân gia quyền của ngày giao dịch gần nhất điều chỉnh theo giá trị cổ tức được nhận hoặc giá trị của các quyền kèm theo.

7. Các trường hợp không điều chỉnh giá tham chiếu gồm:

a) Các trường hợp đã được mở biên độ dao động giá quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 19 Quy chế này;

b) Doanh nghiệp phát hành thêm cổ phiếu với giá phát hành cao hơn giá bình quân gia quyền của ngày giao dịch liền trước ngày không hưởng quyền sau khi đã điều chỉnh các quyền khác (nếu có);

c) Phát hành riêng lẻ cổ phiếu, chào bán cổ phiếu cho nhà đầu tư không phải là cổ đông hiện hữu;

d) Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty;

đ) Phát hành cổ phiếu bổ sung theo phương án hoán đổi từ các giao dịch sáp nhập;

e) Tổ chức đăng ký giao dịch thực hiện giảm vốn điều lệ;

g) Chào bán cổ phiếu quỹ cho cổ đông hiện hữu;

h) Các trường hợp phát hành khác không ảnh hưởng đến quyền của cổ đông hiện hữu."

Giá tham chiếu của cổ phiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền sẽ không bị điều chỉnh.

5.2. Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phần – EPS

Sự khác biệt giữa tốc độ tăng lợi nhuận và tốc độ tăng số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân của Công ty sẽ có ảnh hưởng đến chỉ số EPS cũng như giá trị sổ sách của Công ty, cụ thể như sau:

Công thức tính toán pha loãng EPS dự kiến như sau:

$$EPS_{pha\ loãng} = \frac{E}{Q_{bq}}$$

Trong đó:

$EPS_{pha\ loãng}$: Thu nhập trên mỗi cổ phần pha loãng sau đợt chào bán

E: Tổng lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

Q_{bq}: Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ (sau đợt chào bán)

Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) có thể giảm do tốc độ tăng của lợi nhuận thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phiếu sau đợt chào bán. (Do việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán có thể chưa tạo ra ngay lợi nhuận cho Công ty).

5.3. Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần - BVPS

Công thức tính pha loãng BV dự kiến như sau

$$BV = \frac{NVCHSH}{Q - CPQ}$$

Trong đó:

NVCSH: Nguồn vốn chủ sở hữu thuộc về cổ đông

Q: Tổng số cổ phiếu đã phát hành

CPQ: Tổng số cổ phiếu quỹ

BV: Giá trị sổ sách cổ phiếu

Với việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 10:3 với giá 10.000 đồng/cổ phiếu thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần (BV) năm 2026 có thể giảm nếu tốc độ tăng của Q cao hơn tốc độ tăng của NVCSH.

5.4. Rủi ro pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết

Do đợt chào bán được thực hiện theo phương thức thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu nên sẽ không làm giảm tỷ lệ nắm giữ, quyền biểu quyết của các cổ đông nếu các cổ đông thực hiện quyền đầy đủ. Ngoài ra, do số lượng cổ phiếu lưu hành sẽ tăng lên sau khi hoàn tất đợt phát hành, nên tỷ lệ

nắm giữ và quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu sẽ giảm trong trường hợp cổ đông từ chối hoặc chuyển nhượng quyền mua cổ phần (so với thời điểm trước ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua cổ phiếu).

Với phương án phát hành cổ phiếu đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua, cổ đông đã được chuẩn bị về đợt chào bán này, do đó, khả năng pha loãng tỷ lệ sở hữu của các cổ đông hiện hữu được đánh giá ở mức thấp.

6. Rủi ro quản trị công ty

Công tác quản trị công ty đóng vai trò then chốt đối với các công ty đại chúng, không chỉ quyết định sự phát triển bền vững của doanh nghiệp mà còn góp phần quan trọng vào tăng trưởng kinh tế nói chung. Trong công tác này, hệ thống mối quan hệ giữa cổ đông, Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc và các bên liên quan có quyền lợi và trách nhiệm gắn bó mật thiết với hoạt động của Công ty được quản trị chặt chẽ, nhằm hạn chế tối đa sự xung đột lợi ích giữa các bên.

Một số rủi ro tiềm ẩn có thể xuất hiện khi hệ thống quản trị vận hành kém hiệu quả, thiếu đồng bộ hoặc minh bạch. Những hạn chế này không chỉ ảnh hưởng đến sự ổn định chiến lược và định hướng dài hạn của doanh nghiệp, mà còn gây tổn thất trực tiếp đến lợi ích của các bên liên quan, bao gồm cổ đông và người lao động. Đặc biệt, việc sử dụng không hiệu quả nguồn vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu có thể làm giảm hiệu quả hoạt động, tác động tiêu cực đến lợi nhuận, cổ tức, hiệu suất sử dụng vốn và gia tăng áp lực mở rộng quy mô kinh doanh vượt ngoài năng lực quản lý hiện tại.

Điều này đặt ra yêu cầu đối với các doanh nghiệp phải không ngừng hoàn thiện quản trị theo hướng chuyên nghiệp, nâng cao năng lực của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành, đồng thời tăng cường giám sát từ Ủy ban kiểm toán, bảo đảm mọi hoạt động phù hợp với chiến lược và kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Bên cạnh đó, các tổ chức phát hành trên thị trường chứng khoán cần cải tiến hệ thống công bố thông tin, nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm giải trình. Các kênh truyền thông chính thức như website được sử dụng để cập nhật thường xuyên thông tin quan trọng, từ đó tăng cường sự gắn kết với cổ đông và củng cố niềm tin từ nhà đầu tư.

7. Rủi ro khác

Ngoài ra, hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro bất khả kháng như chiến tranh, dịch bệnh, thiên tai, hỏa hoạn, … Những rủi ro này mặc dù hiếm khi xảy ra nhưng có thể tác động gián tiếp hoặc trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty. Vì vậy Ban lãnh đạo của Vật tư Hậu Giang luôn thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin và đảm bảo thực hiện tốt các công tác tuyên truyền, linh động trong việc điều chỉnh chính sách hoạt động, điều hành nhân công một cách tối ưu nhằm hạn chế đến mức thấp nhất khả năng xảy ra của các rủi ro này.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản cáo bạch này, những từ, cụm từ dưới đây có nghĩa như sau:

Bản cáo bạch	:	Bản cáo bạch của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp cho các nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư.
Cổ phần	:	Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
Cổ phiếu	:	Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần.
Cổ đông	:	Tổ chức hoặc cá nhân sở hữu cổ phần đã phát hành của Công ty.
Cổ tức	:	Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi thực hiện các nghĩa vụ về tài chính
Điều lệ	:	Điều lệ của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông của CTCP Vật tư Hậu Giang thông qua. Điều lệ được soạn thảo phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan tại Việt Nam.
Công ty/HAMACO/ HAM/Tổ chức phát hành	:	Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang
Tổ chức tư vấn/ FPTS	:	Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
Luật Doanh nghiệp	:	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020; sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025.
Luật Chứng khoán	:	Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019; sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024.

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

BCTC	:	Báo cáo tài chính
BTGĐ	:	Ban Tổng Giám đốc
BV	:	Book value – Giá trị sổ sách
CBCNV	:	Cán bộ công nhân viên
CBNV	:	Cán bộ nhân viên
CP	:	Cổ phần

CPI	:	Consumer Price Index - Chỉ số giá tiêu dùng
CTCP	:	Công ty cổ phần
ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
DTT	:	Doanh thu thuần
EPS	:	Earnings per share - Thu nhập trên mỗi cổ phần
GDP	:	Gross Domestic Product – Tổng sản phẩm quốc nội
Giấy CN ĐKDN	:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
HĐ	:	Hợp đồng
HĐQT	:	Hội đồng quản trị
HNX	:	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
LNG	:	Lợi nhuận gộp
NHNN	:	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
ROA	:	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân
ROE	:	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân
ROS	:	Tỷ suất sinh lợi trên doanh thu thuần
SGDCK	:	Sở Giao dịch Chứng khoán
Sở KH&ĐT	:	Sở Kế hoạch và Đầu tư
TSCĐ	:	Tài sản cố định
TTCK	:	Thị trường Chứng khoán
UBCKNN	:	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
UBKT	:	Ủy ban kiểm toán
VĐL	:	Vốn điều lệ
VNĐ	:	Việt Nam Đồng
VSDC	:	Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam

Ngoài ra, những thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020, sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025; Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024; Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày

31/12/2020 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành

Tên Công ty đầy đủ:	**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG**
Tên Công ty bằng tiếng Anh:	HAU GIANG MATERIALS JOINT STOCK COMPANY
Tên giao dịch viết tắt:	HAMACO
Địa chỉ Trụ sở chính:	184, Trần Hưng Đạo, Phường Ninh Kiều, TP. Cần Thơ, Việt Nam
Số điện thoại:	(0292) 3 832 176
Số fax:	(0292) 3 734 426
Website:	www.hamaco.vn
Email:	hamaco@hamaco.vn
Vốn điều lệ:	149.370.480.000 đồng *(Một trăm bốn mươi chín tỷ, ba trăm bảy mươi triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng)*
Mã cổ phiếu:	HAM
Sàn đăng ký giao dịch:	UPCOM
Biểu tượng (logo):	HAMACO NHÀ PHÂN PHỐI CHUYÊN NGHIỆP
Người đại diện theo pháp luật:	Ông Lê Hoàng Nam – Chủ tịch HĐQT Ông Mai Bảo Ngọc – Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:	Số 1800506679 do Sở Kế hoạch & Đầu tư TP. Cần Thơ cấp lần đầu ngày 12/05/2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 33 ngày 08/06/2026 do Sở Tài chính TP. Cần Thơ cấp.

Ngành nghề kinh doanh đã đăng ký tại Sở Tài chính Thành Phố Cần Thơ:

STT	Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
1	4669 (Chính)	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Mua bán phụ gia chống thấm và phụ gia ngưng kết bê tông; nhựa đường; bê tông thương phẩm; bốc xếp hàng hoá.
2	2022	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít Chi tiết: Gia công pha sơn

STT	Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
3	2511	Sản xuất các cấu kiện kim loại
4	2591	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại
5	3312	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: Sửa chữa và bảo dưỡng máy móc trong lĩnh vực khai thác mỏ, xây dựng và khí đốt
6	3320	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Chi tiết: Lắp đặt hệ thống khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)
7	4210	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
8	4290	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
9	4329	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác
10	4390	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
11	4513	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác
12	4530	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác
13	4541	Bán mô tô, xe máy Chi tiết: Đại lý mô tô, xe máy
14	4543	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Chi tiết: Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy; Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy
15	4610	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG); Đại lý bếp gas, phụ tùng bếp gas
16	4632	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thực phẩm khác
17	4633	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn đồ uống có cồn; Bán buôn đồ uống không có cồn
18	4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ kinh doanh dược phẩm)
19	4652	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
20	4653	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp

STT	Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
21	4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)
22	4661	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Kinh doanh xăng dầu, dầu nhờn
23	4662	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép
24	4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn sơn, véc ni; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
25	4759	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh
26	4931	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)
27	4932	Vận tải hành khách đường bộ khác
28	4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô, xe tải thông thường, loại khác (trừ ô tô chuyên dụng, xe container)
29	5021	Vận tải hành khách đường thuỷ nội địa
30	5022	Vận tải hàng hóa đường thuỷ nội địa
31	5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
32	5224	Bốc xếp hàng hoá
33	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

Nguồn: Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và CTCP Vật tư Hậu Giang

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành

Thành lập từ năm 1976 với vị thế là một doanh nghiệp giàu tiềm năng tại trung tâm vùng Đồng bằng sông Cửu Long, Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang (HAMACO) đã xác lập nền móng

vững chắc xuyên suốt hành trình nửa thế kỷ. Trải qua gần 50 năm bền bỉ phát triển, HAMACO đã củng cố vị thế vững chắc trong bảng xếp hạng VNR500 và duy trì vị trí Top 10 doanh nghiệp lớn nhất thành phố Cần Thơ. Uy tín của doanh nghiệp được minh chứng qua năng lực quản trị ổn định và khả năng thích ứng linh hoạt, trở thành đối tác tin cậy hàng đầu của khu vực. HAMACO vận hành hệ sinh thái sản phẩm toàn diện, từ vật liệu xây dựng thô đến các mảng phụ trợ chiến lược, với năng lực cung ứng được đảm bảo bởi hệ thống hạ tầng kỹ thuật hiện đại, bao gồm các trạm trộn bê tông, nhà máy bê tông cấu kiện, cùng nhà máy sản xuất xi măng và vật liệu xây tô, đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật khắt khe của thị trường miền Nam. Song hành cùng mục tiêu kinh doanh, HAMACO cam kết theo đuổi chiến lược phát triển bền vững, ưu tiên các giải pháp sản xuất thân thiện với môi trường và thực hiện trách nhiệm cộng đồng, nhằm kiến tạo những giá trị lâu dài cho khách hàng và xã hội.

Những cột mốc chính trong quá trình phát triển của Công ty được khái quát như sau:

Thời gian	Sự kiện nổi bật
1976	Thành lập Công ty Vật tư tỉnh Hậu Giang theo quyết định số 245/VT-QĐ ngày 03/03/1976 của Bộ trưởng Bộ Vật tư, trên cơ sở sáp nhập 5 đơn vị: Công ty Vật tư Tỉnh Cần Thơ, Công ty Vật tư Kỹ Thuật Thành phố Cần Thơ, Công ty Xăng dầu Thành phố Cần Thơ, Công ty Xăng dầu Tỉnh Cần Thơ, Công ty Xăng dầu Tỉnh Sóc Trăng với tổng số gần 500 CBCNV.
1980	Theo chủ trương của nhà nước, Công ty chuyển ngành hàng xăng dầu cho tổng kho xăng dầu Hậu Giang theo quyết định của Bộ Vật tư.
1991	Công ty đổi tên thành Công ty Vật tư Tỉnh Cần Thơ sau khi Tỉnh Hậu Giang tách thành Tỉnh Sóc Trăng và Tỉnh Cần Thơ.
1993	Thời điểm Công ty phát triển thêm mặt hàng: gas đốt, bếp gas, phụ tùng ngành. Công ty đổi tên thành Công ty Vật tư Tổng hợp Hậu Giang.
2000	Nhằm đáp ứng nhu cầu vật liệu xây dựng tại thị trường TP. Cần Thơ, Công ty thành lập thêm Trung tâm Kinh doanh Vật liệu Xây dựng 26B nay là Cửa hàng Vật tư Trà Nóc.
2001	Công ty tiếp tục thành lập Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để mở rộng mạng lưới kinh doanh tại TP. Hồ Chí Minh.
2002	Công ty thành lập Chi nhánh Bạc Liêu để mở rộng thêm thị trường tại Bạc Liêu và Sóc Trăng.
2003	Vào tháng 04/2003, Công ty thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp theo quyết định số 0024/2003/QĐ-TM ngày 10/01/2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại. Công ty chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang (Hamaco) và chính thức hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5703000042 ngày 12/05/2003 của Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp với vốn điều lệ là 12.476.800.000 đồng. Cuối năm

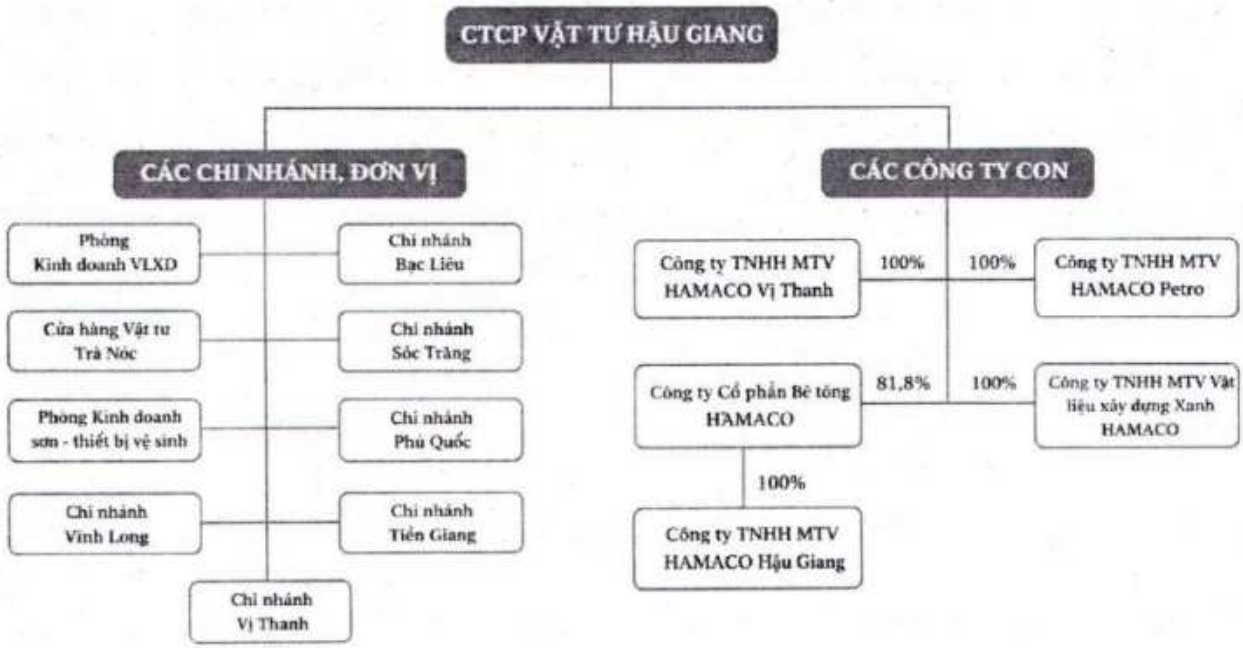
Thời gian	Sự kiện nổi bật
	2003, Công ty đã đưa vào kinh doanh ngành hàng Dầu nhờn.
2004	HAMACO thành lập Chi nhánh Vị Thanh (09/2004) để mở rộng mạng lưới kinh doanh tại Tỉnh Hậu Giang.
2007	Công ty thành lập Chi nhánh Sóc Trăng tại Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng nhằm đẩy mạnh khai thác thị trường Sóc Trăng. Trong năm, HAMACO đã được cấp chứng nhận "Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2000".
2008	Công ty khai trương Tổng kho tại KCN Trà Nóc (03/2008) với diện tích 10.000 m^2 sử dụng hệ thống hai cầu trục để nhập xuất hàng hóa tăng nhanh tốc độ luân chuyển. Công ty tiếp tục đầu tư Kho C22 Lê Hồng Phong (04/2008) với diện tích 1.000 m^2 để phát triển ngành hàng vật liệu xây dựng như: cát, đá và phát triển kinh doanh mặt bằng xăng dầu và trạm trộn bê tông tươi. Tháng 08/2008, Công ty khai trương thêm Cửa hàng Vật tư Bình Phước tại TP. Hồ Chí Minh với diện tích trên 500m^2 có sử dụng hệ thống cầu trục nhập xuất hàng. Đồng thời trong năm nay, Công ty được tổ chức Vietnamnet bình chọn là một trong "500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam" và được nhà nước phong tặng Huân chương Độc lập Hạng Ba.
2009	Công ty đã mua quyền sử dụng đất tại địa chỉ trụ sở chính, 184 Trần Hưng Đạo, với diện tích 1.000m^2. Trong năm, HAMACO cũng đã góp 35% vốn để thành lập Công ty Cổ phần Bê tông HAMACO với công suất 90m^3/h để đáp ứng nhu cầu sử dụng bê tông tươi của các công trình tại Thành phố Cần Thơ. Công ty này hiện đã đi vào sản xuất sản phẩm bê tông tươi để cung cấp cho các công trình trên địa bàn.
2010	HAMACO thành lập Công ty TNHH MTV Thiên An và Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Hamaco. Ngoài ra, Công ty đã mua quyền sử dụng đất và xây dựng kho tại QL91B, Cần Thơ với diện tích 10.000 m^2. Cũng trong năm này, Công ty được cấp chứng nhận ISO 9001:2010.
2011	Công ty thành lập Chi nhánh Phú Quốc để mở rộng mạng lưới kinh doanh tại Tỉnh Kiên Giang.
2013	HAMACO xây dựng Tổng kho Gas tại KCN Trà Nóc với diện tích 2.000 m^2.
2018	Thành lập Công ty TNHH MTV HAMACO Petro.
2019	Công ty thành lập Công ty TNHH MTV Hàng tiêu dùng HAMACO & Chi nhánh Vĩnh Long tại Vĩnh Long.
2020	Thành lập Công ty TNHH MTV VLXD Xanh HAMACO.
2021	Nhà máy xi măng đi vào hoạt động.
2024	Mở ngành hàng thiết bị vệ sinh thương hiệu American Standard.

Thời gian	Sự kiện nổi bật
2025	Nhà máy xi măng chính thức hoàn thành mở rộng giai đoạn 2

Nguồn: CTCP Vật tư Hậu Giang

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành

Hình 4: Sơ đồ cơ cấu tổ chức của CTCP Vật tư Hậu Giang



Nguồn: CTCP Vật tư Hậu Giang

Cơ cấu tổ chức của CTCP Vật tư Hậu Giang và các công ty con, đơn vị trực thuộc được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật Doanh nghiệp, các luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

Trụ sở chính của Công ty:

Địa chỉ: 184 Trần Hưng Đạo, Phường Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

Điện thoại: (0292) 3 832 176 Fax: (0292) 3 734 426

Website: www.hamaco.vn

Email: hamaco@hamaco.vn

Các chi nhánh trực thuộc:

- ***Phòng Bán hàng***

  Địa chỉ: 184 Trần Hưng Đạo, Phường Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

  Kinh doanh vật liệu xây dựng: thép, xi măng, bê tông trộn sẵn, cấu kiện bê tông đúc sẵn.

- ***Cửa hàng Vật tư Trà Nóc***

  Địa chỉ: Lô II, 18A, KCN Trà Nóc II, Phường Phước Thới, TP. Cần Thơ

  Kinh doanh vật liệu xây dựng: thép, xi măng, bê tông trộn sẵn, cấu kiện bê tông đúc sẵn.

- ***Phòng Kinh doanh Sơn***

  Địa chỉ: 184 Trần Hưng Đạo, Phường Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

  Chuyên kinh doanh: Sơn Dulux, Maxilite

- ***Chi nhánh Sóc Trăng:***

  Địa chỉ: 339 đường Bạch Đằng, Phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ

  Chuyên kinh doanh: thép, xi măng, bê tông trộn sẵn, cấu kiện bê tông đúc sẵn, dầu nhờn Total.

- ***Chi nhánh Bạc Liêu:***

  Địa chỉ: Số 107, Quốc lộ 1A, ấp Phước Thạnh, xã Hòa Bình, tỉnh Cà Mau

  Chuyên kinh doanh: thép, xi măng, bê tông trộn sẵn, cấu kiện bê tông đúc sẵn, dầu nhờn Total.

- ***Chi nhánh Phú Quốc***

  Địa chỉ: Số 51 đường Nguyễn Huệ, Khu Phố 11, Đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang

  Chuyên kinh doanh: thép, xi măng, bê tông trộn sẵn, cấu kiện bê tông đúc sẵn, Sơn trang trí & Bột trét.

- ***Chi nhánh Vĩnh Long***

  Địa chỉ: 209, đường 14/9, khóm 6, Phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long

  Chuyên kinh doanh: thép, xi măng, bê tông trộn sẵn, cấu kiện bê tông đúc sẵn, dầu nhờn Total

- ***Chi nhánh Tiền Giang***

  Địa chỉ: Số 9, Khu phố 2, ấp Chợ, Phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp

  Chuyên kinh doanh: Sơn Dulux, Maxilite các loại

- ***Chi nhánh Vị Thanh***

  Địa chỉ: Số 34/9 Quốc lộ 61, ấp Mỹ Hiệp 1, xã Hỏa Lựu, TP. Cần Thơ

  Chuyên kinh doanh: thép, xi măng, Sơn Dulux, Maxilite các loại, dầu nhờn Total.

Các công ty con: HAM có 5 Công ty Con *(trong đó có 04 công ty con trực tiếp và 01 công ty con gián tiếp)*

- **Công ty con trực tiếp**

- ***Công ty TNHH MTV HAMACO Petro***

  Địa chỉ: Lô II.18A Khu công nghiệp Trà Nóc 2, Phường Phước Thới, TP. Cần Thơ

  Hoạt động kinh doanh: Gas đốt, bếp gas, phụ kiện gas, lắp đặt hệ thống gas; Dầu nhờn Total

  Tỷ lệ sở hữu: 100%

- ***Công ty TNHH MTV HAMACO Vị Thanh***

Địa chỉ: Số 34/9 Quốc lộ 61, ấp Mỹ Hiệp 1, Xã Hỏa Lựu, TP. Cần Thơ

Hoạt động kinh doanh: Sắt thép - Xi măng; Sơn Dulux, Maxilite các loại; Dầu nhờn Total

Tỷ lệ sở hữu: 100%

- ***Công ty Cổ phần Bê tông HAMACO***

Địa chỉ: C22, Lê Hồng Phong, Phường Bình Thủy, TP. Cần Thơ

Hoạt động kinh doanh: bê tông trộn sẵn, cấu kiện bê tông: cọc vuông, cọc tròn, dầm, ...

Tỷ lệ sở hữu: 81,8%

- ***Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng Xanh HAMACO***

Địa chỉ: Khu công nghiệp Sông Hậu - Giai đoạn 1, Xã Châu Thành, TP. Cần Thơ

Hoạt động kinh doanh: Xi măng, Vật liệu xây tô

Tỷ lệ sở hữu: 100%

- **Công ty con gián tiếp**

- ***Công ty TNHH MTV Bê Tông Hamaco - Hậu Giang***

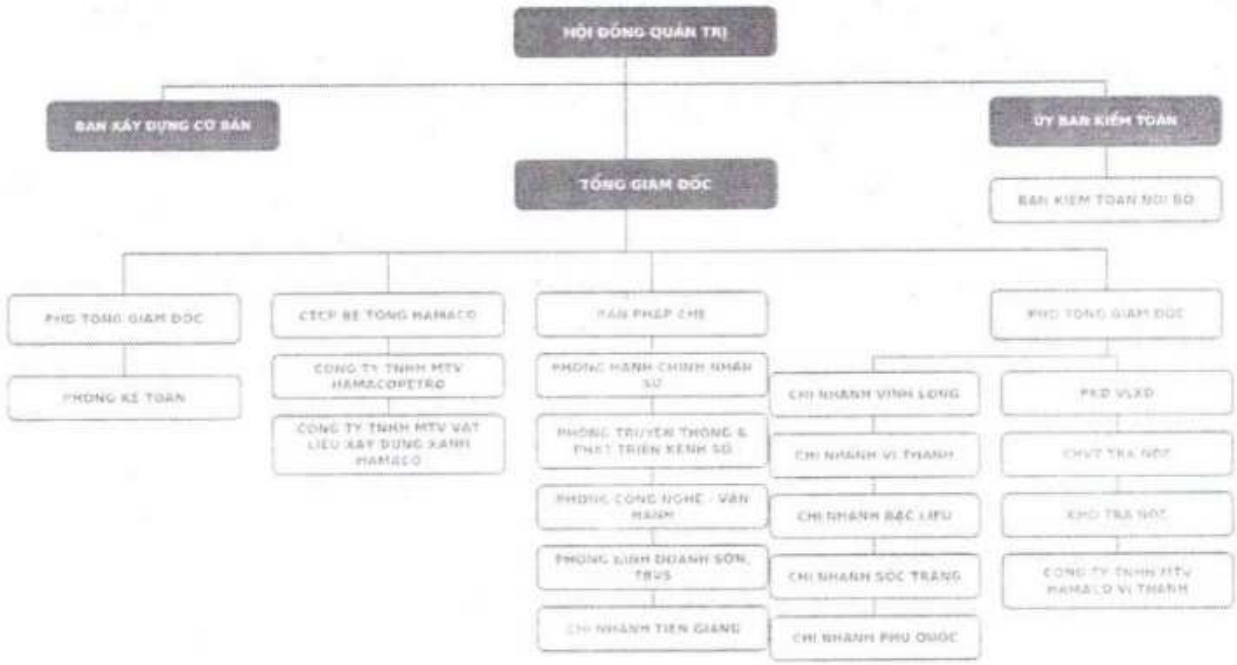
Địa chỉ: Khu Công nghiệp Tân Phú Thạnh - Giai đoạn 1, Xã Thạnh Xuân, TP Cần Thơ

Hoạt động kinh doanh: Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao

Tỷ lệ sở hữu: 81,8%

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành

Hình 5: Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý



Nguồn: CTCP Vật tư Hậu Giang

Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang hiện đang hoạt động theo mô hình được quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, bao gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và có Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị. Với bộ máy quản lý chặt chẽ, giám sát kịp thời và sự phối hợp nhịp nhàng giữa các bộ phận, hoạt động của Công ty được vận hành hiệu quả, tạo tiền đề cho sự phát triển vững mạnh của Công ty.

➢ **Đại hội đồng cổ đông**

ĐHĐCĐ bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của công ty. ĐHĐCĐ có quyền quyết định mọi hoạt động quan trọng của Công ty, bao gồm các vấn đề: quyết định chiến lược và định hướng phát triển của công ty, xác định tỷ lệ cổ tức hàng năm, thông qua báo cáo tài chính, bầu cử và miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị; sửa đổi hoặc bổ sung Điều lệ công ty; quyết định loại cổ phần và số lượng cổ phần phát hành, cũng như quyết định việc tái cấu trúc hoặc giải thể công ty.

➢ **Hội đồng quản trị**

HĐQT là cơ quan quản lý được ĐHĐCĐ bầu ra với nhiệm kỳ không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông được quy định trong Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị của Công ty hiện nay gồm 05 thành viên như sau:

1.	Ông Lê Hoàng Nam	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2.	Ông Nguyễn Thái Hải	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị (Thành viên HĐQT độc lập)
3.	Ông Mai Bảo Ngọc	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
4.	Bà Lâm Thị Trúc Hà	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc
5.	Ông Đào Đức Đại	Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành

➢ **Ủy ban Kiểm toán**

Ủy ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT có nhiệm vụ thực hiện việc giám sát tính trung thực của báo cáo và kết quả về tài chính; tuân thủ các quy định nội bộ và pháp luật; giám sát/rà soát/kiến nghị các vấn đề/giải pháp liên quan hệ thống kiểm toán nội bộ và quản trị rủi ro. Ủy ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT, bao gồm Chủ tịch UBKT là Thành viên HĐQT độc lập và Thành viên UBKT là một Thành viên HĐQT không điều hành.

UBKT của Công ty gồm 02 thành viên với cơ cấu như sau:

1.	Ông Nguyễn Thái Hải	Chủ tịch UBKT
2.	Ông Đào Đức Đại	Thành viên UBKT

➢ **Ban Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm và chịu trách nhiệm điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện

quyền, nghĩa vụ được giao. Tổng Giám đốc thực hiện triển khai các kế hoạch kinh doanh hàng năm đã được thông qua theo Nghị quyết ĐHĐCĐ cũng như chuẩn bị các dự toán ngắn và dài hạn của Công ty nhằm đạt được các chỉ tiêu kinh doanh đề ra.

Ban Tổng Giám đốc hiện nay của Công ty gồm 01 Tổng Giám đốc và 02 Phó Tổng Giám đốc:

1. Ông Mai Bảo Ngọc — Tổng Giám đốc
2. Ông Phạm Văn Hùng — Phó Tổng Giám đốc
3. Bà Lâm Thị Trúc Hà — Phó Tổng Giám đốc

➢ **Ban Kiểm toán nội bộ**

Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị, hoạt động dưới định hướng chiến lược của HĐQT và sự kiểm soát của UBKT, giữ vai trò trọng yếu trong việc bảo vệ tài sản, quản lý rủi ro và nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

Ban kiểm toán nội bộ hiện nay gồm 03 thành viên:

1. Bà Nguyễn Thị Bé Ghí — Trưởng ban
2. Bà Lê Kim Ngân — Kiểm toán viên nội bộ
3. Bà Trần Nhựt Băng — Kiểm toán viên nội bộ

Các phòng ban chuyên môn:

➢ **Ban xây dựng cơ bản**

Ban xây dựng cơ bản trực thuộc Hội đồng Quản trị, hoạt động dưới định hướng chiến lược của HĐQT và giám sát, thực hiện các dự án đầu tư, mở rộng cơ sở hạ tầng và xây dựng bất động sản của Công ty.

Ban xây dựng cơ bản hiện nay gồm 02 thành viên:

1. Ông Nguyễn Hồng Phúc — Trưởng ban
2. Ông Nguyễn Hữu Phương — Thành viên

- Chức năng

Tham mưu và tổ chức thực hiện công tác đầu tư xây dựng, sửa chữa, cải tạo tài sản và quản lý các dự án đầu tư xây dựng của Công ty theo quy định.

- Nhiệm vụ chung

- Tham mưu xây dựng kế hoạch đầu tư xây dựng, sửa chữa và cải tạo tài sản.
- Tổ chức triển khai các dự án đầu tư xây dựng theo chủ trương được phê duyệt.
- Quản lý tiến độ, chất lượng, chi phí và hồ sơ pháp lý của các dự án.
- Thực hiện công tác nghiệm thu, bàn giao và quyết toán công trình theo quy định.
- Phối hợp với các đơn vị liên quan trong quá trình triển khai dự án.
- Khảo sát, đánh giá nhu cầu đầu tư, xây dựng, sửa chữa và cải tạo tài sản của Công ty.

- Lập hồ sơ, dự toán và thực hiện các thủ tục liên quan đến dự án đầu tư xây dựng theo quy định.
- Tổ chức lựa chọn nhà thầu, nhà cung cấp và quản lý việc thực hiện các hợp đồng thuộc phạm vi phụ trách.
- Theo dõi, giám sát tiến độ, chất lượng, khối lượng và chi phí thực hiện công trình.
- Tổ chức nghiệm thu, bàn giao, hoàn công và phối hợp thực hiện quyết toán công trình.
- Quản lý hồ sơ kỹ thuật, hồ sơ pháp lý và tài sản hình thành từ hoạt động đầu tư xây dựng.

➢ **Phòng Kế toán**

- Chức năng:

- **Chức năng mua hàng:**
  + Tổ chức thực hiện mua hàng từ nhà cung cấp.
  + Theo dõi tồn kho, giá vốn hàng tồn kho, điều hàng khi giá tăng/giảm.
  + Theo dõi chính sách nhà cung cấp.
  + Quản lý công nợ, kế hoạch chuyển tiền, chi trả chiết khấu của nhà cung cấp.
  + Xử lý các thủ tục kế toán liên quan đến việc mua hàng.
  + Quản lý công việc lập hợp đồng mua bán, thuê, cho thuê, xếp dỡ của Công ty.
- **Chức năng tổ chức, thực hiện công tác tài chính - kế toán:**
  + Xây dựng và thực hiện hệ thống kế toán Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam.
  + Tổ chức hệ thống kế toán phù hợp với mô hình bộ máy quản lý của Công ty, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về hệ thống kế toán của Công ty.
  + Nghiên cứu các chế độ chính sách về tài chính doanh nghiệp của Nhà nước, Bộ ngành và địa phương để xây dựng chiến lược tài chính của Công ty.

- Nhiệm vụ:

- **Tổ chức thực hiện mua hàng từ nhà cung cấp.**
  + Phòng kế toán chịu trách nhiệm và mua hàng tất cả các hàng hóa mua bán lại
  + Lập kế hoạch mua hàng trong tháng căn cứ vào kế hoạch nhập hàng của các đơn vị bán hàng.
    - Mua hàng giao thẳng khách hàng: ưu tiên kho nhận hàng có lợi nhuận cao nhất.
    - Mua hàng nhập kho đơn vị bán hàng: ưu tiên cho đơn vị bán hàng nhận hàng tại nhà máy để tiết kiệm chi phí vận chuyển, nhập xuất nội bộ.
    - Mua hàng dự trữ: Phối hợp với Ban điều hành đề xuất, theo dõi việc mua hàng dự trữ phù hợp với nhu cầu nhập hàng của các đơn vị bán hàng và phù hợp với Quy chế mua hàng và điều hàng của Công ty.
  + Thực hiện đặt hàng nhà cung cấp phù hợp với kế hoạch nhập hàng của các đơn vị bán hàng và kế hoạch mua hàng.

➢ **Phòng hành chính nhân sự**

- Chức năng:

- Quản lý, tổ chức thực hiện và kiểm tra các hoạt động về chính sách tuyển dụng và điều phối lao động.
- Quản lý, tổ chức thực hiện và kiểm tra các hoạt động về chính sách đào tạo và phát triển nhân viên.
- Quản lý, tổ chức thực hiện và kiểm tra các hoạt động về chế độ, chính sách lương, thưởng và đãi ngộ.
- Quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện công tác Hành chính - Văn phòng trong công ty.
- Quản lý, tổ chức thực hiện công tác Thi đua - Khen thưởng - Kỷ luật.

- Nhiệm vụ:

- Hoạch định chiến lược phát triển nguồn nhân lực phù hợp với quá trình và quy mô phát triển của công ty.
- Thực hiện Quy trình tuyển dụng.
- Tổng hợp nhu cầu bổ sung nhân sự trong công ty.
- Lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch tuyển dụng nhân sự.
- Tham mưu và đề xuất cho ban lãnh đạo về công tác điều động cán bộ, nhân viên trong công ty.
- Đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch tuyển dụng hằng năm;
- Hoạch định chiến lược đào tạo và phát triên nguồn nhân lực;
- Thực hiện Quy trình đào tạo.
- Nghiên cưu và xác định nội dung, kỹ năng cần đào tạo; đề xuất các đối tượng cần đào tạo, đào tạo lại, bôi dưỡng/tập huân đê nâng cao kỹ năng chuyên môn cho cán bộ công nhân viên;
- Lập kế hoạch, chương trình, nội dung và dự trù kinh phí đào tạo hằng năm.
- Hướng dẫn các đơn vị đánh giá kết quả, hiệu quả sau đào tạo của cán bộ, nhân viên.
- Đánh giá trình độ chuyên môn, năng lực cán bộ, nhân viên.
- Tham mưu cho ban lãnh đạo về công tác đánh giá, bổ nhiệm, đề bạt cán bộ quản lý các cấp trong công ty.
- Đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo và phát triển nhân viên hằng năm.
- Giúp ban Tổng Giám đốc quản lý lực lượng lao động toàn công ty.
- Xây dựng Nội quy Lao động, Quy chế làm việc trong công ty.
- Xây dựng các chính sách về lương bổng, đề xuất các chế độ đãi ngộ, phúc lợi tập thể.
- Xây dựng thang bảng lương; theo dõi, kiểm tra và đề xuất việc điều chỉnh lương đến Hội đồng

lương và Tổng Giám đốc.

- Lập dự toán lao động - quỹ tiền lương, thưởng hằng năm trình Tổng Giám đốc.
- Lập báo cáo về công tác Lao động - Tiền lương, BHXH, BHYT, BHTN, BHLĐ và các chế độ, chính sách khác đối với người lao động theo định kỳ lên Sở Lao động, Thương binh và Xã hội.
- Báo cáo kết quả thực hiện chế độ chính sách hằng năm lên Tổng Giám đốc.
- Tổ chức, điều hành hoạt động Hành chính, Văn phòng như: văn thư, tài liệu, thông tin, báo cáo, phục vụ hậu cần, lễ tân, hội nghị....
- Duy trì công tác an toàn - vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường trong toàn công ty.
- Tổng hợp, thống kê dữ liệu, lưu trữ hồ sơ tài liệu.
- Tham gia soạn thảo các văn bản hành chính.
- Hướng dẫn thực hiện các chế độ, chính sách của Nhà nước liên quan đến hoạt động của công ty và các chỉ thị của lãnh đạo công ty.
- Quản lý hệ thống điện, nước sinh hoạt, điện thoại, dụng cụ, phương tiện PCCC toàn công ty; gọi thầu/thuê thợ sửa chữa các sự cố về điện, nước...
- Lập dự toán và đề xuất trang bị mới, thay thế, bổ sung trang thiết bị trong lĩnh vực phòng quản lý.
- Tổ chức và quản lý lực lượng bảo vệ chung trong công ty và các đơn vị trực thuộc.
- Lập và triển khai phương án PCCC tại trụ sở chính và các đơn vị trực thuộc.
- Quan hệ mật thiết với các cơ quan ban ngành có liên quan đến hoạt động của công ty.
- Xây dựng Quy chế thi đua - khen thưởng - kỷ luật nội bộ phù hợp với Bộ Luật Lao động, Luật thi đua khen thưởng và Quy chế thi đua khen thưởng của Bộ Công Thương.
- Theo dõi, thống kê tổng hợp kết quả thi đua.
- Triển khai, quán triệt tiêu chuẩn thi đua đã được lãnh đạo duyệt đến các đơn vị/bộ phận.
- Lập báo cáo thành tích chung toàn công ty.
- Lập Hồ sơ đề nghị khen thưởng hằng năm và định kỳ.
- Lưu trữ hồ sơ khen thưởng - kỷ luật.

➢ **Phòng Công nghệ - Vận hành**

- Chức năng:

- Tham mưu cho ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai và ứng dụng CNTT vào hoạt động kinh doanh của HAMACO.
- Giám sát việc sử dụng tài nguyên CNTT (phần cứng, phần mềm, dữ liệu....). Đề xuất, thực

hiện việc trang bị thiết bị CNTT mới, thanh lý thiết bị CNTT không còn phù hợp.

- Nhiệm vụ:

- Vận hành ổn định và hiệu quả hệ thống CNTT.
- Thiết kế các ứng dụng (trong khả năng) theo yêu cầu của các đơn vị thuộc HAMACO.
- Quản trị Website HAMACO.
- Hỗ trợ người sử dụng về CNTT.
- Thực hiện mua sắm mới các thiết bị CNTT.

➢ **Ban pháp chế & Thu hồi công nợ**

- Chức năng: Tư vấn về pháp lý và thực hiện các hoạt động liên quan đến pháp lý trong công tác quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của công ty.

- Nhiệm vụ:

- Tư vấn pháp lý về các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh - đầu tư của công ty.
- Chịu trách nhiệm thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan đến Công ty và các đơn vị trực thuộc.
- Đại diện hợp pháp của công ty tham gia các hoạt động tố tụng Trọng tài hoặc Toà án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công ty theo ủy quyền của Tổng Giám đốc.
- Giải quyết các khiếu nại phát sinh từ các hợp đồng, các quan hệ dân sự giữa công ty với đối tác hoặc bên thứ ba.
- Chủ trì dự thảo xây dựng, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty, các Công ty con thành lập mới và các doanh nghiệp có vốn góp của công ty.
- Thẩm định về mặt pháp lý các văn bản của công ty trong các lĩnh vực:
  + Hợp đồng mua bán và các thỏa thuận trong hoạt động thương mại với các đối tác.
  + Các quy định, quy chế quản lý nội bộ.
  + Các thủ tục pháp lý trong công tác quản lý đầu tư, xây dựng cơ bản, đấu thầu.
  + Các văn bản khác theo yêu cầu của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc công ty.
- Thực hiện cập nhật, rà soát, phổ biến các văn bản pháp lý mới ban hành có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
- Kiến nghị xây dựng, điều chỉnh các quy định quản lý nội bộ của công ty đảm bảo tuân thủ pháp luật.
- Tổng kết đánh giá những vướng mắc trong quá trình thực hiện pháp luật liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc đề xuất biện pháp phòng ngừa các rủi ro pháp lý trong quá trình hoạt động kinh doanh.
- Công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật. Chủ trì làm việc với các tổ chức, cơ quan liên quan,

tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến quy định pháp luật liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

➢ **Phòng kinh doanh Sơn**

- Chức năng: Trực tiếp kinh doanh ngành hàng sơn, bột trét tại khu vực ĐBSCL theo chỉ tiêu và kế hoạch Công ty giao.

- Nhiệm vụ:

- Trực tiếp chủ động tiếp thị và phát triển thị trường khu vực ĐBSCL.
- Nghiên cứu và đánh giá thị trường đang kinh doanh.
- Hoạch định chiến lược kinh doanh cho từng thời điểm để phù hợp với thị trường.
- Lập phương thức hỗ trợ bán hàng cho đại lý.
- Nghiên cứu chính sách bán hàng của nhà cung cấp khi có sự thay đổi.
- Thực hiện kế hoạch công ty giao đạt hiệu quả cao.
- Chấp hành đúng chế độ báo cáo theo chỉ đạo của Công ty.

➢ **Phòng kinh doanh VLXD**

- Chức năng: Trực tiếp kinh doanh ngành hàng VLXD tại khu vực ĐBSCL theo chỉ tiêu và kế hoạch Công ty giao.

- Nhiệm vụ:

+ Chịu trách nhiệm thông báo kịp thời dự kiến, chính thức tăng/giảm giá cho các đơn vị bán hàng, kết hợp cùng với Trưởng đơn vị bán hàng đề xuất với Ban Tổng Giám đốc điều chỉnh tăng/giảm cao hay thấp hơn nhà cung cấp tại từng thời điểm trước khi tăng/giảm giá nhằm đảm bảo hiệu quả cao nhất.
+ Chịu trách nhiệm tiếp cận, trao đổi và các biện pháp khác đảm bảo nhận được thông tin giá cả, các chính sách, tình hình hàng hóa, cách thức giao nhận hàng của nhà cung cấp một cách nhanh nhất, sớm nhất và thông báo kịp thời cho Ban Tổng Giám đốc, các đơn vị bán hàng.
+ Hỗ trợ các đơn vị bán hàng tiếp cận các nhà cung cấp để có được những quyết định giá cả, chính sách, hàng hóa, giao nhận đặt thủ cho đơn vị mình nhằm khai thác tốt nhất các chính sách đó.
+ Trực tiếp chủ động tiếp thị và phát triển thị trường khu vực ĐBSCL.
+ Nghiên cứu và đánh giá thị trường đang kinh doanh.
+ Hoạch định chiến lược kinh doanh cho từng thời điểm để phù hợp với thị trường.
+ Lập phương thức hỗ trợ bán hàng cho đại lý.
+ Nghiên cứu chính sách bán hàng của nhà cung cấp khi có sự thay đổi.
+ Thực hiện kế hoạch công ty giao đạt hiệu quả cao.
+ Chấp hành đúng chế độ báo cáo theo chỉ đạo của Công ty.

➢ **Phòng Truyền thông & Phát triển kênh số**

- Chức năng:
  + Xây dựng và triển khai các chiến lược truyền thông, quản trị thương hiệu
  + Thống kê, xây dựng kế hoạch kinh doanh và báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch
  + Marketing nội bộ

- Nhiệm vụ:

- **Thống kê, xây dựng kế hoạch kinh doanh và báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch**
  + Tổ chức công tác thống kê và theo dõi việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch của các đơn vị và toàn công ty; kịp thời điều chỉnh các kế hoạch cho phù hợp với những diễn biến của thị trường nhằm đảm bảo việc hoàn thành các mục tiêu của công ty đề ra.
  + Thiết lập hệ thống báo cáo nội bộ; hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện các chế độ báo cáo của các đơn vị.
  + Hướng dẫn các đơn vị trực thuộc công ty trong công tác xây dựng kế hoạch kinh doanh, kế hoạch Marketing, báo cáo thống kê và hợp đồng kinh tế.
  + Soạn thảo và tổng hợp Kế hoạch kinh doanh hằng năm trình Tổng giám đốc, Hội Đồng Quản Trị.
  + Tổng hợp và lập các báo cáo của HĐQT, Ban Tổng giám đốc trình ĐHCĐ và cơ quan chức năng theo qui định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, luật thống kê và các thông tư, nghị định liên quan.
- **Marketing nội bộ**
  + Tổ chức truyền thông nội bộ và tình hình thị trường, khách hàng tiềm năng, đặc tính và lợi ích vượt trội của sản phẩm và dịch vụ của Công ty.
  + Tham gia biên soạn tài liệu đào tạo liên quan đến bán hàng và phát triển khách hàng.
  + Thực hiện đào tạo nghiệp vụ cho nhân viên bán hàng, cộng tác viên…
- **Quảng bá thương hiệu và tiếp thị**
  + Thiết lập, quản lý hệ thống nhận diện thương hiệu công ty.
  + Xây dựng và triển khai các chương trình Marketing online.
  + Tổ chức xây dựng kho dữ liệu thông tin về khách hàng, hỗ trợ bán hàng thông qua công tác chào hàng điện tử, cung cấp thông tin trực tiếp cho khách hàng qua điện thoại, email…
  + Xây dựng các chương trình nhằm quảng bá và nâng cao hình ảnh công ty, xây dựng thương hiệu…

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

5.1. Công ty mẹ, Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ chức phát hành

Không có

5.2. Công ty con, công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

❖ **Công ty TNHH MTV HAMACO Petro**

- Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 1801115004
- Ngày thành lập lần đầu: 03/03/2010
- Địa chỉ: Lô II.18A Khu công nghiệp Trà Nóc 2, Phường Phước Thới, TP. Cần Thơ, Việt Nam
- Hoạt động kinh doanh chính: Kinh doanh xăng dầu, dầu nhờn, khí hóa lỏng (LPG)
- Vốn điều lệ: 7.000.000.000 đồng

	Tỷ lệ sở hữu của HAM tại Công ty con tại các thời điểm		
Thời điểm	31/12/2024	31/12/2025	30/09/2026
Tỷ lệ sở hữu	100%	100%	100%
Tỷ lệ biểu quyết	100%	100%	100%

❖ **Công ty TNHH MTV HAMACO Vị Thanh**

- Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 6300285815
- Ngày thành lập lần đầu: 10/03/2017
- Địa chỉ: Số 34/9 Quốc lộ 61, ấp Mỹ Hiệp 1, Xã Hỏa Lựu, TP. Cần Thơ, Việt Nam
- Hoạt động kinh doanh chính: Bán buôn vật liệu xây dựng, dầu nhờn công nghiệp; Kinh doanh cho thuê kho bãi
- Vốn điều lệ: 4.000.000.000 đồng

	Tỷ lệ sở hữu của HAM tại Công ty con tại các thời điểm		
Thời điểm	31/12/2024	31/12/2025	30/09/2026
Tỷ lệ sở hữu	100%	100%	100%
Tỷ lệ biểu quyết	100%	100%	100%

❖ **Công ty Cổ phần Bê tông Hamaco**

- Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 1801071438
- Ngày thành lập lần đầu: 23/09/2009
- Địa chỉ: C22, Lê Hồng Phong, Phường Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao
- Vốn điều lệ: 85.000.000.000 đồng

	Tỷ lệ sở hữu của HAM tại Công ty con tại các thời điểm		
Thời điểm	31/12/2024	31/12/2025	30/09/2026
Tỷ lệ sở hữu	81,53%	81,47%	81,8%
Tỷ lệ biểu quyết	81,53%	81,47%	81,8%

❖ **Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Xanh Hamaco**

- Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 6300330507
- Ngày thành lập lần đầu: 15/06/2020
- Địa chỉ: KCN Sông Hậu - Giai đoạn 1, Xã Châu Thành, TP Cần Thơ, Việt Nam
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao, kho bãi và lưu giữ hàng hóa
- Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng

	Tỷ lệ sở hữu của HAM tại Công ty con tại các thời điểm		
Thời điểm	31/12/2024	31/12/2025	30/09/2026
Tỷ lệ sở hữu	100%	100%	100%
Tỷ lệ biểu quyết	100%	100%	100%

❖ **Công ty TNHH MTV Bê tông HAMACO Hậu Giang**

- Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 6300224241
- Ngày thành lập lần đầu: 23/04/2013
- Địa chỉ: KCN Tân Phú Thạnh - Giai đoạn 1, Xã Thạnh Xuân, TP Cần Thơ, Việt Nam
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao
- Vốn điều lệ: 70.000.000.000 đồng

	Tỷ lệ sở hữu của HAM tại Công ty con tại các thời điểm		
Thời điểm	31/12/2024	31/12/2025	30/09/2026
Tỷ lệ sở hữu	81,53%	81,47%	81,8%
Tỷ lệ biểu quyết	81,53%	81,47%	81,8%

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

6.1 Thông tin về quá trình giảm vốn điều lệ

Không có

6.2 Thông tin về quá trình tăng vốn điều lệ

Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 5703000042 ngày 12 tháng 05 năm 2003 do

Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp với vốn điều lệ là 12.476.800.000 đồng. Kể từ đó đến nay, nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh, Công ty đã thực hiện những đợt tăng vốn điều lệ như sau:

[Phần còn lại của trang này được chủ ý để trống]

Bảng 1: Quá trình tăng vốn điều lệ

Lần	Thời điểm thay đổi theo Giấy CNĐKDN	VĐL ban đầu/ trước khi tăng vốn (đồng)	VĐL tăng thêm (đồng)	VĐL sau khi tăng vốn (đồng)	Cơ sở pháp lý	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
1	08/06/2007	12.476.800.000	12.476.800.000	24.953.600.000	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 32A-NQ/ĐHĐCĐ.2007 ngày 27/04/2007; - Quyết định HĐQT số 40/QĐ.2007 ngày 31/05/2007; - Báo cáo kết quả phát hành số 1974/VT.2007 ngày 14/08/2007; - Văn bản số 1476/UBCK-QLPH ngày 23/08/2007 của UBCKNN về việc phát hành cổ phiếu thưởng; - Giấy CN. ĐKKD đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 08/06/2007.	Phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ	Không có
2	02/11/2009	24.953.600.000	24.849.900.000	49.803.500.000	- Văn bản số 43/UBCK-QLPH ngày 08/01/2009 của UBCKNN về việc hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu; - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 721/VT.2009 ngày 18/04/2009; - Văn bản gửi UBCKNN của HAMACO số 865/VT.2009 ngày	Phát hành cổ phiếu thưởng; Phát hành cổ phiếu ra công chúng.	Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ	Không có

Lần	Thời điểm thay đổi theo Giấy CNĐKDN	VĐL ban đầu/ trước khi tăng vốn (đồng)	VĐL tăng thêm (đồng)	VĐL sau khi tăng vốn (đồng)	Cơ sở pháp lý	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
					12/06/2009 về việc Phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu; - Văn bản số 938/VT.2009 ngày 26/06/2009 của HAMACO về việc phát hành cổ phiếu ra công chúng và cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu; - Văn bản số 1527/UBCK-QLPH ngày 28/07/2009 của UBCKNN về việc chấp thuận nguyên tắc hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng; - Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 414/UBCK-GCN ngày 18/08/2009 của UBCKNN; - Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng và Phát hành cổ phiếu			

Lần	Thời điểm thay đổi theo Giấy CNĐKDN	VĐL ban đầu/ trước khi tăng vốn (đồng)	VĐL tăng thêm (đồng)	VĐL sau khi tăng vốn (đồng)	Cơ sở pháp lý	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
					tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu ngày 15/09/2009; - Giấy CN. ĐKKD đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 02/11/2009.			
3	24/06/2011	49.803.500.000	12.450.490.000	62.253.990.000	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/QĐ.2011 ngày 23/04/2011; - Nghị quyết HĐQT số 03/NQ-HĐQT.2011 ngày 07/05/2011; - Thông báo phát hành số 889/VT.2011 ngày 19/05/2011; - Văn bản số 923/VT.2011 ngày 01/06/2011 của HAMACO về việc báo cáo phát hành cổ phiếu thưởng; - Giấy CN. ĐKKD đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 24/06/2011.	Phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ	Không có
4	27/12/2021	62.253.990.000	31.126.620.000	93.380.610.000	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01-NQ/ĐHĐCĐ.2021 ngày 29/04/2021; - Nghị quyết HĐQT số 05/NQ-HĐQT.2021 ngày 30/09/2021 về việc	Phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ	Sở KH và ĐT TP. Cần Thơ	Không có

Lần	Thời điểm thay đổi theo Giấy CNĐKDN	VĐL ban đầu/ trước khi tăng vốn (đồng)	VĐL tăng thêm (đồng)	VĐL sau khi tăng vốn (đồng)	Cơ sở pháp lý	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
					phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu; - Công văn số 6495/UBCK-QLCB ngày 20/10/2021 của UBCKNN về việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn VCSH của HAM; - Báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu số 486/VT.2021 ngày 12/11/2021; - Công văn số 7571/UBCK-QLCB ngày 17/11/2021 của UBCKNN về báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn VCSH; - Giấy CN. ĐKDN đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 27/12/2021.	nguồn vốn chủ sở hữu		

Lần	Thời điểm thay đổi theo Giấy CNĐKDN	VĐL ban đầu/ trước khi tăng vốn (đồng)	VĐL tăng thêm (đồng)	VĐL sau khi tăng vốn (đồng)	Cơ sở pháp lý	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
5	17/05/2022	93.380.610.000	3.000.000.000	96.380.610.000	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01-NQ/ĐHĐCĐ.2021 ngày 29/04/2021; - Nghị quyết HĐQT số 06/NQ-HĐQT.2021 ngày 05/11/2021, số 07/NQ-HĐQT.2021 ngày 05/11/2021, số 06/NQ-HĐQT.2021 ngày 05/11/2021; - Công văn số 605/UBCK-QLCB ngày 28/01/2022 của UBCKNN v/v tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP; - Báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu số 81/VT.2022 ngày 28/02/2022; - Công văn số 1251/UBCK-QLCB ngày 15/03/2022 của UBCKNN về báo cáo kết quả đợt phát hành ESOP;	Báo cáo phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của HAM	Sở KH và ĐT TP. Cần Thơ	Không có

Lần	Thời điểm thay đổi theo Giấy CNĐKDN	VĐL ban đầu/ trước khi tăng vốn (đồng)	VĐL tăng thêm (đồng)	VĐL sau khi tăng vốn (đồng)	Cơ sở pháp lý	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
					- Giấy CN. ĐKKD đăng ký thay đổi lần thứ 26 ngày 17/05/2022.			
6	24/04/2026	96.380.610.000	48.189.870.000	144.570.480.000	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01-NQ/ĐHĐCĐ.2026 ngày 03/03/2026; - Nghị quyết HĐQT số 04/2026/NQ-HĐQT ngày 13/03/2026; - Công văn số 2324/UBCK-QLCB ngày 25/03/2026 của UBCKNN v/v tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn VCSH của HAM; - Báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu số 66/VT.2026 ngày 14/04/2026; - Công văn số 3014/UBCK-QLCB ngày 17/04/2026 của UBCKNN v/v tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ	Phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	Sở Tài chính TP. Cần Thơ	Không có

Lần	Thời điểm thay đổi theo Giấy CNĐKDN	VĐL ban đầu/ trước khi tăng vốn (đồng)	VĐL tăng thêm (đồng)	VĐL sau khi tăng vốn (đồng)	Cơ sở pháp lý	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
					phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn VCSH; - Giấy CN. ĐKKD đăng ký thay đổi lần thứ 32 ngày 24/04/2026.			
7	08/06/2026	144.570.480.000	4.800.000.000	149.370.480.000	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01-NQ/ĐHĐCĐ.2026 ngày 03/03/2026; - Nghị quyết HĐQT số 09/2026/NQ-HĐQT ngày 01/04/2026; - Nghị quyết HĐQT số 11/2026/NQ-HĐQT ngày 21/04/2026; - Công văn số 3763/UBCK-QLCB ngày 07/05/2026 của UBCKNN v/v tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động của HAM; - Báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động số 131.VT ngày 01/06/2026;	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động	Sở Tài chính TP. Cần Thơ	Không có

Lần	Thời điểm thay đổi theo Giấy CNĐKDN	VĐL ban đầu/ trước khi tăng vốn (đồng)	VĐL tăng thêm (đồng)	VĐL sau khi tăng vốn (đồng)	Cơ sở pháp lý	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
					- Công văn số 5038/UBCK-QLCB ngày 05/06/2026 của UBCKNN v/v tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động; - Giấy CN. ĐKKD đăng ký thay đổi lần thứ 33 ngày 08/06/2026.			

Nguồn: CTCP Vật tư Hậu Giang

[Phần còn lại của trang này được chủ ý để trống]

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác

Căn cứ Báo cáo tài chính riêng/ hợp nhất kiểm toán năm 2024, Báo cáo tài chính riêng/ hợp nhất kiểm toán năm 2025 và Báo cáo tài chính riêng/ hợp nhất Quý III năm 2026, trong 02 năm liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại, Công ty không có các khoản góp vốn, thoái vốn nào có giá trị từ 10% tổng tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

8.1. Cổ phiếu phổ thông

Thông tin cổ phần, cổ đông, cổ phiếu

- Tổng số cổ phiếu đã phát hành : 14.937.048 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành : 14.937.048 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ : 0 cổ phiếu
- Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng : 480.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng : 14.457.048 cổ phiếu

Bảng 2: Cơ cấu cổ đông tại ngày 23/06/2026

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông
I	**Cổ đông trong nước**	**14.937.048**	**100%**	**300**
1	Tổ chức	0	0%	0
2	Cá nhân	14.937.048	100%	300
II	**Cổ đông nước ngoài**	**0**	**0%**	**0**
1	Tổ chức, Tổ chức có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	0	0%	0
2	Cá nhân	0	0%	0
III	**Cổ phiếu quỹ**	**0**	**0%**	**0**
	Tổng cộng	**14.937.048**	**100%**	**300**

Nguồn: Danh sách cổ đông CTCP Vật tư Hậu Giang tại ngày 23/06/2026 do VSDC cấp

8.2. Cổ phiếu ưu đãi

Không có.

8.3. Các loại chứng khoán khác

Không có.

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

9.1. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quy định pháp luật

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang *(căn cứ Công văn số 3676/UBCKNN-PTTT của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 14/06/2023 về hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang)* là: 0%.

9.2. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ công ty

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Điều lệ công ty không quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty.

9.3. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Tổ chức phát hành tại ngày 23/06/2026

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài hiện tại của Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang *(căn cứ Danh sách người sở hữu chứng khoán của Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang tại ngày 23/06/2026 do VSDC cung cấp)* là: 0%

10. Hoạt động kinh doanh

10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

10.1.1. Sản phẩm, dịch vụ chính

Nhằm đảm bảo nguồn cung ổn định cho các công trình xây dựng và hệ thống phân phối, HAMACO hoạt động phân phối tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long đối với các sản phẩm thép, xi măng, và vật liệu xây dựng của nhiều thương hiệu uy tín trong nước như: thép Vina Kyoei, thép Hòa Phát, thép Pomina, xi măng Nghi Sơn, Xi măng Tây Đô, cùng nhiều đối tác lớn khác.

Bên cạnh vai trò là nhà phân phối, HAMACO còn trực tiếp tham gia sản xuất các sản phẩm vật liệu xây dựng mang thương hiệu riêng, bao gồm xi măng, bê tông trộn sẵn và cấu kiện bê tông đúc sẵn. Để gia tăng năng lực sản xuất và chủ động nguồn cung, Công ty đã đầu tư và sở hữu 4 trạm trộn bê tông tươi, 1 nhà máy bê tông cấu kiện và 1 nhà máy sản xuất xi măng, vật liệu xây tô, qua đó đáp ứng đa dạng nhu cầu của thị trường khu vực miền Nam.

Song song với lĩnh vực vật liệu xây dựng, CTCP Vật tư Hậu Giang còn là một trong những nhà phân phối LPG (gas đốt) tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Danh mục sản phẩm LPG phong phú, bao gồm các thương hiệu uy tín trong và ngoài nước như Total Energies, Total Gaz, Elf gaz, PetrolimexGas, SaigonPetro, PacificPetro Vietnam, VinaGas, ... cùng các sản phẩm bếp gas và phụ kiện ngành gas. Với đội ngũ nhân sự giàu kinh nghiệm, HAMACO còn cung cấp dịch vụ thiết kế, lắp đặt hệ thống gas đốt công nghiệp cho nhà hàng, khách sạn, cơ quan và nhà máy. Ngoài ra, Công ty vận hành hệ thống cửa hàng bán lẻ gas và bếp gas, kết hợp với dịch vụ giao hàng tận nơi cho khách hàng tại nội ô TP. Cần Thơ, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ và trải nghiệm khách hàng.

Lĩnh vực dầu nhờn cũng là một ngành hàng chiến lược của HAMACO. Với vai trò là nhà phân phối chiến lược của thương hiệu dầu nhờn Total tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, HAMACO cung cấp đa dạng các dòng sản phẩm như dầu động cơ xăng, dầu động cơ diesel, dầu thắng, nước làm mát, dầu truyền động và các sản phẩm chuyên dụng khác, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

Bên cạnh đó, HAMACO tiếp tục mở rộng hoạt động kinh doanh sang ngành hàng sơn, phân phối các sản phẩm chất lượng cao như bột trét tường, sơn trang trí, sơn dầu và đặc biệt là các dòng sơn chuyên dụng cho công trình. Đến nay, HAMACO hiện phân phối các sản phẩm sơn Dulux, Maxilite tại TP. Cần Thơ và các tỉnh lân cận.

Ngoài các ngành hàng chủ lực nêu trên, Công ty còn phát triển thêm mảng kinh doanh xăng dầu nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng truyền thống cũng như khách hàng cá nhân tại TP. Cần Thơ. Đồng thời, HAMACO đã bước đầu tham gia kinh doanh thiết bị vệ sinh. Mặc dù quy mô hiện tại còn khiêm tốn, Ban lãnh đạo đánh giá đây là ngành hàng có tiềm năng tăng trưởng trong dài hạn.

Hiện nay, địa bàn kinh doanh của HAMACO tập trung chủ yếu tại TP. Cần Thơ, các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long và khu vực Đông Nam Bộ, với nhóm khách hàng mục tiêu bao gồm khách hàng thương mại, đại lý, nhà thầu xây dựng và khách hàng bán lẻ.

HAMACO không chỉ là một doanh nghiệp kinh doanh, mà còn là một phần của cộng đồng và là đối tác tin cậy trong hành trình kiến tạo tương lai. Với định hướng phát triển bền vững, Công ty không ngừng tìm kiếm các giải pháp nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường, nâng cao chất lượng cuộc sống cộng đồng và mang đến cho khách hàng những sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng cao. Mỗi sản phẩm của HAMACO không chỉ góp phần xây dựng nên các công trình, mà còn chung tay kiến tạo một tương lai bền vững.

Hoạt động kinh doanh của HAMACO được tổ chức theo ba trụ cột cốt lõi: Thương mại, Sản xuất và Dịch vụ, góp phần tối ưu hóa chuỗi cung ứng và gia tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường.

- **Lĩnh vực Thương mại (Phân phối)**

Mảng thương mại tiếp tục đóng vai trò trọng yếu với danh mục sản phẩm đa dạng, phục vụ từ công trình dân dụng đến các dự án công nghiệp quy mô lớn:

- Ngành Thép: Phân phối các thương hiệu thép uy tín trên thị trường bao gồm VAS, Hòa Phát, Miền Nam, VinaKyoei, Tây Đô và Pomina.
- Ngành Xi măng và Vật liệu xây dựng khác: Phân phối thương hiệu xi măng Nghi Sơn, Tây Đô, Fico, ...; Kinh doanh gạch tuynel, gạch không nung và các sản phẩm gia công cơ khí (thép đầu cọc, thép mặt bít, kẽm cột, đinh thép).
- Ngành Gas (LPG): Phân phối các thương hiệu gas lớn như Total Energies, Total Gaz, Elf gaz, PetrolimexGas, SaigonPetro, PacificPetroVietnam, VinaGas. Đi kèm là hoạt động kinh doanh bếp gas, phụ kiện ngành gas và cung cấp dịch vụ lắp đặt hệ thống gas công nghiệp.
- Ngành Dầu nhờn: Phân phối chính thức thương hiệu dầu nhờn Total.

- Ngành Sơn: Duy trì nhịp độ phân phối vững chắc các dòng sơn Dulux và Maxilite.
- Ngành Thiết bị vệ sinh: Hoàn thiện phân khúc cao cấp thông qua việc phân phối các thương hiệu Inax và American Standard.

Lĩnh vực Sản xuất

Hoạt động sản xuất tập trung vào việc tự chủ nguồn cung vật liệu xây dựng cốt lõi, kiểm soát chất lượng và gia tăng tỷ suất lợi nhuận:

- Sản xuất Bê tông (Thương hiệu HAMACO): Trực tiếp sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bê tông trộn sẵn cùng đa dạng các cấu kiện bê tông đúc sẵn, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật khắt khe của các dự án hạ tầng.
- Sản xuất Xi măng: Sản xuất và cung ứng ra thị trường các thương hiệu xi măng Việt Nhật, Tây Nam và Việt Mỹ.
- Sản xuất Bột đá vôi: Sản xuất và kinh doanh bột đá vôi Canxi Cacbonat.

Lĩnh vực Dịch vụ

Nhằm hỗ trợ toàn diện cho chuỗi cung ứng vật liệu và tối ưu hóa tài sản doanh nghiệp, Công ty vận hành ổn định các mảng dịch vụ phụ trợ:

- Dịch vụ Vận tải: Tổ chức vận tải hàng hóa linh hoạt và hiệu quả thông qua mạng lưới đường Thủy và đường Bộ.
- Dịch vụ Cho thuê: Khai thác thương mại hạ tầng sẵn có thông qua hoạt động cho thuê văn phòng, kho và bãi.

Việc duy trì song song và bổ trợ chéo giữa ba lĩnh vực Thương mại, Sản xuất và Dịch vụ đã giúp HAMACO khép kín vòng đời cung ứng vật liệu, tối ưu hóa chi phí logistics và phân tán rủi ro hiệu quả trong điều kiện vĩ mô có nhiều biến động.

[Phần còn lại của trang này được chủ ý để trống]

Một số hình ảnh về sản phẩm của Công ty như sau:

Nhóm thép



VAS Steel Pomina HOA PHAT VINA KYOEI STEEL

Nhóm Xi Măng



XI MĂNG TÂY ĐÔ

FICO CEMENT
GẮN KẾT NHỮNG ƯỚC MƠ

NGHI SON CEMENT

Nhóm thiết bị vệ sinh



Nhóm gas







Nhóm sơn



Nhóm dầu nhờn







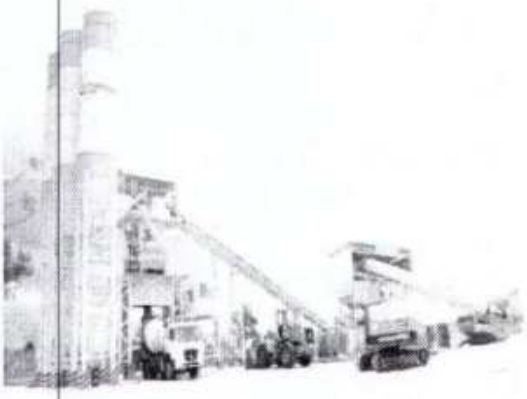
Xi măng

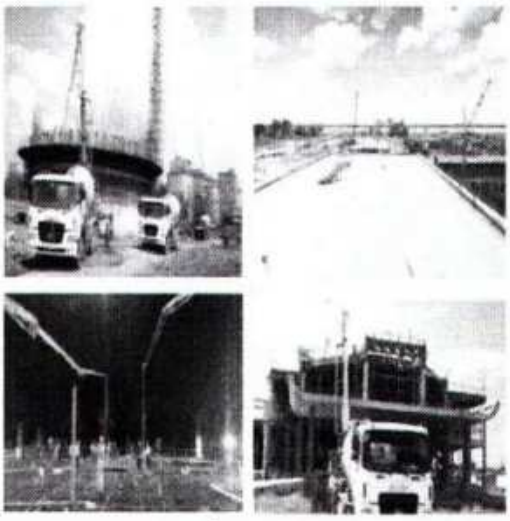
Bột đá vôi Canxi Cacbonat





Bê tông trộn sẵn





Nguồn: CTCP Vật Tư Hậu Giang

10.1.2. Quy trình sản xuất kinh doanh

- Nghiên cứu thị trường và tìm kiếm nhà cung cấp
  + Doanh nghiệp tiến hành khảo sát nhu cầu, thị hiếu người tiêu dùng và phân tích đối thủ cạnh tranh.
  + Tìm kiếm, đánh giá và lựa chọn các nhà cung cấp uy tín (trong nước và quốc tế) đảm bảo chất lượng, giá cả cạnh tranh và tiến độ giao hàng.
- Đàm phán và ký kết hợp đồng thương mại
  + Đàm phán các điều khoản thương mại như giá cả, số lượng, phương thức thanh toán, thời gian giao hàng và chính sách bảo hành.
  + Ký kết hợp đồng nguyên tắc hoặc hợp đồng đơn hàng với các nhà cung cấp.
- Vận chuyển và tiếp nhận hàng hóa (Logistics đầu vào)
  + Thực hiện các thủ tục nhập khẩu (đối với hàng hóa quốc tế) bao gồm mở tờ khai, thông quan và nộp thuế.
  + Vận chuyển hàng hóa về kho tổng của công ty, kiểm tra chất lượng (KCS), số lượng thực tế so với đơn đặt hàng.
- Lưu kho và bảo quản hàng hóa
  + Phân loại, sắp xếp và bảo quản hàng hóa trong hệ thống kho bãi theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật (nhiệt độ, độ ẩm...).
  + Quản lý hàng tồn kho bằng phần mềm để theo dõi xuất - nhập - tồn, tránh thất thoát hoặc hư hỏng.
- Phân phối, marketing và bán hàng
  + Xây dựng và triển khai các chương trình marketing, khuyến mãi để kích cầu.
  + Phân phối hàng hóa đến các kênh đại lý, siêu thị, cửa hàng bán lẻ (B2B) hoặc trực tiếp đến tay người tiêu dùng (B2C) qua chuỗi cửa hàng và nền tảng thương mại điện tử.
- Chăm sóc khách hàng và hậu mãi
  + Thực hiện các dịch vụ sau bán hàng như lắp đặt, bảo hành, đổi trả hàng lỗi.
  + Thu thập phản hồi từ khách hàng để cải thiện chất lượng dịch vụ và sản phẩm.

10.1.3. Trình độ Công nghệ áp dụng

- Quản trị nguồn lực & Dữ liệu: Sử dụng các phần mềm quản trị tập trung để đồng bộ hóa kho hàng, kế toán, và doanh thu.
- Hệ thống quản lý kho & Logistics: Mức độ tự động hóa kho bãi, quét mã vạch và phần mềm tối ưu lộ trình giao hàng nhằm giảm thiểu chi phí và thời gian vận chuyển.
- Nền tảng Thương mại Điện tử & Đa kênh: Ứng dụng app, website, và tích hợp các kênh bán hàng (online - offline) để mở rộng thị phần.

10.1.4. Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh

Do đặc thù hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng, hoạt động và doanh thu của HAMACO mang tính chu kỳ rõ rệt và phụ thuộc mật thiết vào diễn biến của ngành xây dựng và bất động sản.

Để ứng phó với đặc điểm này, công ty đã chủ động mở rộng danh mục sản phẩm, dịch vụ và phát triển đa dạng kênh phân phối. Nhờ đó, doanh nghiệp có khả năng duy trì nguồn doanh thu ổn định, qua đó đảm bảo mục tiêu thuận lợi cho cả công ty và nhà đầu tư.

10.1.5. Hoạt động kinh doanh

- **Sản lượng và giá trị tiêu thụ một số sản phẩm chính năm 2024, năm 2025 và 09 tháng đầu năm 2026**

Bảng 3: Sản lượng và giá trị tiêu thụ một số sản phẩm chính của Công ty qua các năm

Sản phẩm	ĐVT	2021	2022	2023	2024	2025	9 tháng đầu năm 2026
Thép	Tấn	114.580	134.430	113.487	103.800	124.288	91.286
Xi Măng	Tấn	152.000	306.140	310.699	399.540	68.559	33.068
Gas	Tấn	7.610	8.410	8.595	8.580	4.755	2.651
Dầu nhờn	m^3	1.050	1.340	1.204	1.080	702	457
Sơn	Triệu đồng	91.980	123.340	142.894	159.440	178.197	148.312
Bê Tông	Triệu đồng	547.703	794.240	735.851	872.440	835.222	1.089.646
Thiết bị vệ sinh	Triệu đồng	0	0	0	6.000	19.927	29.578

Nguồn: CTCP Vật tư Hậu Giang

Cơ cấu sản phẩm của HAMACO thể hiện sự linh hoạt, phù hợp với chu kỳ thị trường và bối cảnh kinh tế:

Nhóm Vật liệu xây dựng cốt lõi (Thép, Xi măng, Bê tông): Đây tiếp tục là nhóm sản phẩm quan trọng trong hoạt động kinh doanh của HAMACO. Năm 2025, sản lượng thép đạt 124.288 tấn, tăng so với mức 103.800 tấn năm 2024; trong khi sản lượng xi măng đạt 68.559 tấn, giảm đáng kể so với năm trước. Giá trị tiêu thụ bê tông đạt 835.222 triệu đồng, thấp hơn mức 872.440 triệu đồng năm 2024. Trong 09 tháng đầu năm 2026, sản lượng thép đạt 91.286 tấn, xi măng đạt 33.068 tấn và giá trị tiêu thụ bê tông đạt 1.089.646 triệu đồng.

Nhóm Vật liệu hoàn thiện (Thiết bị vệ sinh, Sơn): Hoạt động kinh doanh sơn ghi nhận mức tăng từ 159.440 triệu đồng năm 2024 lên 178.197 triệu đồng năm 2025. Trong 09 tháng đầu năm 2026, giá trị tiêu thụ sơn đạt 148.312 triệu đồng. Đối với thiết bị vệ sinh, giá trị tiêu thụ tăng từ 6.000 triệu đồng năm 2024 lên 19.927 triệu đồng năm 2025; riêng 09 tháng đầu năm 2026 đạt 29.578 triệu đồng, gần tương đương giá trị thực hiện của cả năm 2025.

Nhóm Năng lượng và Phụ trợ (Gas, Dầu nhờn): Năm 2025, sản lượng Gas đạt 4.755 tấn và Dầu nhờn đạt 702 m^3. Trong 09 tháng đầu năm 2026, sản lượng tiêu thụ tương ứng đạt 2.651 tấn

Gas và 457 m³ Dầu nhờn. Hoạt động của hai nhóm sản phẩm này tiếp tục đóng góp vào việc đa dạng hóa danh mục hàng hóa và đáp ứng nhu cầu của khách hàng dân dụng, thương mại và công nghiệp.

- **Cơ cấu doanh thu năm 2024, năm 2025 và 09 tháng đầu năm 2026**

Bảng 4: Cơ cấu doanh thu

Công ty mẹ

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu – Công ty mẹ	Năm 2024		Năm 2025		% +/- 2025/ 2024	09 tháng đầu năm 2026	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	1.788.004	99,46%	2.020.497	99,04%	13,00%	1.574.096	98,44%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.745	0,54%	19.646	0,96%	101,60%	25.026	1,56%
Tổng cộng	**1.797.750**	**100%**	**2.040.143**	**100%**	**13,48%**	**1.599.122**	**100%**

Nguồn: BCTC riêng năm 2024, năm 2025 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý III năm 2026 của HAM

Hợp nhất

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu – Hợp nhất	Năm 2024		Năm 2025		% +/- 2025/ 2024	9 tháng đầu năm 2026	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	3.018.258	98,51%	3.320.228	98,45%	10,00%	2.737.191	98,60%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	45.625	1,49%	52.394	1,55%	14,84%	38.875	1,40%
Tổng cộng	**3.063.883**	**100%**	**3.372.622**	**100%**	**10,08%**	**2.776.066**	**100%**

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024, năm 2025 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III năm 2026 của HAM

Năm 2024, nền kinh tế toàn cầu và trong nước đối mặt với nhiều bất ổn và thách thức đan xen. Sự đóng băng của thị trường bất động sản dân dụng cùng với sức mua trong nước suy giảm đã tạo ra áp lực rất lớn lên ngành vật liệu xây dựng. Tuy nhiên, nhờ linh hoạt chuyển hướng bám sát các dự án đầu tư công và công trình trọng điểm, HAMACO đã từng bước khôi phục và duy trì ổn định hoạt động kinh doanh. Cụ thể, doanh thu hợp nhất năm 2024 của HAMACO đạt 3.063,88 tỷ đồng, hoàn thành 85,1% kế hoạch và chỉ giảm nhẹ 2,9% so với năm 2023.

Cơ cấu doanh thu năm 2024 cho thấy sự phân hóa rõ rệt để thích ứng với thị trường. Mảng Thép - vốn phụ thuộc lớn vào tiến độ xây dựng dân dụng - ghi nhận sự sụt giảm 8,5% về sản lượng tiêu thụ. Tuy nhiên, sự sụt giảm này được bù đắp bởi tăng trưởng tại một số mảng hoạt động khác. Cụ thể, mảng Bê tông thương phẩm đạt doanh thu 872,44 tỷ đồng, tăng 15,7% so với cùng kỳ nhờ trúng thầu nhiều dự án cao tốc; sản lượng tiêu thụ Xi măng cũng tăng 28,6%. Các ngành hàng bổ trợ như Sơn cũng ghi nhận mức tăng trưởng doanh thu 11,6%, giúp HAMACO giữ vững được nền tảng doanh thu tổng thể trong một năm đầy khó khăn.

Bước sang năm 2025, nền kinh tế ghi nhận sự phục hồi nhưng không đồng đều, chi phí đầu vào và vận chuyển vẫn neo ở mức cao, trong khi thị trường bất động sản dân dụng mới chỉ phục hồi chậm chạp. Trong bối cảnh đó, hoạt động kinh doanh của HAMACO ghi nhận sự cải thiện nhờ định hướng tăng cường cung ứng cho phân khúc đầu tư công và hạ tầng công nghiệp. Tổng doanh thu hợp nhất năm 2025 đạt 3.292,4 tỷ đồng, tăng 9,1% so với năm 2024 và hoàn thành 96,8% mục tiêu kế hoạch đề ra.

Doanh thu tại một số ngành hàng chủ lực ghi nhận mức tăng so với năm trước. Đáng chú ý nhất là sự phục hồi của mảng Thép với sản lượng tiêu thụ tăng 19,7% so với năm trước, vượt 3,5% kế hoạch năm. Sản lượng xi măng năm 2025 giảm so với năm 2024, đạt 68.559 tấn. Đặc biệt, mảng Bê tông ghi nhận kết quả thực hiện vượt 20,7% kế hoạch. Phân khúc Thiết bị vệ sinh cao cấp (Inax) cũng ghi nhận đà tăng trưởng bùng nổ nhờ khai thác tốt tệp khách hàng chéo trong hệ sinh thái.

Nhìn chung, bức tranh doanh thu của HAMACO trong giai đoạn 2024 - 2025 đã thể hiện rõ năng lực chống chịu và thích ứng xuất sắc trước các biến động vĩ mô. Việc kiên định với chiến lược mở rộng thị trường trọng điểm tại ĐBSCL, chủ động đa dạng hóa danh mục sản phẩm và khai thác triệt để "lực kéo" từ dòng vốn đầu tư công đã giúp Công ty duy trì nhịp độ tăng trưởng doanh thu tích cực. Những nỗ lực này không chỉ giúp HAMACO củng cố khả năng cạnh tranh trên thị trường mà còn tạo đà vững chắc để hướng tới mục tiêu doanh thu 3.500 tỷ đồng trong năm 2026.

Trong 09 tháng đầu năm 2026, tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty mẹ đạt 1.599,122 tỷ đồng, trong đó doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm chiếm 98,44%. Trên cơ sở hợp nhất, tổng doanh thu đạt 2.776,066 tỷ đồng, trong đó doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm đạt 2.737,191 tỷ đồng, chiếm 98,6%, còn doanh thu cung cấp dịch vụ đạt 38,875 tỷ đồng, chiếm 1,4%. Có thể thấy, trong 09 tháng đầu năm 2026, cơ cấu doanh thu của HAMACO chưa có sự thay đổi đáng kể so với các năm trước khi hoạt động bán hàng hóa và thành phẩm tiếp tục giữ vai trò chủ đạo, trong khi doanh thu dịch vụ chiếm tỷ trọng nhỏ. Cơ cấu này phù hợp với mô hình kinh doanh hiện tại của

Công ty, tập trung chủ yếu vào các nhóm sản phẩm vật liệu xây dựng, bê tông, thép, xi măng và các sản phẩm liên quan.

[Phần còn lại của trang này được chủ ý để trống]

- **Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh năm 2024, năm 2025 và 09 tháng đầu năm 2026**

Bảng 5: Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh

Công ty mẹ

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu – Công ty mẹ	Năm 2024		Năm 2025		% +/- 2025/ 2024	9 tháng đầu năm 2026	
	Giá trị	Tỷ trọng/DTT	Giá trị	Tỷ trọng/DTT		Giá trị	Tỷ trọng/DTT
Giá vốn hàng bán	1.727.393	96,09%	1.963.190	96,25%	13,65%	1.514.953	94,76%
Chi phí tài chính	26.308	1,46%	26.188	1,28%	-0,46%	24.556	1,54%
Trong đó: Chi phí lãi vay	*24.634*	*1,37%*	*24.121*	*1,18%*	*-2,08%*	*22.585*	*1,41%*
Chi phí bán hàng	35.811	1,99%	39.369	1,93%	9,94%	39.885	2,49%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	37.900	2,11%	40.379	1,98%	6,54%	21.624	1,35%
Chi phí khác	81	0,00%	52	0,00%	-36,01%	90	0,01%
Chi phí thuế TNDN	0	0	5.772	0,28%	N/A	2.822	0,18%
Tổng cộng	**1.827.494**	**101,66%**	**2.074.950**	**101,73%**	**13,54%**	**1.603.930**	**100,33%**

Nguồn: BCTC riêng năm 2024, năm 2025 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý III năm 2026 của HAM

Hợp nhất

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu – Hợp nhất	Năm 2024		Năm 2025		% +/- 2025/ 2024	9 tháng đầu năm 2026	
	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/DTT		Giá trị	Tỷ trọng/DTT
Giá vốn hàng bán	2.654.976	87,94%	2.948.849	89,57%	11,07%	2.399.263	88,75%
Chi phí tài chính	39.518	1,31%	37.733	1,15%	-4,52%	34.675	1,28%
Trong đó: Chi phí lãi vay	*36.908*	*1,22%*	*33.783*	*1,03%*	*-8,47%*	*31.356*	*1,16%*
Chi phí bán hàng	202.511	6,71%	190.230	5,78%	-6,06%	168.000	6,21%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	86.307	2,86%	88.216	2,68%	2,21%	56.241	2,08%
Chi phí khác	690	0,02%	1.254	0,04%	81,90%	840	0,03%
Chi phí thuế TNDN	7.539	0,25%	11.740	0,36%	55,72%	11.476	0,42%
Tổng cộng	**2.991.541**	**99,09%**	**3.278.023**	**99,56%**	**9,58%**	**2.670.495**	**98,78%**

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024, năm 2025 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III năm 2026 của HAM

[Phần còn lại của trang này được chủ ý để trống]

Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang (HAMACO) hoạt động kinh doanh chủ yếu trong lĩnh vực thương mại phân phối và sản xuất vật liệu xây dựng (thép, xi măng, bê tông, gas...), vì vậy cơ cấu chi phí phần lớn tập trung ở giá vốn hàng bán. Cụ thể chi phí sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2024, giá vốn hàng bán ghi nhận 2.654,97 tỷ đồng, chiếm 87,94% trên doanh thu thuần. Bước sang năm 2025, giá vốn hàng bán tăng 11,07% so với cùng kỳ, đạt 2.948,85 tỷ đồng và chiếm 89,57% trên doanh thu thuần. Nguyên nhân của sự gia tăng này là do biến động giá nguyên liệu đầu vào và chi phí năng lượng, vận chuyển trên toàn cầu tiếp tục neo ở mức cao, gây áp lực lên giá thành các sản phẩm vật liệu xây dựng.

Tuy nhiên, điểm sáng trong cơ cấu chi phí của HAMACO là khả năng kiểm soát chi phí tài chính. Năm 2024, chi phí tài chính hợp nhất ghi nhận ở mức 39,52 tỷ đồng. Trong năm 2025, chi phí này đã giảm 4,52% xuống còn 37,73 tỷ đồng, trong đó chi phí lãi vay giảm mạnh 8,47%. Sự cải thiện này đến từ chiến lược chủ động đàm phán giảm lãi suất vay, đồng thời cơ cấu lại các khoản vay từ ngắn hạn sang dài hạn nhằm giảm áp lực thanh khoản cho Công ty.

Bên cạnh đó, chi phí bán hàng năm 2025 cũng ghi nhận sự tối ưu hóa mạnh mẽ, chỉ đạt 190,23 tỷ đồng, giảm 6,06% so với mức 202,51 tỷ đồng của năm 2024, bất chấp việc doanh thu thuần tăng trưởng hơn 9%. Nguyên nhân chính nhờ việc HAMACO đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông qua hệ thống quản lý kho thông minh (WMS) và hệ thống quản lý vận tải (TMS), giúp tối ưu hóa lộ trình vận chuyển và giảm đáng kể thời gian, chi phí logistics.

Đối với chi phí quản lý doanh nghiệp, Công ty vẫn duy trì được sự ổn định khi chỉ tăng nhẹ 2,21% trong năm 2025 (đạt 88,22 tỷ đồng so với 86,31 tỷ đồng năm 2024). Tốc độ tăng của chi phí quản lý thấp hơn nhiều so với tốc độ tăng doanh thu, giúp tỷ trọng chi phí này trên doanh thu thuần giảm từ 2,86% xuống còn 2,68%. Sự hiệu quả này chủ yếu đến từ việc HAMACO tích cực số hóa quy trình vận hành và tinh gọn bộ máy theo mô hình Tập đoàn (Holding).

Nhìn chung, trong giai đoạn 2024 - 2025, mặc dù giá vốn hàng bán vẫn duy trì tỷ trọng áp đảo do đặc thù của ngành thương mại phân phối, HAMACO đã thể hiện năng lực quản trị chi phí. Việc kiểm soát và cắt giảm thành công các định phí cũng như chi phí vận hành đã giúp Công ty bảo vệ biên lợi nhuận và tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển trong các giai đoạn tiếp theo.

Trong 09 tháng đầu năm 2026, tổng chi phí trên Báo cáo tài chính hợp nhất của HAMACO đạt 2.705.989 triệu đồng, tương đương 100,09% doanh thu thuần. Giá vốn hàng bán tiếp tục là khoản mục chi phí chiếm tỷ trọng lớn nhất, đạt 2.399.263 triệu đồng, tương đương 88,75% doanh thu thuần, thấp hơn mức 89,57% của năm 2025. Chi phí bán hàng đạt 168.000 triệu đồng, chiếm 6,21% doanh thu thuần, tăng về tỷ trọng so với mức 5,78% của năm 2025; trong khi chi phí quản lý doanh nghiệp đạt 56.241 triệu đồng, chiếm 2,08% doanh thu thuần, giảm so với mức 2,68% của năm 2025. Chi phí tài chính đạt 34.675 triệu đồng, tương đương 1,28% doanh thu thuần, trong đó chi phí lãi vay đạt 31.356 triệu đồng, chiếm 1,16% doanh thu thuần, đều tăng nhẹ về tỷ trọng so với mức lần lượt 1,15% và 1,03% của năm 2025. Bên cạnh đó, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp đạt 11.476 triệu đồng, tương đương 0,42% doanh thu thuần.

Tại Công ty mẹ, tổng chi phí trong 09 tháng đầu năm 2026 đạt 1.603.930 triệu đồng, tương đương 100,33% doanh thu thuần, giảm về tỷ trọng so với mức 101,73% của năm 2025. Giá vốn hàng bán đạt 1.514.953 triệu đồng, chiếm 94,76% doanh thu thuần, thấp hơn mức 96,25% của năm 2025. Ngược lại, tỷ trọng chi phí tài chính tăng từ 1,28% lên 1,54%, trong đó chi phí lãi vay tăng từ 1,18% lên 1,41%; tỷ trọng chi phí bán hàng cũng tăng từ 1,93% lên 2,49%. Trong khi đó, chi phí quản lý doanh nghiệp giảm từ 1,98% xuống 1,35% doanh thu thuần.

Nhìn chung, trong 09 tháng đầu năm 2026, cơ cấu chi phí của HAMACO vẫn tập trung chủ yếu ở giá vốn hàng bán, phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất, thương mại và phân phối vật liệu xây dựng của Công ty. Trên cơ sở hợp nhất, tỷ trọng giá vốn hàng bán và chi phí quản lý doanh nghiệp trên doanh thu thuần giảm so với năm 2025, trong khi tỷ trọng chi phí bán hàng, chi phí tài chính, chi phí lãi vay và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tăng. Tại Công ty mẹ, tỷ trọng tổng chi phí trên doanh thu thuần giảm so với năm 2025, chủ yếu đi cùng với mức giảm tỷ trọng của giá vốn hàng bán và chi phí quản lý doanh nghiệp. Công ty cần tiếp tục theo dõi và kiểm soát các khoản chi phí, đặc biệt là chi phí sử dụng vốn và chi phí bán hàng, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động trong các kỳ tiếp theo.

10.1.6. Kết quả hoạt động Công ty con

- **Công ty TNHH MTV HAMACO Petro**

Bảng 6: Kết quả hoạt động Công ty TNHH MTV HAMACO Petro

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2024	Thực hiện 2025	% +/- 2025/2024	9 tháng đầu năm 2026
1	Tổng giá trị tài sản	90.499	63.826	-29,47%	57.713
2	Doanh thu thuần	270.791	152.674	-43,62%	111.130
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.215	12.087	-50,08%	10.711
4	Lợi nhuận khác	123	(20)	-116,26%	79
5	Lợi nhuận trước thuế	3.118	(5.244)	-268,18%	1.599
6	Lợi nhuận sau thuế	2.327	(4.888)	-310,06%	1.523

Nguồn: HAM

- **Công ty TNHH MTV HAMACO Vị Thanh**

Bảng 7: Kết quả hoạt động Công ty TNHH MTV HAMACO Vị Thanh

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2024	Thực hiện 2025	% +/- 2025/2024	9 tháng đầu năm 2026
1	Tổng giá trị tài sản	3.852	4.221	9,58%	4.428
2	Doanh thu thuần	0	0	0	0
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	0	0	0	0
4	Lợi nhuận khác	(50)	(3,5)	-93,00%	0
5	Lợi nhuận trước thuế	126	383	203,97%	112
6	Lợi nhuận sau thuế	14	341	2.335,71%	79

Nguồn: HAM

- **Công ty Cổ phần Bê tông Hamaco**

Bảng 8: Kết quả hoạt động Công ty Cổ phần Bê tông Hamaco

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2024	Thực hiện 2025	% +/- 2025/2024	9 tháng đầu năm 2026
1	Tổng giá trị tài sản	358.699	367.085	2,34%	179.327
2	Doanh thu thuần	870.599	835.222	-4,06%	392.968
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	211.425	196.659	-6,98%	105.806
4	Lợi nhuận khác	8.515	7.450	-12,51%	181
5	Lợi nhuận trước thuế	45.162	39.585	-12,35%	12.333
6	Lợi nhuận sau thuế	37.841	34.319	-9,31%	9.779

Nguồn: HAM

- **Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Xanh Hamaco**

Bảng 9: Kết quả hoạt động Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Xanh Hamaco

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2024	Thực hiện 2025	% +/- 2025/2024	9 tháng đầu năm 2026
1	Tổng giá trị tài sản	175.597	180.450	2,76%	190.584

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2024	Thực hiện 2025	% +/- 2025/2024	9 tháng đầu năm 2026
2	Doanh thu thuần	432.205	483.292	11,82%	418.101
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	60.096	58.949	-1,91%	49.336
4	Lợi nhuận khác	120	(644)	-636,67%	-188
5	Lợi nhuận trước thuế	28.752	31.376	9,13%	25.331
6	Lợi nhuận sau thuế	28.752	29.628	3,05%	23.568

Nguồn: HAM

- **Công ty TNHH MTV Bê Tông Hamaco – Hậu Giang**

Bảng 10: Kết quả hoạt động Công ty TNHH MTV Bê Tông Hamaco – Hậu Giang

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2024	Thực hiện 2025	% +/- 2025/2024	9 tháng đầu năm 2026
1	Tổng giá trị tài sản	232.233	279.146	20,20%	331.402
2	Doanh thu thuần	721.091	558.332	-22,57%	441.382
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	64.769	67.038	3,50%	66.899
4	Lợi nhuận khác	4.435	2.176	-50,94%	-137
5	Lợi nhuận trước thuế	31.789	22.301	-29,85%	20.794
6	Lợi nhuận sau thuế	27.207	20.620	-24,21%	18.837

Nguồn: HAM

[Phần còn lại của trang này được chủ ý để trống]

10.2. Tài sản

Tài sản cố định hữu hình của Công ty

Bảng 11: Giá trị tài sản cố định hữu hình

Công ty mẹ

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục tài sản – Công ty mẹ	31/12/2024			31/12/2025			30/09/2026		
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	GTCL/NG	Nguyên giá	Giá trị còn lại	GTCL/NG	Nguyên giá	Giá trị còn lại	GTCL/NG
I.	**TSCĐ hữu hình**	**78.986**	**23.871**	**30,22%**	**76.387**	**27.320**	**35,76%**	**71.826**	**23.537**	**32,77%**
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	37.872	14.235	37,59%	41.261	16.764	40,63%	41.261	15.561	37,71%
2	Máy móc, thiết bị	866	0	0	1.466	550	37,52%	1.466	505	34,45%
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	39.889	9.636	24,16%	32.911	9.643	29,30%	28.350	7.157	25,24%
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	38	0	0	38	0	0	38	0	0,00%
5	Tài sản khác	321	0	0	710	363	51,06%	710	314	44,20%
II.	**Bất động sản đầu tư**	**13.927**	**7.268**	**52,19%**	**13.927**	**6.918**	**49,67%**	**13.927**	**6.683**	**47,99%**
1	Máy móc, thiết bị	12.062	6.974	57,81%	12.062	6.742	55,89%	12.062	6.568	54,45%
2	Nhà	1.267	258	20,33%	1.267	176	13,91%	1.267	115	9,10%
3	Nhà và quyền sử dụng đất	598	37	6,18%	598	0	0	598	0	0%

STT	Danh mục tài sản – Công ty mẹ	31/12/2024			31/12/2025			30/09/2026		
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	GTCL/NG	Nguyên giá	Giá trị còn lại	GTCL/NG	Nguyên giá	Giá trị còn lại	GTCL/NG
III.	**TSCĐ vô hình**	**93.914**	**78.421**	**83,50%**	**93.014**	**76.975**	**82,76%**	**93.014**	**76.157**	**81,88%**
1	Quyền sử dụng đất	93.914	78.421	83,50%	93.014	76.975	82,76%	93.014	76.157	81,88%
	TỔNG CỘNG	**186.826**	**109.560**	**58,64%**	**183.327**	**111.212**	**60,66%**	**178.766**	**106.377**	**59,51%**

Nguồn: BCTC riêng năm 2024, năm 2025 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý III năm 2026 của HAM

Hợp nhất

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục tài sản – Hợp nhất	31/12/2024			31/12/2025			30/09/2026		
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	GTCL /NG	Nguyên giá	Giá trị còn lại	GTCL /NG	Nguyên giá	Giá trị còn lại	GTCL /NG
I.	**TSCĐ hữu hình**	**485.146**	**230.571**	**47,53%**	**479.677**	**218.103**	**45,47%**	**480.643**	**193.404**	**40,24%**
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	191.055	94.684	49,56%	194.891	83.057	42,62%	196.215	73.352	37,38%
2	Máy móc, thiết bị	212.260	115.141	54,25%	233.719	119.063	50,94%	237.705	108.068	45,46%
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	79.145	19.933	25,19%	47.949	14.944	31,17%	43.604	11.133	25,53%
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	2.320	812	35,01%	2.363	676	28,61%	2.363	537	22,71%
5	Tài sản khác	366	0	0	756	363	47,99%	756	314	41,54%

STT	Danh mục tài sản Hợp nhất	31/12/2024			31/12/2025			30/09/2026		
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	GTCL /NG	Nguyên giá	Giá trị còn lại	GTCL /NG	Nguyên giá	Giá trị còn lại	GTCL /NG
II.	**Bất động sản đầu tư**	**15.158**	**8.499**	**56,07%**	**15.158**	**8.149**	**53,76%**	**15.158**	**7.992**	**52,73%**
1	Máy móc, thiết bị	12.062	6.974	57,81%	12.062	6.742	55,89%	12.062	6.626	54,93%
2	Nhà	2.497	1.488	59,60%	2.497	1.407	56,34%	2.497	1.366	54,71%
3	Nhà và quyền sử dụng đất	598	37	6,18%	598	0	0	598	0	0,00%
III.	**TSCĐ vô hình**	**131.855**	**109.239**	**82,85%**	**130.955**	**106.830**	**81,58%**	**130.955**	**105.818**	**80,81%**
1	Quyền sử dụng đất	129.834	108.834	83,83%	128.934	106.669	82,73%	128.934	105.764	82,03%
2	Phần mềm	1.431	406	28,36%	1.431	161	11,29%	1.431	54	3,76%
3	Tài sản vô hình khác	590	0	0	590	0	0	590	0	0%
	TỔNG CỘNG	**632.159**	**348.309**	**55,10%**	**625.790**	**333.082**	**53,23%**	**626.755**	**307.214**	**49,02%**

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024, năm 2025 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III năm 2026 của HAM

[Phần còn lại của trang này được chủ ý để trống]

Bảng 12: Thông tin về các tài sản có giá trị lớn

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên tài sản	Nguyên giá	Số hao mòn lũy kế tính đến ngày 30/09/2026	Giá trị còn lại
1	Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất 184 Trần Hưng Đạo, Phường Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	33.413	13.340	20.073
2	Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất 135 Trần Hưng Đạo, Phường Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	1.886	1.886	0
3	Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất 65 đường 3/2, Phường Tân An, TP. Cần Thơ	1.262	1.262	0
4	Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất 55 Tầm Vu, Phường Tân An, TP. Cần Thơ	2.353	1.828	525
5	Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất 91B, phường Ô Môn, TP. Cần Thơ	9.775	0	9.775
6	Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất 8A CMT8, Phường Bình Thủy, TP. Cần Thơ	6.568	3.305	3.263
7	Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất C22 Lê Hồng Phong, Phường Bình Thủy, TP. Cần Thơ	42.139	6.596	35.543
8	Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất hẻm 11 Lê Hồng Phong, Phường Bình Thủy, TP. Cần Thơ	804	0	804
9	Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất 339 Bạch Đằng, Phường Phú Lợi, TP. Cần Thơ	7.567	3.485	4.082
10	Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất 34/9 QL61, Ấp Mỹ Hiệp 1, Xã Hỏa Lựu, TP. Cần Thơ	2.478	2.218	260

STT	Tên tài sản	Nguyên giá	Số hao mòn lũy kế tính đến ngày 30/09/2026	Giá trị còn lại
11	Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất 107 QL1A, Ấp Phước Thạnh, Xã Hòa Bình, Tỉnh Cà Mau	6.751	2.509	4.242
12	Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất 209 đường 14/9, Phường Thanh Đức, Tỉnh Vĩnh Long	26.403	5.413	20.990
13	Bộ cầu trục dầm đôi 7,5 tấn	1.593	1.593	0
14	Bộ cầu trục 3 tấn	1.334	1.334	0
15	Hệ đường chạy cầu trục pallang dầm đôi 7,5 tấn	1.344	123	1.221
16	Xe tải cẩu 15,65 tấn	1.854	1.365	489
17	Xe tải cẩu 5 tấn	1.349	562	787
18	Xe ô tô 7 chỗ Mazda	1.322	979	343
19	Xe ô tô 7 chỗ Volkswagen	2.419	1.028	1.391

Nguồn: HAM

10.3. Thị trường hoạt động

Bảng 13: Cơ cấu doanh thu thuần theo thị trường hoạt động

Công ty mẹ

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu – Công ty mẹ	Năm 2024		Năm 2025		Tỷ lệ 2025/2024	09 tháng đầu năm 2026	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
- Nội địa	1.797.690	100%	2.039.718	100%	13,46%	1.598.659	100%
- Xuất khẩu	0	0%	0	0%	0%	0	0%

Nguồn: BCTC riêng năm 2024, năm 2025 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý III năm 2026 của HAM

Hợp nhất

Chỉ tiêu - Hợp nhất	Năm 2024		Năm 2025		% 2025/ 2024	09 tháng đầu năm 2026	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
- Nội địa	3.019.120	100%	3.292.409	100%	9,05%	2.703.504	100%
- Xuất khẩu	0	0%	0	0%	0%	0	0%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024, năm 2025 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III năm 2026 của HAM

Bảng 14: Cơ cấu lợi nhuận gộp theo thị trường hoạt động

Công ty mẹ

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu – Công ty mẹ	Năm 2024		Năm 2025		% +/- 2025/ 2024	09 tháng đầu năm 2026	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
- Nội địa	70.297	100%	76.527	100%	8,86%	83.706	100%
- Xuất khẩu	0	0%	0	0%	0%	0	0%

Nguồn: BCTC riêng năm 2024, năm 2025 đã kiểm toán và BCTC riêng Quý III năm 2026 của HAM

Hợp nhất

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu - Hợp nhất	Năm 2024		Năm 2025		% +/- 2025/ 2024	09 tháng đầu năm 2026	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
- Nội địa	364.144	100%	343.559	100%	-5,56%	304.241	100%
- Xuất khẩu	0	0%	0	0%	0%	0	0%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024, năm 2025 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý III năm 2026 của HAM

10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

10.4.1 Tình hình và hiệu quả đầu tư

Trong giai đoạn 2024 - 2025, chiến lược đầu tư của Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang (HAMACO) được thực thi theo nguyên tắc có chọn lọc, tập trung nguồn lực vào các dự án trọng điểm nhằm nâng cao năng lực sản xuất cốt lõi, tối ưu hóa chuỗi cung ứng và củng cố vị thế cạnh tranh tại thị trường Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL). Các hạng mục đầu tư tiêu biểu mang lại hiệu quả cao bao gồm:

- ***Dự án mở rộng Nhà máy Xi măng HAMACO Green (Giai đoạn 2)***

Đây là dự án trọng điểm với tổng vốn đầu tư dự kiến 62 tỷ đồng (đã giải ngân 53 tỷ đồng trong năm 2024), nhằm mục tiêu tăng thêm 300.000 tấn/năm vào công suất sản xuất

Hiệu quả: Dự án giúp HAMACO tự chủ nguồn cung, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của thị trường, đồng thời khẳng định cam kết phát triển các dòng sản phẩm xi măng xanh, chất lượng cao, có hàm lượng phát thải thấp và thân thiện với môi trường.

- ***Đầu tư nâng cấp Trạm trộn Bê tông tại Cần Thơ***

Công ty đã đầu tư 4,1 tỷ đồng để nâng cấp, đưa công suất trạm trộn lên 150m³/h

Hiệu quả: Việc nâng cấp giúp gia tăng đáng kể hiệu suất sản xuất, đảm bảo chất lượng bê tông đạt tiêu chuẩn cao nhất để phục vụ các dự án đòi hỏi khắt khe về kỹ thuật, qua đó mở rộng thị phần tại khu vực ĐBSCL.

- ***Đầu tư tối ưu hóa hạ tầng Logistics và Kho bãi***

Nhằm giải quyết bài toán vận tải, HAMACO đã đầu tư 6 tỷ đồng vào việc mở rộng hệ thống kho bãi, nâng cấp hệ thống vận hành cầu trục và bổ sung phương tiện vận tải mới

Hiệu quả: Tăng cường tốc độ xếp dỡ, rút ngắn thời gian giao nhận hàng hóa, giúp Công ty đáp ứng nhanh chóng nhu cầu của đối tác và cắt giảm đáng kể chi phí logistics trong dài hạn.

Nhìn chung, các quyết sách đầu tư của HAMACO không chỉ mang lại hiệu quả tức thời về công suất mà còn tạo ra rào cản cạnh tranh lớn, xây dựng nền tảng hạ tầng vững chắc cho chu kỳ tăng trưởng bền vững của Tập đoàn.

10.4.2 Hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

Vượt qua những biến động bất lợi của kinh tế vĩ mô và sự phục hồi chậm của thị trường bất động sản dân dụng, HAMACO đã thể hiện năng lực thích ứng xuất sắc, bảo vệ thành công biên lợi nhuận và duy trì đà tăng trưởng doanh thu tích cực.

- **Tổng quan Hiệu quả Tài chính**
  - Năm 2024: Mặc dù doanh thu hợp nhất đạt 3.063,88 tỷ đồng (giảm nhẹ 2,9% so với cùng kỳ do khó khăn chung của ngành), Công ty lại ghi nhận lợi nhuận sau thuế bứt phá đạt 48,72 tỷ đồng, vượt 121,8% kế hoạch và tăng 21,1% so với năm 2023 nhờ tối ưu hóa chi phí vận hành.

– Năm 2025: Tận dụng lực kéo từ đầu tư công, doanh thu hợp nhất tăng trưởng 9,1%, đạt 3.292,4 tỷ đồng (hoàn thành 96,8% kế hoạch). Lợi nhuận sau thuế tiếp tục tăng 5,3% so với nền cao của năm trước, đạt 51,29 tỷ đồng (vượt 114% kế hoạch).

Hiệu quả theo từng lĩnh vực hoạt động chính

Công tác điều hành của HAMACO bám sát nguyên tắc đa dạng hóa sản phẩm và xoay trục linh hoạt theo tín hiệu thị trường:

- *Lĩnh vực Sản xuất và Phân phối Vật liệu xây dựng cốt lõi (Thép - Xi măng - Bê tông): Đây là bệ phóng tăng trưởng chính.*
  + Ngành Thép: Sau năm 2024 suy giảm nhẹ, mảng thép đã phục hồi mạnh mẽ trong năm 2025 với sản lượng tiêu thụ vượt 3,5% kế hoạch và tăng trưởng 19,7% so với cùng kỳ nhờ dịch chuyển chiến lược sang cung cấp cho hạ tầng công nghiệp và đầu tư công.
  + Ngành Xi măng: Duy trì vị thế trụ cột với mức tăng trưởng sản lượng ấn tượng qua các năm (tăng 28,6% năm 2024 và tiếp tục tăng 15,3% trong năm 2025). Sự tăng trưởng ổn định này đến từ năng lực tự chủ sản xuất kết hợp mạng lưới phân phối sâu rộng.
  + Ngành Bê tông: Là điểm sáng tuyệt đối về hiệu quả vận hành. Doanh thu mảng bê tông vượt 20,7% định mức kế hoạch năm 2025 (trước đó năm 2024 cũng tăng trưởng 15,7%). Việc trúng thầu cung cấp cho các dự án cao tốc trọng điểm đã tối ưu hóa toàn bộ công suất trạm trộn của HAMACO.
- *Lĩnh vực Kinh doanh ngành hàng Phụ trợ và Hoàn thiện:*
  + Thiết bị vệ sinh: Ghi nhận sự tăng trưởng tích cực thông qua việc bổ sung phân phối thương hiệu cao cấp Inax, tận dụng xuất sắc hệ sinh thái tệp khách hàng vật liệu thô sẵn có để bán chéo.
  + Sơn, Gas và Dầu nhờn: Mặc dù ngành Gas và Dầu nhờn chịu áp lực kép từ biến động giá toàn cầu, Công ty đã kiểm soát tốt rủi ro bằng cách siết chặt quản trị tín dụng, ưu tiên dòng tiền an toàn và tái cấu trúc kênh phân phối tập trung vào khách hàng B2B, giúp bảo toàn tỷ suất lợi nhuận.
- *Lĩnh vực Cung cấp Dịch vụ (Logistics, Kho bãi):*
  + Hiệu quả cung cấp dịch vụ vận tải và logistics được nâng tầm nhờ ứng dụng số hóa. Việc đưa vào vận hành Hệ thống quản lý kho thông minh (WMS) giúp giảm 15% thời gian giao nhận hàng hóa.
  + Đồng thời, Hệ thống quản lý vận tải (TMS) giúp tối ưu hóa lộ trình, kéo giảm 10% chi phí logistics. Cơ sở hạ tầng kho bãi cho thuê tiếp tục được khai thác tối đa công năng, tạo ra nguồn tiền ổn định và bổ trợ trực tiếp cho chuỗi giá trị thương mại của Tập đoàn.

10.5. Các hợp đồng lớn

Bảng 15: Các hợp đồng lớn đã và đang thực hiện trong năm 2024, 2025 và đến thời điểm hiện tại

STT	Số hợp đồng	Giá trị (triệu đồng)	Thời điểm ký kết (Ngày ký HĐ)	Thời gian thực hiện	Tình trạng hợp đồng	Sản phẩm/ Dịch vụ	Đối tác tham gia	Mối quan hệ với các đối tượng (*)	Các điều khoản quan trọng khác trong hợp đồng
A	**HỢP ĐỒNG ĐẦU RA**								
1	137/HĐBH.24	3.000	02/01/2024	1 năm	Hết hiệu lực	VLXD	Công ty CP Cơ Khí Xây Dựng Việt-Úc	Không	Không
2	960/HĐBH.25	10.000	04/12/2025	1 năm	Đang thực hiện	VLXD	Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Quốc Thắng	Không	Không
3	307/HĐBH.26	1.200	01/01/2026	1 năm	Đang thực hiện	Sơn, bột trét	Công ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Dịch Vụ Phú Sơn Hà	Không	Không
4	324/HĐBH.26	1.000	01/01/2026	1 năm	Đang thực hiện	Thiết bị vệ sinh	Công ty TNHH MTV Trung Tâm Bán Si	Không	Không

STT	Số hợp đồng	Giá trị (triệu đồng)	Thời điểm ký kết (Ngày ký HĐ)	Thời gian thực hiện	Tình trạng hợp đồng	Sản phẩm/ Dịch vụ	Đối tác tham gia	Mối quan hệ với các đối tượng (*)	Các điều khoản quan trọng khác trong hợp đồng
5	159/HĐBH.26	1.500	01/01/2026	1 năm	Đang thực hiện	VLXD	Công ty TNHH MTV Trí Tuệ PQ	Không	Không
6	223/HĐBH.26	2.500	02/01/2026	1 năm	Đang thực hiện	VLXD	Công ty TNHH VLXD Kim Ngân	Không	Không
7	303/HĐBH.26	1.000	02/01/2026	1 năm	Đang thực hiện	Sơn, bột trét	Công ty CP Xây Dựng Thương Mại Thế Vinh	Không	Không
8	005/HĐBH.26	2.000	02/01/2026	1 năm	Đang thực hiện	VLXD	Công ty TNHH MTV Thương Mại Sắt Thép Phương Hữu Sang	Không	Không
9	001/HĐBH.26	3.000	15/09/2026	1 năm	Đang thực hiện	VLXD	Công ty Cổ Phần Cơ Giới Ho Min Son	Không	Không
10	680/HĐBH.26	200	01/09/2026	1 năm	Đang thực hiện	Sơn, bột trét	Công ty TNHH TM DV Bách Hóa Sơn	Không	Không
B	**HỢP ĐỒNG ĐẦU VÀO**								

STT	Số hợp đồng	Giá trị (triệu đồng)	Thời điểm ký kết (Ngày ký HĐ)	Thời gian thực hiện	Tình trạng hợp đồng	Sản phẩm/ Dịch vụ	Đối tác tham gia	Mối quan hệ với các đối tượng (*)	Các điều khoản quan trọng khác trong hợp đồng
1	02HĐNT/HP2025	80.000	20/12/2024	1 năm	Hết hiệu lực, tái ký mới qua từng năm	Thép	CN Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên tại Bình Dương	Không	Không
2	161/2024/NSCC-VTHG	2.643	29/12/2023	Tháng 01 - 12/2024	Hết hiệu lực, tái ký mới qua từng năm	Xi măng	Công ty Xi Măng Nghi Sơn	Không	Không
3	MK/DIST-2019-CT	28.000	01/01/2019	T01/2019 - nay	Đang thực hiện	Sơn, bột trét	Công ty TNHH Sơn Akzo Nobel Việt Nam	Không	Không
4	21/2025/NPP-LXVN	17.250	01/04/2025	1 năm	Đang thực hiện	Thiết bị vệ sinh	Công ty TNHH Lixil Việt Nam	Không	Không
5	16/2026/HĐ-SSCV	40.000	04/03/2026	1 năm	Đang thực hiện	Thép	Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam-VNSteel	Không	Không
6	008/HĐMH.26	25.889	02/01/2026	1 năm	Đang thực hiện	Thép	Công ty TNHH Xây Dựng Thương	Không	Không

STT	Số hợp đồng	Giá trị (triệu đồng)	Thời điểm ký kết (Ngày ký HĐ)	Thời gian thực hiện	Tình trạng hợp đồng	Sản phẩm/ Dịch vụ	Đối tác tham gia	Mối quan hệ với các đối tượng (*)	Các điều khoản quan trọng khác trong hợp đồng
							Mại Trương Hoàng Phúc		
7	007-2026/HĐNT-TNSG-VTHG	18.391	02/01/2026	1 năm	Đang thực hiện	Thép	Công ty TNHH Thương Mại Thép Nam Sài Gòn	Không	Không
8	020/DTR-HAMACO/2026	49.079	22/06/2026	1 năm	Đang thực hiện	Phôi	Công ty TNHH Thép Đức Triển	Không	Không
9	003/HĐMH.2026	51.103	1/01/2026	1 năm	Đang thực hiện	Xi măng	Công ty TNHH MTV VLXD Xanh Hamaco	Liên quan ông Lê Hoàng Nam, Mai Bảo Ngọc	Không
10	12-2026/HĐNT-VVHG	9.120	02/01/2026	1 năm	Đang thực hiện	Thép	Công ty TNHH Đầu Tư và Thương mại Việt Vũ	Không	Không

Nguồn: CTCP Vật tư Hậu Giang

(*) Mối quan hệ với thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, cổ đông lớn của Tổ chức phát hành

10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

Nhà cung cấp lớn

Bảng 16: Danh sách nhà cung cấp của Công ty trong năm 2024, 2025 và 09 tháng đầu năm 2026

STT	Nhà cung cấp	Giá trị giao dịch trong năm (triệu đồng)	Tỷ trọng (trên doanh số mua hàng)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, dịch vụ cung cấp	Mối quan hệ với các đối tượng (**)
1	Chi Nhánh Công ty Xi măng Nghi Sơn Tại Tp. Hồ Chí Minh	52.552	3,04%	2024	Xi măng	Không
2	Chi Nhánh Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên Tại Bình Dương	499.718	28,93%	2024	Thép	Không
3	Chi Nhánh Công ty TNHH Lixil Việt Nam Tại Tỉnh Bình Dương	36.374	1,85%	2025	Thiết bị vệ sinh	Không
4	Công Ty TNHH Akzo Nobel Việt Nam	195.231	9,94%	2025	Sơn, bột trét	Không
5	Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam-Vnsteel	228.676	15,09%	2026	Thép	Không
6	Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Vas Nghi Sơn	162.649	10,74%	2026	Thép	Không
7	Chi Nhánh Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên Tại Bình Dương	183.278	12,10%	2026	Thép	Không
8	Công Ty TNHH Akzo Nobel Việt Nam	96.396	6,36%	2026	Sơn, bột trét	Không
9	Công ty TNHH Thép Đức Triển	49.079	3,24%	2026	Phôi	Không
10	Công ty TNHH Lixil Việt Nam	23.921	1,58%	2026	Thiết bị vệ sinh	Không

Nguồn: CTCP Vật tư Hậu Giang

(*) Mối quan hệ với thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, cổ đông lớn của Tổ chức phát hành

Khách hàng lớn

Bảng 17: Danh sách khách hàng của Công ty trong năm 2024, 2025 và 09 tháng đầu năm 2026

STT	Tên khách hàng	Giá trị giao dịch trong năm (đồng)	Tỷ trọng (trên doanh thu thuần)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, dịch vụ cung cấp	Mối quan hệ với các đối tượng (**)
1	Công ty TNHH Minh Quân Phú Quốc	44.907.637.527	2,50%	2024	Thép	Không
2	Công ty CP Cơ Khí Xây Dựng Việt - Úc	21.871.756.588	1,07%	2025	Thép	Không
3	Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Quốc Thắng	10.866.148.920	0,53%	2025	Thép	Không
4	Công ty TNHH Đại Việt	23.736.269.060	2,26%	2026	Thép	Liên quan ông Đào Đức Đại- TV HĐQT
5	Công ty TNHH MTV Bê tông Hamaco – Hậu Giang	19.674.434.371	1,87%	2026	Thép	Liên quan ông Lê Hoàng Nam, Mai Bảo Ngọc - Chủ tịch, Thành viên HĐQT
6	Công ty TNHH MTV Trí Tuệ PQ	22.458.978.859	2,14%	2026	Thép	Không
7	Công ty TNHH VLXD Kim Ngân	48.072.938.454	4,58%	2026	Thép	Không
8	Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam-Vnsteel	49.472.099.000	3,09%	2026	Phôi	Không
9	Công ty TNHH MTV Thương Mại Sắt Thép Phương Hữu Sang	53.258.618.642	3,33%	2026	Thép	Không
10	Công ty TNHH Parador HN	30.964.683.627	1,94%	2026	Thép	Không

Nguồn: CTCP Vật tư Hậu Giang

(*) Mối quan hệ với thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, cổ đông lớn của Tổ chức phát hành.

10.7. Vị thế của Tổ chức phát hành trong ngành

10.7.1. Vị thế của Tổ chức phát hành so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

Trải qua gần 50 năm hình thành và phát triển từ năm 1976, Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang (HAMACO) đã xây dựng mạng lưới hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và phân phối vật liệu xây dựng tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và một số tỉnh, thành phố phía Nam. Vị thế của Công ty được thể hiện qua quy mô hoạt động, hệ thống sản xuất – phân phối, danh mục sản phẩm và kinh nghiệm cung ứng vật liệu xây dựng.

Vị thế của HAMACO so với các doanh nghiệp cùng ngành được thể hiện qua các phương diện cốt lõi sau:

- **Vị thế quy mô và Uy tín thương hiệu**
  - HAMACO nhiều năm được ghi nhận trong Bảng xếp hạng VNR500 – Top 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam.
  - Tại Thành phố Cần Thơ, HAMACO được ghi nhận Top 3 doanh nghiệp năm 2024 và Top 10 doanh nghiệp năm 2025 theo bảng xếp hạng tương ứng. Kết quả này phản ánh quy mô hoạt động của Công ty trong nhóm doanh nghiệp được xếp hạng tại địa phương.
- **Năng lực sản xuất và hệ thống phân phối**
  - Khác với nhiều doanh nghiệp trong ngành chỉ hoạt động thương mại thuần túy, HAMACO vận hành một hệ sinh thái khép kín từ sản xuất đến phân phối. Công ty vừa là đối tác phân phối chiến lược của các thương hiệu quốc gia và toàn cầu (Thép Hòa Phát, VAS, Xi măng Nghi Sơn, Gas Total, Thiết bị vệ sinh INAX...), vừa sở hữu năng lực sản xuất trực tiếp (Bê tông HAMACO, Xi măng HAMACO Green).
  - Sự đa dạng từ vật liệu xây dựng thô đến các sản phẩm hoàn thiện và mảng dịch vụ phụ trợ (logistics, cho thuê hạ tầng) giúp HAMACO tối ưu hóa chuỗi cung ứng, cung cấp giải pháp trọn gói cho mọi công trình và góp phần hỗ trợ khả năng cạnh tranh và đáp ứng đa dạng nhu cầu khách hàng.
- **Hạ tầng kỹ thuật và Mạng lưới phân phối áp đảo**
  - Năng lực cung ứng của HAMACO được hỗ trợ bởi hệ thống hạ tầng kỹ thuật gồm các trạm trộn bê tông, nhà máy sản xuất cấu kiện đúc sẵn, nhà máy xi măng, kho bãi và cầu trục, bao gồm mạng lưới trạm trộn bê tông, nhà máy sản xuất cấu kiện đúc sẵn, nhà máy xi măng, kho bãi và cầu trục.
  - Công ty sở hữu hệ thống phân phối sâu rộng với hơn 10 đơn vị trực thuộc, chi nhánh trải dài khắp các tỉnh thành (Cần Thơ, Hậu Giang, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Tiền Giang, Vĩnh Long, Kiên Giang/Phú Quốc, TP. HCM) cùng mạng lưới hơn 1.000 đại lý liên kết phủ khắp Đồng bằng sông Cửu Long.
- **Hoạt động cung ứng cho phân khúc hạ tầng và đầu tư công**

Đón đầu xu hướng chuyển dịch của thị trường, HAMACO đang tham gia cung ứng vật liệu cho các dự án hạ tầng công nghiệp và cao tốc tại miền Nam. Đặc biệt đối với ngành bê tông và xi măng, Công ty có kinh nghiệm cung cấp bê tông, xi măng cho các công trình có yêu cầu kỹ thuật và tiến độ cụ thể, qua đó hỗ trợ duy trì hoạt động tại phân khúc xây dựng hạ tầng.

Nhờ lợi thế về quy mô, hệ sinh thái sản phẩm đa dạng, cơ sở hạ tầng sản xuất hiện đại cùng bề dày kinh nghiệm phân phối, HAMACO đã xây dựng mạng lưới hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng tại khu vực phía Nam. Các yếu tố trên có thể hỗ trợ Công ty thích ứng với biến động thị trường và khai thác các cơ hội kinh doanh khi nhu cầu phục hồi.

So sánh với các doanh nghiệp trong ngành:

Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang (HAMACO) có hoạt động sản xuất – kinh doanh chủ yếu là sản xuất, thương mại và phân phối các sản phẩm vật liệu xây dựng (như thép, xi măng, bê tông thương phẩm, sơn, thiết bị vệ sinh) cùng các ngành hàng phụ trợ. Chúng tôi lựa chọn các đơn vị có cùng hoạt động trong ngành sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng đang niêm yết, đăng ký giao dịch trên TTCK để thực hiện so sánh như:

- Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm An Giang (ACE)
- Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp (BDT)
- Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức (BTD)

Bảng 18: So sánh một số chỉ tiêu tài chính năm 2025 của HAMACO với một số doanh nghiệp cùng ngành

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu - Hợp nhất	HAM	ACE	BDT	BTD
1	DTT	3.292.409	359.975	226.923	1.014.081
2	LNTT	63.772	21.374	11.045	25.127
3	LNST	51.300	17.181	9.137	19.934
4	TTS	1.166.723	161.647	1.087.196	887.486
5	VCSH	318.262	73.730	554.719	259.914
6	VĐL	96.381	30.508	386.000	64.141

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2025 của HAM, BDT, BTD, BCTC kiểm toán năm 2025 của ACE

Trong nhóm doanh nghiệp được lựa chọn để tham chiếu, HAMACO ghi nhận doanh thu thuần năm 2025 đạt 3.292.409 triệu đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 51.300 triệu đồng, cao hơn các doanh nghiệp còn lại trong nhóm so sánh. Tổng tài sản của HAMACO tại ngày 31/12/2025 đạt 1.166.723 triệu đồng, trong khi vốn chủ sở hữu đạt 318.262 triệu đồng và vốn điều lệ đạt 96.381 triệu đồng.

Tuy nhiên, các doanh nghiệp được lựa chọn có sự khác biệt về quy mô hoạt động, cơ cấu sản phẩm, phạm vi thị trường và mô hình kinh doanh. Vì vậy, các số liệu trên chủ yếu được sử dụng để tham chiếu về quy mô và kết quả hoạt động tài chính, không phải là cơ sở để đánh giá toàn diện về thị phần, hiệu quả quản trị hoặc vị thế cạnh tranh của từng doanh nghiệp.

10.7.2. Triển vọng phát triển của ngành

Ngành sản xuất và phân phối vật liệu xây dựng (VLXD) là một trong những ngành cung cấp đầu vào quan trọng cho hoạt động xây dựng và phát triển hạ tầng. Sau giai đoạn đối mặt với nhiều thách thức từ sự trầm lắng của thị trường bất động sản dân dụng, bước sang năm 2026, ngành xây dựng và VLXD được kỳ vọng tiếp tục phục hồi trong năm 2026. Triển vọng của ngành có thể tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của HAMACO – được thúc đẩy bởi các động lực cốt lõi sau:

- **Động lực từ giải ngân Đầu tư công và Hạ tầng giao thông**

Năm 2026 được xem là năm "bản lề" của chu kỳ đầu tư công trung hạn 2026 - 2030. Chính phủ tiếp tục ưu tiên đẩy mạnh giải ngân nguồn vốn đầu tư công vào các dự án hạ tầng trọng điểm quốc gia như: Hệ thống đường sắt Cao tốc Bắc - Nam, Đường Vành đai 3 (TP.HCM), Sân bay Quốc tế Long Thành và đặc biệt là mạng lưới cao tốc tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (Cần Thơ - Hậu Giang, Hậu Giang - Cà Mau).

Việc triển khai các dự án hạ tầng có thể làm gia tăng nhu cầu đối với các vật liệu xây dựng cơ bản. Cụ thể, trong cơ cấu chi phí xây dựng hạ tầng giao thông, thép chiếm khoảng 30%, xi măng và đá xây dựng mỗi loại chiếm khoảng 15%. Nhờ đó, ngành xây lắp dự báo sẽ duy trì mức tăng trưởng 10% trong năm 2026, qua đó có thể hỗ trợ nhu cầu đối với các sản phẩm thép, xi măng và bê tông thương phẩm của HAMACO.

- **Sự phục hồi của thị trường Bất động sản và Xây dựng dân dụng**

Bên cạnh đầu tư công, thị trường bất động sản được dự báo sẽ có những tín hiệu phục hồi rõ nét vào nửa cuối năm 2025 và tăng tốc trong năm 2026 khi các nút thắt về pháp lý (Luật Đất đai sửa đổi) và nguồn vốn dần được tháo gỡ. Đáng chú ý, nguồn cung phân khúc nhà ở xã hội dự kiến tăng trưởng mạnh mẽ, ước tính tăng 45% trong năm 2025 và 50% trong năm 2026.

Sự ấm lên của mảng xây dựng dân dụng sẽ kích hoạt chu kỳ tăng trưởng cho toàn bộ chuỗi cung ứng vật liệu. Sản lượng tiêu thụ thép nội địa dự báo tăng khoảng 12% trong năm 2026, đồng thời giá thép có khả năng phục hồi tích cực từ đầu năm. Song song đó, nhu cầu hoàn thiện các dự án dân dụng cũng mở ra dư địa tăng trưởng lớn cho các ngành hàng phụ trợ mang lại biên lợi nhuận cao như gạch ốp lát, sơn trang trí và thiết bị vệ sinh cao cấp – vốn là những ngành hàng HAMACO đang phân phối mạnh mẽ.

- **Xu hướng chuyển dịch sang Vật liệu xanh và Công nghệ hiện đại**

Thị trường VLXD đang chứng kiến một cuộc chuyển đổi mang tính bước ngoặt sang các sản phẩm xanh, nhẹ và tiết kiệm năng lượng, nhằm đáp ứng các cam kết giảm phát thải Carbon của quốc gia và tiêu chuẩn ESG toàn cầu. Các công trình hiện đại, khu công nghiệp và dự án vốn FDI ngày

càng ưu tiên sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường như xi măng giảm phát thải, bê tông sử dụng thành phần tái chế, vữa khô trộn sẵn.

Những quy định khắt khe về môi trường sẽ tạo ra áp lực đào thải đối với các công ty sử dụng công nghệ cũ, nhưng lại là cơ hội lớn cho các doanh nghiệp tiên phong đầu tư đổi mới

Nhận diện rõ những xu hướng trên, HAMACO đã có sự chuẩn bị kỹ lưỡng để đón đầu chu kỳ tăng trưởng mới. Việc Công ty đầu tư mở rộng Nhà máy xi măng HAMACO Green giai đoạn 2 (tăng công suất thêm 300.000 tấn/năm với dòng xi măng giảm 30% hàm lượng CO_2) và nâng cấp mạng lưới trạm trộn bê tông tại Cần Thơ lên 150m^3/h hoàn toàn bắt nhịp với nhu cầu từ các dự án hạ tầng lớn và xu hướng vật liệu xanh. Với lợi thế sở hữu hệ sinh thái khép kín từ vật liệu thô (Thép, Xi măng, Bê tông) đến vật liệu hoàn thiện (Sơn, Thiết bị vệ sinh Inax) cùng mạng lưới logistics số hóa phủ khắp miền Nam, HAMACO đang nắm giữ vị thế chiến lược để tối ưu hóa lợi nhuận và bứt phá mạnh mẽ trong giai đoạn 2026 - 2030.

10.7.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổ chức phát hành so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới

Trong bối cảnh ngành vật liệu xây dựng bước vào chu kỳ tăng trưởng gắn liền với phát triển kết cấu hạ tầng và xu thế bền vững toàn cầu, định hướng chiến lược của HAMACO bám sát tuyệt đối các chủ trương vĩ mô, thể hiện qua các trọng tâm sau:

- Đón đầu chính sách thúc đẩy đầu tư công và hạ tầng: Bám sát chủ trương phát triển hạ tầng giao thông quốc gia của Chính phủ, HAMACO tập trung năng lực cung ứng cho các công trình trọng điểm tại Đồng bằng sông Cửu Long. Điển hình, Công ty đã nâng cấp mạng lưới trạm trộn bê tông (như trạm Cần Thơ lên 150m^3/h) để đáp ứng trọn vẹn các tiêu chuẩn kỹ thuật khắt khe nhất của các dự án lớn.

- Bắt nhịp xu thế Vật liệu xanh và Phát triển bền vững (ESG): Thích ứng với cam kết giảm phát thải toàn cầu, HAMACO tiên phong đầu tư 62 tỷ đồng mở rộng Nhà máy HAMACO Green, tập trung sản xuất dòng xi măng xanh giảm 30% CO_2. Công ty cũng ứng dụng mạnh mẽ kinh tế tuần hoàn: sử dụng điện mặt trời (đáp ứng 10% nhu cầu), tái sử dụng 40% nước thải và phân phối các vật liệu hoàn thiện sinh thái (sơn Dulux, Maxilite).

- Phù hợp xu thế Chuyển đổi số và hiện đại hóa chuỗi cung ứng: Công ty ứng dụng hệ thống hệ thống quản lý kho (WMS) và vận tải (TMS) trong một số hoạt động quản lý kho và vận tải, giúp tiết giảm 10-15% chi phí và thời gian giao nhận. Đồng thời, tự động hóa tại các nhà máy giúp giảm 10% tỷ lệ hao hụt nguyên liệu, tối ưu hóa biên lợi nhuận.

- Chuẩn hóa quản trị doanh nghiệp hiện đại: HAMACO hoàn thiện hệ thống quản trị theo mô hình Tập đoàn (Holding), vận hành dựa trên dữ liệu (Data-driven) để tăng cường minh bạch và kiểm soát rủi ro. Chính sách nhân sự được linh hoạt gắn kết chặt chẽ với hệ thống đánh giá hiệu quả (KPI).

Định hướng của HAMACO thể hiện tầm nhìn dài hạn và linh hoạt. Việc tập trung vào công nghệ số, vật liệu xanh và cung ứng dự án hạ tầng cốt lõi sẽ tạo bệ phóng vững chắc để Công ty bảo vệ lợi thế cạnh tranh và bứt phá mạnh mẽ trong thập kỷ tới.

10.8. Hoạt động Marketing

Hoạt động trong ngành vật liệu xây dựng có mức độ cạnh tranh gia tăng, HAMACO luôn nhận thức rõ tầm quan trọng của việc xây dựng thương hiệu để tạo dựng niềm tin và sự khác biệt bền vững trên thị trường. Hoạt động Marketing của Công ty được triển khai đồng bộ, kết hợp giữa truyền thống và nền tảng số:

- ***Định vị thương hiệu và Quảng bá ngoài trời:*** Công ty tập trung truyền thông thông điệp "Hệ sinh thái vật liệu xây dựng toàn diện", gắn liền với bề dày lịch sử 50 năm phát triển. Đồng thời, HAMACO tối ưu hóa độ nhận diện thương hiệu trực quan trên mọi công trình thông qua "sắc vàng" đặc trưng phủ sóng trên hàng chục xe bồn, xe bơm bê tông và hệ thống biển bảng quảng cáo.
- ***Tiếp thị số (Digital Marketing) và Bán hàng:*** Công ty đẩy mạnh truyền thông qua website chuyên nghiệp và sản xuất các video trực quan trên nền tảng mạng xã hội (YouTube) để tiếp cận khách hàng. Trong khâu bán hàng, Công ty chú trọng chiến lược bán chéo giữa các ngành hàng thô và hoàn thiện để tối ưu hóa tệp khách hàng hiện hữu.
- ***Hoạt động Sự kiện và Dịch vụ hậu mãi:*** Về mặt truyền thống, HAMACO tích cực tham gia các hội chợ, triển lãm ngành vật liệu xây dựng (tại TP. Cần Thơ, TP. HCM) nhằm kết nối trực tiếp với các chủ đầu tư, nhà thầu. Cùng với đó, Công ty liên tục nâng tầm dịch vụ chăm sóc khách hàng và tư vấn kỹ thuật 24/7, biến chất lượng hậu mãi trở thành lợi thế cạnh tranh cốt lõi giúp duy trì lòng trung thành của thị trường.

10.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

HAMACO
NHÀ PHÂN PHỐI CHUYÊN NGHIỆP

Trong suốt hành trình gần nửa thế kỷ hình thành và phát triển từ năm 1976, Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang (HAMACO) đã xây dựng và sở hữu hợp pháp hệ thống tài sản trí tuệ bao gồm tên thương mại, nhãn hiệu và bộ nhận diện thương hiệu đặc trưng. Những tài sản này không chỉ là công cụ để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Công ty mà còn là lời cam kết về uy tín, chất lượng đối với khách hàng trên thị trường vật liệu xây dựng.

- **Tên thương mại và Nhãn hiệu kinh doanh**
  - Tên thương mại: Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang.
  - Tên viết tắt / Nhãn hiệu cốt lõi: HAMACO.
  - Các nhãn hiệu trực thuộc hệ sinh thái:

HAMACO® BE TONG	HAMACO® GREEN
HAMACO® PETRO	HAMACO® HAU GIANG

- Tên miền: Công ty sở hữu hợp pháp và vận hành tên miền chính thức www.hamaco.vn phục vụ cho hoạt động công bố thông tin, thương mại và truyền thông.

Biểu tượng (Logo) và Ý nghĩa nhận diện thương hiệu

Logo HAMACO được thiết kế dạng chữ in hoa nét dày, bố cục chắc chắn, phản ánh đặc thù ngành hàng mang đậm bản sắc riêng của Tập đoàn.

- Hình ảnh Logo: Logo là dòng chữ HAMACO được thiết kế in hoa, nét to bản, vững chãi. Điểm nhấn đặc biệt nhất là phần chữ A được cách điệu lồng ghép hình ảnh bò tót vào khoảng âm bản của chữ "A" đầu tiên.
- Ý nghĩa hình tượng "bò tót":
  + Bò tót biểu tượng cho việc điểm chứng khoán tăng lên, là loài vật có tầm vóc khổng lồ, là biểu tượng cho sức mạnh luôn lao thẳng đến mục tiêu.
  + Bò tót còn được đại diện cho ý chí kiên định vượt qua mọi trở ngại để đạt đến sự thành công toàn diện - những phẩm chất cốt lõi của một doanh nghiệp hàng đầu trong ngành vật liệu xây dựng, năng lượng, logistics.
- Màu sắc chủ đạo:
  + Màu Vàng cam: Sử dụng cho chữ HAMACO, thể hiện sự nhiệt huyết, năng lượng sáng tạo, sự thịnh vượng và khát vọng vươn xa. Sắc cam này cũng chính là màu sắc đặc trưng phủ sóng trên hàng loạt xe bồn, xe bơm bê tông và hệ thống trạm trộn của Công ty, tạo độ nhận diện cực kỳ cao trên thị trường.
  + Màu Xanh dương đậm: Thường được sử dụng cho chữ "GROUP" hoặc các slogan đi kèm (như *Nhà phân phối chuyên nghiệp*), tượng trưng cho sự vững chắc, độ tin cậy, tính minh bạch và uy tín chuyên nghiệp của Tập đoàn.

Thông điệp/Khẩu hiệu (Slogan): Tùy vào từng chiến lược và giai đoạn, HAMACO sử dụng các khẩu hiệu mang tính định vị bản quyền như *"Nền tảng vững chắc – Năng lượng bứt phá"* hoặc thông điệp gắn liền với bề dày lịch sử: *"HAMACO 50 năm - Nửa thế kỷ dựng xây, Mở lối tương lai vững bền"*.

Sáng chế và Bảo hộ sở hữu trí tuệ

Xuất phát từ năng lực cốt lõi là sản xuất vật liệu cơ bản và chuỗi phân phối logistics, HAMACO tập trung nguồn lực vào việc:

+ Đăng ký bảo hộ độc quyền: Toàn bộ hệ thống tên thương mại, logo và nhãn hiệu sản phẩm đều được Cục Sở hữu trí tuệ cấp văn bằng bảo hộ, nhằm bảo vệ thương hiệu trước nguy cơ xâm phạm hoặc làm giả, giữ gìn uy tín sản phẩm trên thị trường.
+ Chuẩn hóa chất lượng quy trình: Thay vì đăng ký sáng chế mang tính hàn lâm, doanh nghiệp tập trung chuẩn hóa quy trình vận hành, tuân thủ nghiêm ngặt các chứng nhận kỹ thuật và tiêu chuẩn chất lượng (trong nước và quốc tế) tại từng nhà máy, trạm trộn và hệ thống kho vận.

10.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển

Trong giai đoạn 2024 - 2025 và định hướng tiếp nối trong năm 2026, chính sách Nghiên cứu và Phát triển (R&D) của HAMACO được xác định là bệ phóng chiến lược nhằm tối ưu hóa chi phí, tạo sự khác biệt hóa cho sản phẩm và bắt nhịp với xu thế vật liệu xanh toàn cầu. Khởi đầu từ năm 2024, Công ty đã đặt nền móng vững chắc bằng việc thành lập Trung tâm R&D chuyên trách tìm kiếm công nghệ và vật liệu mới, với điểm nhấn trọng tâm là phát triển thành công dòng xi măng xanh giúp giảm 30% hàm lượng CO_2 phát thải. Bước sang năm 2026, chính sách R&D được nâng cấp theo định hướng ứng dụng thực tiễn và thương mại hóa, yêu cầu gắn kết chặt chẽ với cơ chế quản trị ngân sách để tối ưu hóa công thức, cấp phối vật liệu phục vụ trực tiếp cho sản xuất. Đặc biệt, HAMACO đã đẩy mạnh ứng dụng mô hình kinh tế tuần hoàn thông qua các nghiên cứu thử nghiệm tái sử dụng nguyên vật liệu thừa, đồng thời phát triển các giải pháp hỗ trợ kỹ thuật chuyên sâu, giúp Công ty chuyển mình thành nhà cung cấp giải pháp vật liệu xây dựng toàn diện. Đồng thời, HAMACO tiếp tục kiên định với các chính sách này, mở rộng nghiên cứu danh mục vật liệu tiết kiệm năng lượng (bê tông nhẹ, vật liệu cách nhiệt) và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số vào kiểm soát chất lượng, truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Việc thực thi bài bản chiến lược R&D đã mang lại hiệu quả sâu rộng đối với kết quả kinh doanh, giúp HAMACO ghi nhận sự bứt phá mạnh mẽ về doanh thu, tiêu biểu là mảng bê tông liên tục vượt 138,5% kế hoạch năm 2024 và vượt 20,7% năm 2025 nhờ đáp ứng tốt các tiêu chuẩn kỹ thuật khắt khe. Cùng với đó, những cải tiến về tự động hóa đã giúp Công ty kéo giảm thành công 10% tỷ lệ hao hụt nguyên vật liệu, qua đó bảo vệ vững chắc biên lợi nhuận. Hơn hết, năng lực sản xuất vật liệu xanh giúp HAMACO kiến tạo lợi thế cạnh tranh dài hạn về ESG, dễ dàng đáp ứng tiêu chuẩn của các dự án bất động sản cao cấp và công trình xanh trên thị trường.

10.11. Chiến lược kinh doanh

Bước vào năm 2026 – cột mốc lịch sử đánh dấu kỷ niệm 50 năm hình thành và phát triển, HAMACO xác định đây là thời điểm bản lề để chuyển hóa các nền tảng đã xây dựng thành sức mạnh bứt phá. Công ty định hướng phát triển hoạt động trên ba nhóm ngành chính: Vật liệu xây dựng, Năng lượng và Thiết bị hoàn thiện.

10.11.1 Tổng quan các chiến lược phát triển

Để duy trì năng lực cạnh tranh và tăng trưởng bền vững, HAMACO tập trung triển khai đồng bộ các chiến lược trọng tâm:

- Chiến lược phát triển sản phẩm xanh và kinh tế tuần hoàn: Đón đầu xu hướng ESG (Môi trường - Xã hội - Quản trị), HAMACO tập trung mở rộng các dòng sản phẩm thân thiện với môi trường. Trọng điểm là việc đưa vào khai thác dự án mở rộng Nhà máy xi măng HAMACO Green giai đoạn 2, cung cấp dòng xi măng giảm 30% hàm lượng CO2 phát thải. Đồng thời, Công ty tiếp tục mở rộng danh mục bê tông nhẹ, vật liệu cách nhiệt, kết hợp vận hành hệ thống điện mặt trời (đáp ứng 10% nhu cầu điện) và hệ thống tuần hoàn tái sử dụng 40% nước thải sản xuất.
- Chiến lược tối ưu hóa chuỗi cung ứng và mở rộng thị trường: Công ty tập trung gia tăng thị phần tại các khu vực có tốc độ giải ngân đầu tư công cao tại Đồng bằng sông Cửu Long (Cần Thơ,

An Giang, Kiên Giang, Đồng Tháp). Chiến lược phân phối được đẩy mạnh thông qua kế hoạch mở rộng thêm 10 đại lý mới, ký kết độc quyền với 5 đối tác lớn và áp dụng chính sách bán chéo (cross-selling) linh hoạt giữa vật liệu thô và thiết bị hoàn thiện cao cấp (như Inax). Để tối ưu chi phí, HAMACO đầu tư mạnh vào hệ thống quản lý kho thông minh (WMS) và hệ thống quản lý vận tải (TMS) nhằm mục tiêu giảm 15% thời gian giao nhận và giảm 10% chi phí logistics.

- Chiến lược chuyển đổi số và quản trị dựa trên dữ liệu: HAMACO kiên định xây dựng bộ máy quản trị thông minh theo mô hình Tập đoàn (Holding). Việc số hóa toàn diện từ khâu mua hàng, kiểm soát tồn kho đến chăm sóc khách hàng được xem là "hệ điều hành" trung tâm, giúp Ban lãnh đạo kiểm soát rủi ro theo thời gian thực và ra quyết định dựa trên dữ liệu chính xác.

10.11.2 Thời gian dự kiến thực hiện

- Giai đoạn ngắn hạn (Năm 2026): Tập trung nguồn lực hoàn thiện hệ thống quản lý sản xuất số hóa, đưa các hạng mục đầu tư mới (nhà máy xi măng, nâng cấp trạm trộn lên 150m^3/h) vào khai thác tối đa công suất để đón đầu chu kỳ phục hồi của bất động sản và các dự án hạ tầng.

- Giai đoạn trung và dài hạn (2026 - 2030): Từng bước hình thành mô hình sản xuất tuần hoàn khép kín, củng cố vững chắc thị phần dẫn dắt tại khu vực phía Nam và tiếp tục nghiên cứu đa dạng hóa các ngành hàng có biên lợi nhuận cao.

10.11.3 Nguồn vốn và Nguồn lực dự kiến

Để hiện thực hóa các chiến lược trên, HAMACO đã chuẩn bị kỹ lưỡng về cả nền tảng tài chính lẫn nguồn lực nội tại:

- Về nguồn lực và hạ tầng: Công ty sở hữu hệ thống hạ tầng kỹ thuật phục vụ hoạt động sản xuất và phân phối tại khu vực, bao gồm mạng lưới 4 trạm trộn bê tông, 1 nhà máy sản xuất cấu kiện đúc sẵn, 1 nhà máy xi măng, cùng hệ thống kho bãi, cầu cảng quy mô lớn. Mạng lưới phân phối vững chắc với hơn 1.000 đại lý và 10 đơn vị trực thuộc phủ sóng khắp miền Tây. Bên cạnh hạ tầng, khối tài sản lớn nhất của HAMACO là đội ngũ hơn 600 cán bộ công nhân viên giàu kinh nghiệm, liên tục được đào tạo chuyên sâu về ứng dụng công nghệ và kỹ năng bán hàng B2B.

- Về nguồn vốn đáp ứng chiến lược: HAMACO duy trì một nền tảng tài chính vững mạnh với Tổng tài sản đạt 1.166,7 tỷ đồng (tính đến cuối năm 2025). Để tài trợ cho các chiến lược mở rộng trong năm 2026 và các năm tiếp theo, Công ty thực thi chính sách quản trị vốn linh hoạt và an toàn:

- Tăng quy mô vốn chủ sở hữu: Công ty hoàn thành phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở, kết hợp với nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối hiện có.

- Phát hành cổ phiếu ESOP: Nhằm bổ sung vốn lưu động trực tiếp cho hoạt động kinh doanh, đồng thời gắn kết và giữ chân nguồn nhân lực chủ chốt, HAMACO triển khai chương trình phát hành 480.000 cổ phiếu ESOP cho cán bộ quản lý và người lao động.

- Tối ưu hóa đòn bẩy tài chính: Trong bối cảnh mặt bằng lãi suất hạ nhiệt, Công ty chủ động cơ cấu lại danh mục nợ vay, chuyển đổi một phần nợ ngắn hạn sang trung và dài hạn nhằm giảm áp lực thanh khoản. HAMACO dự kiến tận dụng các gói tín dụng với chi phí lãi vay tối ưu (mục tiêu giảm xuống mức 5%/năm) để tài trợ cho các dự án đầu tư và dòng vốn lưu động mua nguyên vật liệu.

10.12 Trường hợp Tổ chức phát hành hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh có điều kiện, nêu thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan

Công ty luôn đáp ứng các điều kiện kinh doanh của các loại hình kinh doanh đăng ký theo quy định của pháp luật liên quan.

STT	Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh	Hiện trạng của HAM
1	4669 (Chính)	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Mua bán phụ gia chống thấm và phụ gia ngưng kết bê tông; nhựa đường; bê tông thương phẩm; bốc xếp hàng hoá.	Đáp ứng điều kiện
2	2022	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít Chi tiết: Gia công pha sơn	Đáp ứng điều kiện
3	2511	Sản xuất các cấu kiện kim loại	Đáp ứng điều kiện
4	2591	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	Đáp ứng điều kiện
5	3312	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: Sửa chữa và bảo dưỡng máy móc trong lĩnh vực khai thác mỏ, xây dựng và khí đốt	Đáp ứng điều kiện
6	3320	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Chi tiết: Lắp đặt hệ thống khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	Đáp ứng điều kiện
7	4210	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	Đáp ứng điều kiện
8	4290	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	Đáp ứng điều kiện
9	4329	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	Đáp ứng điều kiện
10	4390	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	Đáp ứng điều kiện
11	4513	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	Đáp ứng điều kiện
12	4530	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	Đáp ứng điều kiện
13	4541	Bán mô tô, xe máy Chi tiết: Đại lý mô tô, xe máy	Đáp ứng điều kiện
14	4543	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	Đáp ứng điều kiện

STT	Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh	Hiện trạng của HAM
		Chi tiết: Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy; Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	
15	4610	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG); Đại lý bếp gas, phụ tùng bếp gas	Đáp ứng điều kiện
16	4632	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thực phẩm khác	Đáp ứng điều kiện
17	4633	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn đồ uống có cồn; Bán buôn đồ uống không có cồn	Đáp ứng điều kiện
18	4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ kinh doanh dược phẩm)	Đáp ứng điều kiện
19	4652	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	Đáp ứng điều kiện
20	4653	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	Đáp ứng điều kiện
21	4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)	Đáp ứng điều kiện
22	4661	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Kinh doanh xăng dầu, dầu nhờn	Đáp ứng điều kiện
23	4662	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép	Đáp ứng điều kiện
24	4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn sơn, véc ni; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	Đáp ứng điều kiện

STT	Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh	Hiện trạng của HAM
25	4759	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	Đáp ứng điều kiện
26	4931	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	Đáp ứng điều kiện
27	4932	Vận tải hành khách đường bộ khác	Đáp ứng điều kiện
28	4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô, xe tải thông thường, loại khác (trừ ô tô chuyên dụng, xe container)	Đáp ứng điều kiện
29	5021	Vận tải hành khách đường thuỷ nội địa	Đáp ứng điều kiện
30	5022	Vận tải hàng hóa đường thuỷ nội địa	Đáp ứng điều kiện
31	5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	Đáp ứng điều kiện
32	5224	Bốc xếp hàng hoá	Đáp ứng điều kiện
33	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	Đáp ứng điều kiện

11 Chính sách đối với người lao động

11.1 Số lượng người lao động trong Công ty

Số lượng người lao động tính đến thời điểm hiện tại, số lượng người lao động bình quân năm 2024, năm 2025 và 09 tháng đầu năm 2026

Bảng 19: Cơ cấu lao động

Công ty mẹ

STT	Tính chất phân loại (Công ty mẹ)	31/12/2024		31/12/2025		9 tháng đầu năm 2026	
		Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	**Theo trình độ**	**119**	**100%**	**110**	**100%**	**139**	**100,00%**
1	Trên đại học	4	3,36%	4	3,64%	4	2,88%
2	Đại học	55	46,22%	57	51,82%	58	41,73%

STT	Tính chất phân loại (Công ty mẹ)	31/12/2024		31/12/2025		9 tháng đầu năm 2026	
		Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
3	Cao đẳng	8	6,72%	7	6,36%	7	5,04%
4	Trung cấp	9	7,56%	8	7,27%	8	5,76%
5	Công nhân Kỹ thuật	21	17,65%	19	17,27%	19	13,67%
6	Lao động phổ thông	22	18,49%	15	13,64%	43	30,94%
II	**Theo giới tính**	**119**	**100%**	**110**	**100%**	**139**	**100,00%**
1	Nam	80	67,23%	36	32,73%	38	27,34%
2	Nữ	39	32,77%	74	67,27%	101	72,66%
III	**Theo thời hạn HĐLĐ**	**119**	**100%**	**110**	**100%**	**139**	**100,00%**
1	Dưới 1 năm	0	0%	0	0%	0	0,00%
2	1 – 3 năm	50	42,02%	47	42,73%	64	46,04%
3	Không xác định	69	57,98%	63	57,27%	75	53,96%

Nguồn: CTCP Vật tư Hậu Giang

Hợp nhất

STT	Tính chất phân loại (Hợp nhất)	31/12/2024		31/12/2025		9 tháng đầu năm 2026	
		Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	**Theo trình độ**	**735**	**100%**	**614**	**100%**	**648**	**100%**
1	Trên đại học	5	0,68%	6	0,98%	6	0,93%
2	Đại học	190	25,85%	192	31,27%	196	30,25%
3	Cao đẳng	38	5,17%	32	5,21%	33	5,09%
4	Trung cấp	30	4,08%	28	4,56%	30	4,63%
5	Công nhân Kỹ thuật	110	14,97%	33	5,37%	33	5,09%
6	Lao động phổ thông	362	49,25%	323	52,61%	350	54,01%
II	**Theo giới tính**	**735**	**100%**	**614**	**100%**	**648**	**100%**

STT	Tính chất phân loại (Hợp nhất)	31/12/2024		31/12/2025		9 tháng đầu năm 2026	
		Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Nam	639	86,94%	529	86,16%	561	86,57%
2	Nữ	96	13,06%	85	13,84%	87	13,43%
III	**Theo thời hạn HĐLĐ**	**735**	**100%**	**614**	**100%**	**648**	**100%**
1	Dưới 1 năm	0	0%	0	0 %	0	0%
2	1 – 3 năm	410	55,78%	290	47,23%	306	47,22%
3	Không xác định	325	44,22%	324	52,77%	342	52,78%

Nguồn: CTCP Vật tư Hậu Giang

11.2 Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

Với triết lý ***"Con người là tài sản quý giá nhất"***, HAMACO luôn chú trọng xây dựng và cải tiến các chính sách nhân sự nhằm thu hút, giữ chân nhân tài và tạo động lực để người lao động gắn bó dài lâu. Các chính sách này được thiết kế linh hoạt, đảm bảo tính cạnh tranh và công bằng trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động.

11.2.1 Chính sách lương và thưởng

Thu nhập ổn định và tăng trưởng: Bất chấp những khó khăn chung của ngành vật liệu xây dựng, HAMACO luôn duy trì thu nhập ổn định cho người lao động. Năm 2025, thu nhập bình quân của người lao động đạt 13.870.000 đồng/người/tháng (tăng so với mức 12.850.000 đồng/người/tháng của năm 2024).

Lương gắn liền với hiệu quả (KPI): Đối với các đơn vị kinh doanh trực tiếp, Công ty áp dụng chính sách lương thưởng linh hoạt dựa trên chỉ số đánh giá hiệu quả công việc (KPI). Cơ chế này giúp kích thích tư duy chủ động, tối ưu hóa năng suất và gia tăng thu nhập tương xứng với năng lực của từng cá nhân.

Chế độ thưởng Lễ, Tết: Công ty luôn duy trì đầy đủ các khoản thưởng định kỳ vào các dịp Lễ, Tết và thưởng lương tháng 13 nhằm đảm bảo đời sống vật chất và động viên tinh thần cống hiến của cán bộ nhân viên.

11.2.2 Chính sách đào tạo và phát triển

Công tác đào tạo tại HAMACO được thiết kế bài bản, đa dạng với phương châm "học đi đôi với hành", tạo điều kiện tối đa để NLĐ ứng dụng kiến thức vào thực tế công việc.

Các chương trình đào tạo bao phủ nhiều khía cạnh, từ nâng cao tay nghề (vận hành trạm trộn, xe nâng, cầu trục), kỹ năng mềm (kỹ năng bán hàng B2B, quản lý chuỗi cung ứng), đến công tác an

toàn lao động và phòng cháy chữa cháy (PCCC). Nhờ đó, mỗi cá nhân không chỉ tự tin hơn trong vai trò của mình mà còn sẵn sàng thích ứng với công nghệ mới.

11.2.3 Chính sách trợ cấp, phúc lợi và an sinh xã hội

HAMACO cam kết tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật lao động và mang đến những gói phúc lợi vượt trội:

- Bảo hiểm và An sinh: 100% NLĐ được đóng đầy đủ Bảo hiểm xã hội (BHXH), Bảo hiểm y tế (BHYT) và Bảo hiểm thất nghiệp.
- Bảo vệ tối ưu: Toàn bộ nhân sự được Công ty trang bị gói bảo hiểm tai nạn 24/24. Đặc biệt, đội ngũ cán bộ quản lý còn được hưởng đặc quyền gói bảo hiểm sức khỏe toàn diện.
- Chăm sóc sức khỏe và An toàn lao động: Công ty tổ chức khám sức khỏe tổng quát định kỳ hàng năm cho toàn thể nhân viên. Những lao động làm việc trong môi trường đặc thù, nặng nhọc luôn được nhận đầy đủ các chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật và trang bị bảo hộ lao động.
- Đời sống tinh thần phong phú: Công ty và Công đoàn thường xuyên tổ chức các hoạt động gắn kết như: Du lịch nghỉ dưỡng hàng năm, tổ chức vui Trung thu và tặng quà cho con em cán bộ nhân viên, tri ân ngày Quốc tế Phụ nữ, tặng quà sinh nhật, và duy trì hoạt động của Câu lạc bộ thể thao (như cầu lông) để nâng cao thể chất

11.3 Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động

Nhận thức được rằng trong bối cảnh cạnh tranh lao động ngày càng gay gắt, đặc biệt là với các vị trí quản lý cấp trung và cao, việc bổ sung cơ chế thưởng bằng cổ phiếu hoặc quyền chọn mua cổ phiếu trong tương lai sẽ là bước đi chiến lược nhằm nâng cao động lực làm việc và tăng tính cam kết của đội ngũ nhân sự chủ chốt, Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang đã triển khai việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) trong năm 2026, quy chế của các đợt phát hành được xây dựng phù hợp với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã được thông qua.

12 Chính sách cổ tức

Công ty thực hiện chi trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận giữ lại theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và đáp ứng được các điều kiện phù hợp với các quy định của pháp luật.

Theo đó, tỷ lệ chi trả cổ tức (trên mỗi cổ phiếu) của Công ty qua các năm như sau:

Bảng 20: Tỷ lệ chi trả cổ tức qua các năm gần đây của Công ty

Năm	Tỷ lệ cổ tức được ĐHĐCD thông qua (% mệnh giá)	Hình thức chi trả	Tình hình thực hiện
2023	10%	Trả cổ tức bằng tiền mặt	Đã chi trả
2024	12%	Trả cổ tức bằng tiền mặt	Đã chi trả

Năm	Tỷ lệ cổ tức được ĐHĐCĐ thông qua (% mệnh giá)	Hình thức chi trả	Tình hình thực hiện
2025	10%	Trả cổ tức bằng tiền mặt	Đã chi trả

13 Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất trong 02 năm tính đến thời điểm đăng ký chào bán

Trong 02 năm gần nhất tính đến thời điểm hiện tại, Công ty không thực hiện chào bán cổ phiếu để huy động vốn.

14 Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành

Công ty không có những cam kết nhưng chưa thực hiện.

15 Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Công ty không có nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan có ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.

16 Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Công ty cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm gần nhất và cho kỳ hoạt động 09 tháng đầu năm 2026 kết thúc tại ngày 30/09/2026

Bảng 21: Các chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh

Công ty mẹ

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu – Công ty mẹ	Năm 2024	Năm 2025	% tăng giảm (+/-)	01/01/2026 - 30/09/2026
1	Tổng giá trị tài sản	612.107	693.338	13,27%	755.958
2	Doanh thu thuần	1.797.690	2.039.718	13,46%	1.598.659
3	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	12.685	15.113	19,14%	17.376

STT	Chỉ tiêu – Công ty mẹ	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/ giảm (+/-)	01/01/2026 - 30/09/2026
4	Lợi nhuận khác	1.426	18.518	1.198,58%	2.286
5	Lợi nhuận trước thuế	14.111	33.631	138,33%	19.662
6	Lợi nhuận sau thuế	14.111	27.859	97,43%	16.840
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	81,96%	34,60%	-47,37%	N/A
8	Tỷ lệ cổ tức (% mệnh giá)	12%	10%	-2,00%	N/A

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng năm 2024, năm 2025 và BCTC riêng Quý III năm 2026 của HAM

Hợp nhất

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu – Hợp nhất	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/ giảm (+/-)	01/01/2026 - 30/09/2026
1	Tổng giá trị tài sản	1.076.079	1.166.723	8,42%	1.290.512
2	Doanh thu thuần	3.019.120	3.292.409	9,05%	2.703.504
3	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	46.835	38.443	-17,92%	53.994
4	Lợi nhuận khác	10.066	25.330	151,64%	2.212
5	Lợi nhuận trước thuế	56.901	63.772	12,08%	56.206
6	Lợi nhuận sau thuế	48.723	51.300	5,29%	46.970
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	23,74%	18,79%	-4,95%	N/A
8	Tỷ lệ cổ tức (% mệnh giá)	12%	10%	-2,00%	N/A

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2024, năm 2025 và BCTC hợp nhất Quý III năm 2026 của HAM

Các chỉ tiêu khác: Không có.

Ý kiến của tổ chức kiểm toán: Không có.

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh

1.2.1 Những nhân tố chính tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong năm 2024, 2025 và 09 tháng đầu năm 2026

- **Thuận lợi:**

CTCP Vật tư Hậu Giang được thành lập từ năm 1976, với hơn 50 năm hoạt động liên tục trong lĩnh vực kinh doanh và phân phối vật tư, vật liệu xây dựng. Trải qua quá trình phát triển dài hạn, Công ty đã tạo dựng được uy tín và vị thế vững chắc trên thị trường, đặc biệt tại TP. Cần Thơ và

các tỉnh thuộc khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long. Nhóm khách hàng của Công ty bao gồm khách hàng thương mại, hệ thống đại lý, nhà thầu xây dựng và khách hàng bán lẻ, qua đó hình thành tập khách hàng ổn định và mang lại lợi thế cạnh tranh rõ nét so với các doanh nghiệp mới gia nhập ngành.

Bên cạnh hoạt động phân phối truyền thống, Công ty đang từng bước đẩy mạnh đầu tư vào các dự án trọng điểm nhằm mở rộng sang lĩnh vực sản xuất. Nổi bật là dự án mở rộng Nhà máy xi măng HAMACO Green, đầu tư nâng cấp trạm trộn bê tông tại Cần Thơ, đồng thời mở rộng hệ thống kho bãi và hoàn thiện hạ tầng vận hành. Các khoản đầu tư này góp phần nâng cao năng lực sản xuất, tối ưu hiệu quả hoạt động và đáp ứng tốt hơn nhu cầu ngày càng tăng của thị trường.

Việc triển khai đồng bộ các dự án đầu tư nêu trên không chỉ thể hiện định hướng mở rộng quy mô hoạt động mà còn phản ánh tầm nhìn chiến lược dài hạn của Công ty. Thông qua việc tăng cường năng lực sản xuất, cải thiện chất lượng sản phẩm và hoàn thiện quy trình vận hành, CTCP Vật tư Hậu Giang đang xây dựng nền tảng vững chắc cho sự phát triển ổn định và bền vững, hướng tới mục tiêu nâng cao vị thế cạnh tranh và khẳng định vai trò doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực vật liệu xây dựng.

- **Khó khăn:**

Năm 2024 chứng kiến sự đóng băng của thị trường bất động sản và các vướng mắc về pháp lý, khiến nhu cầu xây dựng dân dụng sụt giảm mạnh, ảnh hưởng trực tiếp đến sản lượng tiêu thụ các ngành hàng chủ lực. Mặc dù bước sang năm 2025 và đầu năm 2026 thị trường có dấu hiệu ấm dần, nhưng sự phục hồi vẫn còn chậm và phân hóa, chưa thể bù đắp hoàn toàn đà giảm của các năm trước.

Những bất ổn về địa chính trị toàn cầu và đứt gãy chuỗi cung ứng đã khiến giá nhiên liệu, cước vận tải và các nguyên vật liệu đầu vào duy trì ở mức cao và biến động khó lường. Điều này tạo áp lực cực lớn lên giá vốn hàng bán, trực tiếp gây áp lực lên biên lợi nhuận của Công ty nếu không có các biện pháp kiểm soát chi phí chặt chẽ.

Nguồn cung nội địa dư thừa cùng với sự thâm nhập của các sản phẩm nhập khẩu giá rẻ (đặc biệt là thép từ Trung Quốc) đã tạo ra cuộc cạnh tranh khốc liệt về giá trên thị trường. Bên cạnh đó, các mảng bán lẻ như sơn trang trí và dầu nhờn cũng phải đối mặt với sự cạnh tranh gia tăng từ các thương hiệu trong và ngoài nước, đòi hỏi Công ty phải liên tục tăng cường chiết khấu và chính sách khuyến mãi để giữ thị phần.

Mặt bằng lãi suất cao cùng thanh khoản thị trường thấp đã gây sức ép không nhỏ lên chi phí tài chính của doanh nghiệp. Thêm vào đó, xu hướng chuyển đổi xanh cùng các quy định khắt khe hơn về phát thải carbon, môi trường, an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy đòi hỏi HAMACO phải liên tục trích lập ngân sách đầu tư cải tiến công nghệ (như hệ thống lọc bụi, điện mặt trời, xử lý nước thải), làm gia tăng áp lực chi phí tuân thủ trong ngắn hạn

1.2.2 Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Trong những tháng đầu năm 2026, thị trường vật liệu xây dựng ghi nhận sự biến động mạnh về giá nguyên vật liệu, đặc biệt là thép và xi măng. Giá thép xây dựng liên tục điều chỉnh tăng do chi

phí nguyên liệu đầu vào duy trì ở mức cao và biến động từ thị trường toàn cầu. Đồng thời, nhiều doanh nghiệp xi măng lớn cũng đã thông báo tăng giá phổ biến khoảng 100.000 đồng/tấn, chịu áp lực từ chi phí năng lượng và nguyên liệu. Là đơn vị vừa sản xuất, vừa phân phối các sản phẩm như bê tông và xi măng, HAMACO chịu tác động trực tiếp từ các đợt tăng giá này, đòi hỏi Công ty phải liên tục cập nhật chính sách giá và kiểm soát tồn kho chặt chẽ nhằm bảo vệ biên lợi nhuận.

Năm 2026 được xác định là năm "bản lề" của chu kỳ đầu tư công trung hạn 2026 – 2030, tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 được Quốc hội giao là 1,08 triệu tỷ đồng, cao hơn khoảng 175 nghìn tỷ đồng so với kế hoạch vốn năm 2025. Các dự án hạ tầng giao thông trọng điểm chuyển sang giai đoạn thi công đại trà, tạo ra nhu cầu lớn đối với các vật liệu nặng như đá, cát, thép, xi măng và bê tông. Bên cạnh đó, thị trường bất động sản dân dụng cũng có tín hiệu tích cực với nguồn cung nhà ở xã hội tăng trưởng dự kiến khoảng 50% trong năm. Những yếu tố này mang lại khối lượng hợp đồng lớn, đảm bảo đà tăng trưởng doanh thu mạnh mẽ cho hệ sinh thái sản phẩm của HAMACO tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

Cùng với đó, thị trường đầu năm 2026 chứng kiến sự chuyển dịch mạnh mẽ sang sử dụng vật liệu xanh và vật liệu nhẹ nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn xây dựng bền vững. Xu hướng này vừa thách thức việc tiêu thụ các sản phẩm truyền thống, vừa tạo cơ hội lớn cho HAMACO với các dòng sản phẩm xi măng HAMACO Green (giảm 30% hàm lượng CO_2), bê tông nhẹ và vật liệu cách nhiệt, qua đó nâng cao khả năng chiếm lĩnh thị phần tại các dự án bất động sản cao cấp và công trình xanh.

Ngoài ra, nhu cầu thị trường cũng dịch chuyển từ việc mua từng sản phẩm riêng lẻ sang ưu tiên các nhà cung cấp sở hữu hệ sinh thái vật liệu đồng bộ, nhằm đảm bảo tính tương thích và tối ưu hóa chi phí quản lý cho nhà thầu. Biến động này hoàn toàn phù hợp với chiến lược cung cấp trọn gói của HAMACO từ vật liệu nền móng (thép, bê tông, xi măng) đến hoàn thiện (sơn, thiết bị vệ sinh), giúp tăng khả năng giữ chân khách hàng và tạo rào cản cạnh tranh bền vững.

Đồng thời, năm 2026 đánh dấu cột mốc quan trọng kỷ niệm 50 năm thành lập HAMACO (1976 - 2026). Đây là thời điểm Ban lãnh đạo quyết định tăng tốc triển khai các dự án nâng cấp công nghệ sản xuất, mở rộng mạng lưới logistics và tăng độ phủ thị trường. Việc mở rộng quy mô kinh doanh đòi hỏi các phương án huy động vốn và tối ưu hóa dòng tiền, nhằm đáp ứng kịp thời các cơ hội từ thị trường, đồng thời kiểm soát rủi ro tài chính trong bối cảnh lãi suất và tỷ giá biến động.

2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

2.1.1. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

- ***Vốn điều lệ***

Bảng 22: Tình hình vốn điều lệ

Công ty mẹ

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu - Công ty mẹ	31/12/2024	31/12/2025	30/09/2026
Vốn điều lệ	96.380.610.000	96.380.610.000	149.370.480.000

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng năm 2024, năm 2025 và BCTC riêng Quý III năm 2026 của HAM

Hợp nhất

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu – Hợp nhất	31/12/2024	31/12/2025	30/09/2026
Vốn điều lệ	96.380.610.000	96.380.610.000	149.370.480.000

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2024, năm 2025 và BCTC hợp nhất Quý III năm 2026 của HAM

- ***Vốn kinh doanh***

Bảng 23: Tình hình Vốn kinh doanh

Công ty mẹ

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu – Công ty mẹ	31/12/2024	31/12/2025	30/09/2026
1	**Nợ phải trả**	**471.058**	**537.664**	**590.351**
-	Nợ ngắn hạn	380.286	433.866	500.956
-	Nợ dài hạn	90.772	103.798	89.395
2	**Vốn chủ sở hữu**	**141.049**	**155.674**	**165.607**
-	Vốn góp của chủ sở hữu	96.381	96.381	149.370
-	Thặng dư vốn cổ phần	623	623	623
-	Quỹ đầu tư phát triển	20.028	20.028	0
-	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	24.018	38.643	15.614
	Tổng cộng	**612.107**	**693.338**	**755.958**

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng năm 2024, năm 2025 và BCTC riêng Quý III năm 2026 của HAM

Hợp nhất

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu – Hợp nhất	31/12/2024	31/12/2025	30/09/2026
1	**Nợ phải trả**	**790.530**	**848.460**	**922.302**
-	Nợ ngắn hạn	679.055	698.171	798.502

STT	Chỉ tiêu – Hợp nhất	31/12/2024	31/12/2025	30/09/2026
-	Nợ dài hạn	111.475	150.289	123.801
2	**Vốn chủ sở hữu**	**285.549**	**318.262**	**368.210**
-	Vốn góp của chủ sở hữu	96.381	96.381	149.370
-	Thặng dư vốn cổ phần	623	623	623
-	Quỹ đầu tư phát triển	20.028	20.028	0
-	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	132.074	163.166	175.110
-	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	36.444	38.065	43.107
	Tổng cộng	**1.076.079**	**1.166.723**	**1.290.512**

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2024, năm 2025 và BCTC hợp nhất Quý III năm 2026 của HAM

- ***Tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh của Công ty qua các năm***

Bảng 24: Tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Công ty mẹ

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu – Công ty mẹ	31/12/2024	31/12/2025	30/09/2026
1	**Tài sản ngắn hạn**	**331.767**	**426.031**	**495.555**
-	Tiền và tương đương tiền	41.540	28.078	17.602
-	Đầu tư tài chính ngắn hạn	130.363	80.736	68.776
-	Các khoản phải thu ngắn hạn	109.974	211.081	214.106
-	Hàng tồn kho	47.353	103.545	185.350
-	Tài sản ngắn hạn khác	2.537	2.591	9.721
2	**Tài sản dài hạn**	**280.340**	**267.307**	**260.402**
-	Các khoản phải thu dài hạn	47.830	30.555	30.555
-	Tài sản cố định	102.292	104.294	99.694
-	Bất động sản đầu tư	7.268	6.918	6.683
-	Tài sản dở dang dài hạn	0	0	70
-	Đầu tư tài chính dài hạn	119.436	120.478	120.486
-	Tài sản dài hạn khác	3.514	5.061	2.915

STT	Chỉ tiêu – Công ty mẹ	31/12/2024	31/12/2025	30/09/2026
	Tổng cộng	**612.107**	**693.338**	**755.958**

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng năm 2024, năm 2025 và BCTC riêng Quý III năm 2026 của HAM

Hợp nhất

STT	Chỉ tiêu – Hợp nhất	31/12/2024	31/12/2025	30/09/2026
1	**Tài sản ngắn hạn**	**623.930**	**735.784**	**883.382**
-	Tiền và tương đương tiền	75.833	75.275	40.011
-	Đầu tư tài chính ngắn hạn	164.524	118.681	167.515
-	Các khoản phải thu ngắn hạn	239.604	345.444	345.616
-	Hàng tồn kho	135.461	188.716	297.558
-	Tài sản ngắn hạn khác	8.508	7.668	32.682
2	**Tài sản dài hạn**	**452.149**	**430.939**	**407.130**
-	Các khoản phải thu dài hạn	76.857	61.901	61.222
-	Tài sản cố định	339.810	324.933	298.716
-	Bất động sản đầu tư	8.499	8.149	7.914
-	Tài sản dở dang dài hạn	983	3.425	9.055
-	Đầu tư tài chính dài hạn	4.500	8.700	8.700
-	Tài sản dài hạn khác	21.500	23.831	21.523
	Tổng cộng	**1.076.079**	**1.166.723**	**1.290.512**

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2024, năm 2025 và BCTC hợp nhất Quý III năm 2026 của HAM

Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang sử dụng và quản lý vốn góp của cổ đông và vốn kinh doanh theo đúng các quy định của pháp luật và đúng mục đích quy định tại Điều lệ Công ty.

2.1.2. Trích khấu hao tài sản cố định

- **Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định hữu hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ, và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Thời gian (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	03
Phương tiện vận tải	03 - 09
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03
Tài sản cố định khác	05

- **Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định, tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ, và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

- Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế mà Công ty đã chi ra, có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: chi phí để có quyền sử dụng đất, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 13 – 50 năm; quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

- Chương trình phần mềm: Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy vi tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

- Chi phí cải tiến năng suất tổng thể: Chi phí cải tiến năng suất tổng thể được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

- **Những thay đổi trong chính sách khấu hao:** Không có
- **Việc tuân thủ theo chế độ quy định**

Công ty luôn thực hiện trích lập khấu hao tài sản theo đúng quy định của pháp luật.

2.1.3. Mức lương bình quân

Mức lương bình quân của người lao động trong năm 2024, 2025 và 09 tháng đầu năm 2026 như sau:

Bảng 25: Mức lương bình quân trong năm 2024, 2025 và 09 tháng đầu năm 2026

	Năm 2024	Năm 2025	09 tháng đầu năm 2026
Mức lương bình quân (đồng/người/tháng)	12.850.000	13.870.000	13.870.000

Nguồn: CTCP Vật tư Hậu Giang

So sánh về mức lương bình quân năm 2024, năm 2025 của Công ty với các doanh nghiệp khác cùng ngành trong cùng địa bàn:

STT	Mã	Công ty	Mức lương bình quân (đồng/người/tháng)	
			Năm 2024	Năm 2025
1	BDT	CTCP Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp	10.091.000	7.253.011
2	THG	CTCP Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang	10.500.000	11.000.000

Nguồn: Báo cáo thường niên của các Công ty

Thu nhập bình quân của người lao động là 13.870.000 đồng/người/tháng tương ứng với 139 lao động tính đến thời điểm 30/09/2026. Mức lương bình quân của cán bộ, nhân viên Công ty nằm ở mức có tính cạnh tranh tương đối so với mức lương bình quân của các doanh nghiệp khác cùng ngành trong cùng địa bàn.

2.1.4. Tình hình công nợ

Tình hình công nợ phải thu

Bảng 26: Tình hình công nợ phải thu

Công ty mẹ

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Các khoản nợ phải thu (Công ty mẹ)	31/12/2024	31/12/2025	% tăng 2025/2024	30/09/2026
I	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**109.974**	**203.127**	**84,70%**	**214.106**
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	83.505	88.845	6,39%	130.967
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	3.658	3.927	7,36%	2.093

STT	Các khoản nợ phải thu (Công ty mẹ)	31/12/2024	31/12/2025	% +/- 2025/2024	30/09/2026
3	Phải thu ngắn hạn khác	45.157	131.613	191,46%	105.527
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-22.346	-21.259	N/A	-24.481
II	**Các khoản phải thu dài hạn**	**47.830**	**30.555**	**-36,12%**	**30.555**
1	Trả trước cho người bán dài hạn	59.431	59.431	0,00%	59.431
2	Phải thu dài hạn khác	285	840	194,74%	840
3	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	-11.886	-29.716	N/A	-29.716
	Tổng cộng	**157.804**	**233.682**	**48,08%**	**244.661**

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng năm 2024, năm 2025 và BCTC riêng Quý III năm 2026 của HAM

Hợp nhất

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Các khoản nợ phải thu (hợp nhất)	31/12/2024	31/12/2025	% +/- 2025/2024	30/09/2026
I	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**239.604**	**343.746**	**43,46%**	**345.616**
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	244.005	261.931	7,35%	276.081
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	13.850	16.413	18,51%	31.311
3	Phải thu ngắn hạn khác	42.162	135.470	221,31%	112.773
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-60.413	-70.068	N/A	-74.549
II	**Các khoản phải thu dài hạn**	**76.857**	**61.901**	**-19,46%**	**61.222**
1	Trả trước cho người bán dài hạn	59.431	59.431	0,00%	59.431
2	Phải thu dài hạn khác	29.313	32.185	9,80%	31.507
3	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	-11.886	-29.716	N/A	-29.716
	Tổng cộng	**316.462**	**405.647**	**28,18%**	**406.838**

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2024, năm 2025 và BCTC hợp nhất Quý III năm 2026 của HAM

- **Các khoản phải thu quá hạn**

Bảng 27: Tình hình các khoản phải thu quá hạn

Công ty mẹ

Đơn vị: Triệu đồng

Đối tượng – Công ty mẹ	31/12/2024		31/12/2025		30/09/2026	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Thời gian quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm						
Công ty TNHH BĐS An Khương	59.431	47.545	0	0	0	0
Các đối tượng khác	2.104	1.473	627	439	1.502	1.502
Từ 1 năm đến dưới 2 năm						
Các đối tượng khác	1.407	703	2.951	1.476	2.003	1.002
Công ty TNHH Bất động sản An Khương	0	0	59.431	29.715	59.431	29.715
Từ 2 năm đến dưới 3 năm						
Các đối tượng khác	1.745	524	1.167	350	2.141	642
Quá hạn trên 3 năm						
Công ty Cổ phần Thép Đức Phúc Thịnh	2.579	0	2.579	0	2.579	0
Công ty TNHH Thương mại Thép Minh Phát	2.012	0	2.012	0	2.012	0
Công ty TNHH Đầu tư Tư vấn Xây dựng Thương mại Tín Phát	3.859	0	3.859	0	3.859	0
Công ty TNHH Thương mại Đặng Hưng Phát	4.374	0	4.374	0	4.374	0
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hằng An	1.114	0	1.114	0	1.114	0
Các đối tượng khác	5.851	0	4.839	0	7.591	0
Tổng	**84.477**	**50.245**	**82.955**	**31.980**	**86.608**	**32.411**

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng năm 2024, năm 2025 và BCTC riêng Quý III năm 2026 của HAM

Hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

Đối tượng - Hợp nhất	31/12/2024		31/12/2025		30/09/2026	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Thời gian quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm						
Công ty TNHH BĐS An Khương	59.431	47.545	0	0	0	0
Công ty TNHH Giang Phúc Minh	383	344	0	0	0	0
Các đối tượng khác	2.133	1.417	2.172	1.521	3.038	2.126
Từ 1 năm đến dưới 2 năm						
Công ty TNHH Bất động sản An Khương	5.317	2.658	59.431	29.715	59.431	29.715
Các đối tượng khác	9.604	4.802	5.840	2.920	5.550	2.775
Từ 2 năm đến dưới 3 năm						
Công ty Cổ phần Đầu tư STK	2.283	685	0	0	0	0
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Quang Thọ	5.356	1.607	0	0	0	0
Công ty TNHH MTV Xây dựng Thương mại Dịch vụ Nghĩa Hưng	7.894	2.368	0	0	0	0
Công ty TNHH Bất động sản An Khương	0	0	5.317	1.595	0	0
Các đối tượng khác	7.170	2.151	5.942	1.783	5.054	1.516
Quá hạn trên 3 năm						
Công ty TNHH Đầu tư Tư vấn Xây dựng Thương mại Tín Phát	3.859	0	3.859	0	3.859	0
Công ty TNHH Thương mại Đặng Hưng Phát	4.374	0	4.374	0	4.374	0

Đối tượng - Hợp nhất	31/12/2024		31/12/2025		30/09/2026	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hằng An	1.114	0	1.114	0	1.114	0
Công ty Cổ phần Thủy sản N.G Việt Nam	7.596	0	7.496	0	7.496	0
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Quang Thọ	0	0	5.356	0	5.356	0
Công ty TNHH MTV Xây dựng Thương mại Dịch vụ Nghĩa Hưng	0	0	7.894	0	7.894	0
Công ty TNHH Bất động sản An Khương	0	0	0	0	5.317	0
Các đối tượng khác	19.363	0	28.522	0	29.808	0
Tổng	**135.877**	**63.577**	**137.317**	**37.533**	**138.291**	**36.133**

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2024, năm 2025 và BCTC hợp nhất Quý III năm 2026 của HAM

(*) Khoản phải thu quá hạn đối với Công ty TNHH Bất động sản An Khương: Khoản phải thu này phát sinh từ khoản tiền Công ty đã trả trước cho Công ty TNHH Bất động sản An Khương theo Hợp đồng nguyên tắc số 02/HĐNT-AK ngày 18/05/2020 về việc thỏa thuận hợp tác để mua nhà ở xã hội. Theo Hợp đồng, giá trị chuyển nhượng quyền sử dụng đất tạm tính là 62.559.000.000 đồng, được xác định trên cơ sở đơn giá 13.500.000 đồng/m² đối với diện tích 4.634 m². Công ty đã tạm ứng 95% giá trị hợp đồng, tương ứng 59.431.050.000 đồng. Tại ngày 30/09/2026, khoản trả trước nêu trên có giá trị gốc 59.431 triệu đồng và thuộc nhóm nợ quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm. Căn cứ thời gian quá hạn và đánh giá khả năng thu hồi khoản công nợ, Công ty đã trích lập dự phòng 50% giá trị khoản phải thu, tương ứng khoảng 29.715 triệu đồng. Theo đó, giá trị còn lại được đánh giá có thể thu hồi là 29.715 triệu đồng.

[Phần còn lại của trang này được chủ ý để trống]

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn và dài hạn khó đòi

Bảng 28: Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn và dài hạn khó đòi

Công ty mẹ

Đơn vị: Triệu đồng

	Nợ phải thu ngắn hạn	Trả trước cho người bán dài hạn	Cộng
Vào ngày 01/01/2025	**-22.346**	**-11.886**	**-34.232**
Trích dự phòng bổ sung trong năm 2025	0	-17.829	-17.829
Hoàn nhập trong năm	1.087	0	1.087
Vào ngày 01/01/2026	**-21.259**	**-29.716**	**-50.975**
Trích dự phòng bổ sung trong 9 tháng đầu năm 2026	-3.222	0	-3.222
Vào ngày 30/09/2026	**-24.481**	**-29.716**	**-54.197**

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng năm 2024, năm 2025 và BCTC riêng Quý III năm 2026 của HAM

Hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

	Nợ phải thu ngắn hạn	Trả trước cho người bán dài hạn	Cộng
Vào ngày 01/01/2025	**-22.346**	**-11.886**	**-72.299**
Trích dự phòng bổ sung trong năm 2025	0	-17.829	-28.748
Hoàn nhập trong năm	1.087	0	1.264
Vào ngày 01/01/2026	**-70.068**	**-29.716**	**-99.783**
Trích dự phòng bổ sung trong 9 tháng đầu năm 2026	-2.375	0	-2.375
Vào ngày 30/09/2026	**-72.442**	**-29.716**	**-102.158**

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2024, năm 2025 và BCTC hợp nhất Quý III năm 2026 của HAM

Thông tin chi tiết các khoản phải thu quá hạn

Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III năm 2026 của HAMACO, tại ngày 30/09/2026, tổng giá trị gốc các khoản phải thu quá hạn là 138,291 tỷ đồng, trong đó giá trị có thể thu hồi được đánh giá là 36,133 tỷ đồng.

- ***Chi tiết giá trị và thời gian quá hạn***

Căn cứ theo thời gian chậm thanh toán, các khoản phải thu quá hạn tại ngày 30/09/2026 được phân loại như sau:

+ Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm: Giá trị gốc là 3,038 tỷ đồng, giá trị có thể thu hồi là 2,126 tỷ đồng, phát sinh từ các đối tượng khác.
+ Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm: Giá trị gốc là 64,981 tỷ đồng, giá trị có thể thu hồi là 32,490 tỷ đồng. Trong đó, khoản phải thu đối với Công ty TNHH Bất động sản An Khương có giá trị gốc 59,431 tỷ đồng, giá trị có thể thu hồi 29,715 tỷ đồng; các đối tượng khác có giá trị gốc 5,550 tỷ đồng, giá trị có thể thu hồi 2,775 tỷ đồng.
+ Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm: Giá trị gốc là 5,054 tỷ đồng, giá trị có thể thu hồi là 1,516 tỷ đồng, phát sinh từ các đối tượng khác.
+ Quá hạn trên 03 năm: Giá trị gốc là 65,218 tỷ đồng và giá trị có thể thu hồi được đánh giá bằng 0. Nhóm này bao gồm các khoản phải thu đối với Công ty TNHH MTV Xây dựng Thương mại Dịch vụ Nghĩa Hưng (7,894 tỷ đồng), Công ty Cổ phần Thủy sản N.G Việt Nam (7,496 tỷ đồng), Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Quang Thọ (5,356 tỷ đồng), Công ty TNHH Bất động sản An Khương (5,317 tỷ đồng), Công ty TNHH Thương mại Đặng Hưng Phát (4,374 tỷ đồng), Công ty TNHH Đầu tư Tư vấn Xây dựng Thương mại Tín Phát (3,859 tỷ đồng), Công ty Cổ phần Tập đoàn Hằng An (1,114 tỷ đồng) và các đối tượng khác (29,808 tỷ đồng).

- ***Nguyên nhân, tình hình trích lập dự phòng và khả năng thu hồi***

+ *Tình hình trích lập dự phòng:*

Tại ngày 01/01/2026, tổng số dư dự phòng trên Báo cáo tài chính hợp nhất là 99,783 tỷ đồng, bao gồm 70,068 tỷ đồng dự phòng nợ phải thu ngắn hạn và 29,716 tỷ đồng dự phòng trả trước cho người bán dài hạn. Trong 09 tháng đầu năm 2026, Công ty trích lập bổ sung 2,375 tỷ đồng dự phòng nợ phải thu ngắn hạn. Theo đó, tại ngày 30/09/2026, tổng số dư dự phòng là 102,158 tỷ đồng, bao gồm 72,442 tỷ đồng dự phòng nợ phải thu ngắn hạn và 29,716 tỷ đồng dự phòng trả trước cho người bán dài hạn.

+ *Nguyên nhân và đánh giá khả năng thu hồi:*

Đối với nhóm nợ quá hạn trên 03 năm: tổng giá trị gốc tại ngày 30/09/2026 là 65,218 tỷ đồng và giá trị có thể thu hồi được đánh giá bằng 0. Theo đánh giá của Công ty, nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc một số đối tác gặp khó khăn về tài chính, kinh doanh thua lỗ hoặc hoạt động bị đình trệ. Công ty thực hiện đánh giá khả năng thu hồi và trích lập dự phòng đối với các khoản phải thu theo quy định kế toán áp dụng.

Đối với Công ty TNHH Bất động sản An Khương: tổng giá trị gốc các khoản phải thu quá hạn tại ngày 30/09/2026 là 64,748 tỷ đồng, trong đó 59,431 tỷ đồng thuộc nhóm quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm và 5,317 tỷ đồng thuộc nhóm quá hạn trên 03 năm. Tổng giá trị được đánh giá có thể thu hồi là 29,715 tỷ đồng. Công ty tiếp tục theo dõi, đôn đốc và thực hiện các biện pháp xử lý công nợ nhằm thu hồi các khoản phải thu này.

Đối với các khoản phải thu quá hạn khác: Công ty tiếp tục theo dõi tình hình tài chính và khả năng thanh toán của từng đối tượng, đồng thời thực hiện các biện pháp đôn đốc, thương lượng và các biện pháp xử lý phù hợp nhằm thu hồi công nợ.

- **Tình hình công nợ phải trả**

Bảng 29: Tình hình công nợ phải trả

Công ty mẹ

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Các khoản nợ phải trả (Công ty mẹ)	31/12/2024	31/12/2025	% +/- 2025/2024	30/09/2026
I	**Nợ ngắn hạn**	**380.286**	**433.866**	**14,09%**	**500.956**
1	Phải trả người bán ngắn hạn	64.394	80.947	25,71%	127.250
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	639	20.336	3.083,19%	14.999
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	387	2.277	488,42%	1.568
4	Phải trả người lao động	4.899	6.783	38,46%	5.619
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	3.812	629	-83,49%	7.276
6	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	542	630	16,18%	393
7	Phải trả ngắn hạn khác	10.274	9.704	-5,54%	7.255
8	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	293.060	309.277	5,53%	332.786
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.279	3.282	44,01%	3.811
II	**Nợ dài hạn**	**90.772**	**103.798**	**14,35%**	**89.395**
1	Phải trả dài hạn khác	1.350	1.319	-2,30%	1.409
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	89.422	102.479	14,60%	87.986
	Tổng cộng	**471.058**	**537.664**	**14,14%**	**590.351**

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng năm 2024, năm 2025 và BCTC riêng Quý III năm 2026 của HAM

Hợp nhất

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Các khoản nợ phải trả (Hợp nhất)	31/12/2024	31/12/2025	% +/- 2025/2024	30/09/2026
I	**Nợ ngắn hạn**	**679.055**	**698.171**	**2,82%**	**798.502**
1	Phải trả người bán ngắn hạn	111.532	108.576	-2,65%	145.863
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13.956	39.798	185,16%	79.550
3	Phải trả cổ tức, lợi nhuận	0	0	0%	0
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.004	4.958	-0,92%	7.070

STT	Các khoản nợ phải trả (Hợp nhất)	31/12/2024	31/12/2025	% +/- 2025/2024	30/09/2026
5	Phải trả người lao động	30.922	28.093	-9,15%	23.391
6	Chi phí phải trả ngắn hạn	11.096	3.712	-66,55%	18.125
7	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	542	630	16,18%	393
8	Phải trả ngắn hạn khác	30.194	26.105	-13,54%	21.734
9	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	469.363	478.393	1,92%	493.726
10	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6.445	7.906	22,67%	8.651
II	**Nợ dài hạn**	**111.475**	**150.289**	**34,82%**	**123.801**
1	Phải trả dài hạn khác	12.965	15.494	19,50%	15.933
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	98.510	134.795	36,83%	107.868
	Tổng cộng	**790.530**	**848.460**	**7,33%**	**922.302**

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2024, năm 2025 và BCTC hợp nhất Quý III năm 2026 của HAM

✦ ***Tổng dư nợ vay của Công ty***

Bảng 30: Tình hình dư nợ vay

Công ty mẹ

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Các khoản nợ vay (Công ty mẹ)	31/12/2024	31/12/2025	30/09/2026
I	**Vay ngắn hạn**	**293.060**	**309.277**	**332.786**
1	Vay ngân hàng (*)	292.880	309.097	332.786
-	*Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) - Chi nhánh Cần Thơ (i)*	*53.718*	*50.003*	*54.249*
-	*Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank) – Chi nhánh Cần Thơ (ii)*	*171.086*	*153.562*	*169.045*
-	*Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Cần Thơ (iii)*	*68.077*	*105.532*	*109.493*
2	Nợ dài hạn đến hạn trả	180	180	0
II	**Vay dài hạn**	**89.422**	**102.479**	**87.986**
1	Vay từ các bên liên quan	20.504	20.874	10.160
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	68.918	81.605	77.826

STT	Các khoản nợ vay (Công ty mẹ)	31/12/2024	31/12/2025	30/09/2026
-	*Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Cần Thơ*	*630*	*450*	*495*
-	*Bà Nguyễn Hoàng Xuân Quyên*	*348*	*376*	*376*
-	*Vay dài hạn các cá nhân khác*	*67.940*	*80.779*	*76.954*
	Tổng cộng	**382.482**	**411.756**	**420.772**

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng năm 2024, năm 2025 và BCTC riêng Quý III năm 2026 của HAM

(*) Thông tin chi tiết các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

(i) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) - Chi nhánh Cần Thơ

- Hạn mức vay: 55.000.000.000 đồng
- Thời hạn vay: 12 tháng (kể từ ngày 01/10/2025)
- Lãi suất: Từ 6-8%/năm (Tùy thời điểm vay)
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh
- Tài sản đảm bảo: Thế chấp bằng khoản nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng, hàng hóa tồn kho, tài sản cố định vô hình (Quyền sử dụng đất)

(ii) Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank) – Chi nhánh Cần Thơ

- Hạn mức vay: 170.000.000.000 đồng
- Thời hạn vay: đến ngày 30/11/2026
- Lãi suất: Từ 6-8%/năm (Tùy thời điểm vay)
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh
- Tài sản đảm bảo: Thế chấp bằng khoản nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng, hàng hóa tồn kho, tài sản cố định vô hình (Quyền sử dụng đất)

(iii) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Cần Thơ

- Hạn mức vay: 100.000.000.000 đồng
- Thời hạn vay: 12 tháng (kể từ ngày 15/10/2025)
- Lãi suất: Từ 6-8%/năm (Tùy thời điểm vay)
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh
- Tài sản đảm bảo: Thế chấp bằng khoản nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng, hàng hóa tồn kho, tài sản cố định hữu hình (Phương tiện vận tải), tài sản cố định vô hình (Quyền sử dụng đất)

Hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Các khoản nợ vay (Hợp nhất)	31/12/2024	31/12/2025	30/09/2026
I	**Vay ngắn hạn**	**469.363**	**478.393**	**495.368**
1	Vay ngân hàng	*466.535*	*463.713*	*482.028*

STT	Các khoản nợ vay (Hợp nhất)	31/12/2024	31/12/2025	30/09/2026
-	*Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) - Chi nhánh Cần Thơ*	*169.714*	*100.832*	*116.107*
-	*Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Cần Thơ*	*95.839*	*144.131*	*145.700*
-	*Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank)*	*200.981*	*218.750*	*220.222*
2	Nợ dài hạn đến hạn trả	2.828	14.680	13.340
II	**Vay dài hạn**	**98.510**	**134.795**	**110.602**
1	Vay từ các bên liên quan	18.164	20.874	10.160
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	80.346	113.921	100.443
-	*Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Cần Thơ*	*10.185*	*7.505*	*4.870*
-	*Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank) – Chi nhánh Tây Cần Thơ*	*175*	*36.611*	*27.611*
-	*Bà Nguyễn Hoàng Xuân Quyên*	*348*	*376*	*376*
-	*Vay dài hạn các cá nhân khác*	*72.466*	*84.109*	*80.835*
-	*Nợ dài hạn đến hạn trả*	*(2.828)*	*(14.680)*	*(13.250)*
	Tổng cộng	**567.872**	**613.188**	**605.971**

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2024, năm 2025 và BCTC hợp nhất Quý III năm 2026 của HAM

Tình hình thanh toán các khoản nợ

Trong suốt quá trình hoạt động, HAMACO và các công ty con luôn duy trì năng lực tài chính ổn định và uy tín tín dụng vững chắc. Công ty luôn thực hiện việc thanh toán đầy đủ và đúng hạn toàn bộ các khoản nợ gốc cũng như chi phí lãi vay cho các tổ chức tín dụng (như VietinBank, Vietcombank, BIDV) và các đối tác theo đúng tiến độ và thỏa thuận đã cam kết

Tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất và đến hiện tại, HAMACO cùng các công ty con không có bất kỳ khoản nợ vay hay nghĩa vụ thanh toán nào bị quá hạn. Do đó, Công ty không phát sinh các vấn đề liên quan đến giá trị, thời gian, nguyên nhân hay rủi ro mất khả năng thanh toán nợ quá hạn. Việc chủ động cơ cấu lại các khoản vay và kiểm soát tốt dòng tiền giúp Công ty luôn đảm bảo khả năng thanh toán

HAMACO và các công ty con luôn đề cao tính minh bạch và tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật cũng như các điều khoản thương mại. Trong các năm qua, Công ty không có bất kỳ vi phạm nào đối với các điều khoản trong các hợp đồng tín dụng, hợp đồng kinh tế hay các cam kết khác với đối tác, khách hàng và ngân hàng.

2.1.5. Các khoản phải nộp theo luật định

HAMACO thực hiện nghiêm túc việc hạch toán đầy đủ các nghĩa vụ phải nộp đối với các khoản Thuế giá trị gia tăng, thuế Thu nhập doanh nghiệp và các khoản phải nộp khác theo quy định của Nhà nước. Công ty thực hiện thanh toán các khoản thuế phải nộp đúng thời hạn. Các khoản thuế, phí phải nộp theo luật định tại ngày kết thúc năm 2024, năm 2025 và 09 tháng đầu năm 2026 như sau:

Bảng 31: Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty mẹ

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/09/2026
1	Thuế giá trị gia tăng đầu ra	163	46	91
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	1.762	1.140
3	Thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công	61	28	76
4	Thuế thu nhập cá nhân từ đầu tư vốn	164	441	2
5	Thuế nhà đất và tiền thuê đất	0	0	260
6	Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	0	0	0
	Tổng cộng	**387**	**2.277**	**1.568**

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng năm 2024, năm 2025 và BCTC riêng Quý III năm 2026 của HAM

Hợp nhất

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/09/2026
1	Thuế giá trị gia tăng đầu ra	1.457	793	713
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.187	3.541	5.948
3	Thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công	197	184	147
4	Thuế thu nhập cá nhân từ đầu tư vốn	164	441	2
5	Thuế nhà đất và tiền thuê đất	0	0	260

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/09/2026
6	Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	0	0	0
	Tổng cộng	**5.004**	**4.958**	**7.070**

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2024, năm 2025 và BCTC hợp nhất Quý III năm 2026 của HAM

Công ty tuân thủ các quy định liên quan các khoản thuế phải nộp (thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp…) với Ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật và Luật Thuế hiện hành.

2.1.6. Trích lập các quỹ theo luật định

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, việc trích lập các quỹ hàng năm căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh và do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Số dư các quỹ tại thời điểm năm 2024, năm 2025 và 09 tháng đầu năm 2026 được thể hiện trong bảng dưới đây:

Bảng 32: Số dư trích lập các quỹ qua các năm

Công ty mẹ

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu – Công ty mẹ	31/12/2024	31/12/2025	30/09/2026
1	Quỹ đầu tư phát triển	20.028	20.028	0
2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.279	3.282	3.811
	Tổng cộng	**22.307**	**23.310**	**3.811**

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng năm 2024, năm 2025 và BCTC riêng Quý III năm 2026 của HAM

Hợp nhất

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu – Hợp nhất	31/12/2024	31/12/2025	30/09/2026
1	Quỹ đầu tư phát triển	20.028	20.028	0
2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6.445	7.906	8.651
	Tổng cộng	**26.473**	**27.934**	**8.651**

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2024, năm 2025 và BCTC hợp nhất Quý III năm 2026 của HAM

2.1.7. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Không có.

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 33: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu qua các năm

Công ty mẹ

Các chỉ tiêu – Công ty mẹ	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025
1. Khả năng thanh toán			
– Hệ số thanh toán ngắn hạn: *Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn*	Lần	0,87	0,98
– Hệ số thanh toán nhanh: *(Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn*	Lần	0,75	0,74
2. Cơ cấu vốn			
– Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	76,96%	77,55%
– Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	333,97%	345,38%
3. Năng lực hoạt động			
– Vòng quay tổng tài sản: *Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân*	Lần	3,25	3,12
– Vòng quay vốn lưu động: *Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân*	Lần	6,83	5,38
– Vòng quay hàng tồn kho: *Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân*	Lần	2,21	2,06
4. Khả năng sinh lời			
– Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS): *Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần*	%	0,69%	1,56%
– Hệ số LNST trên vốn kinh doanh (ROA): *Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân*	%	1,98%	4,27%
– Hệ số LNST trên vốn chủ sở hữu (ROE): *Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân*	%	10,00%	18,78%
– Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng	1.464	2.891

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán riêng năm 2024, năm 2025 của CTCP Vật tư Hậu Giang

Hợp nhất

Các chỉ tiêu – Hợp nhất	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025
1. Khả năng thanh toán			
– Hệ số thanh toán ngắn hạn: *Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn*	Lần	0,92	1,05
– Hệ số thanh toán nhanh: *(Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn*	Lần	0,72	0,78
2. Cơ cấu vốn			
– Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	73,46%	72,72%
– Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	276,85%	266,59%
3. Năng lực hoạt động			
– Vòng quay tổng tài sản: *Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân*	Lần	2,50	2,94
– Vòng quay vốn lưu động: *Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân*	Lần	3,94	4,84
– Vòng quay hàng tồn kho: *Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân*	Lần	17,75	18,19
4. Khả năng sinh lời			
– Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS): *Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần*	%	1,61%	1,54%
– Hệ số LNST trên vốn kinh doanh (ROA): *Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân*	%	4,04%	4,53%
– Hệ số LNST trên vốn chủ sở hữu (ROE): *Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân*	%	18,07%	16,84%
– Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng	5.055	5.274

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2024, năm 2025 của CTCP Vật tư Hậu Giang

Các chỉ tiêu khác: Không có.

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán: Không có.

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính (Riêng + Hợp nhất) của Công ty năm 2024, năm 2025 và soát xét bán niên giữa niên độ năm 2026, theo đó:

- **Ý kiến của Tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính Riêng và Hợp nhất năm 2024 số 041/2025/BCKT-CT.00287 ngày 27/02/2025 và số 041/2025/BCKTHN-CT.00028 ngày 27/02/2025**

Tại Báo cáo kiểm toán độc lập số 041/2025/BCKT-CT.00287 ngày 27/02/2025, ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng năm 2024 của Tổ chức phát hành: *"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính."*

Tại Báo cáo kiểm toán độc lập số 041/2025/BCKTHN-CT.00028 ngày 27/02/2025, ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 của Tổ chức phát hành: *"Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất."*

- **Ý kiến của Tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính (Riêng và Hợp nhất) năm 2025 số 028/2026/BCKT-CT.00287 ngày 26/02/2026 và số 028/2026/BCKTHN-CT.00287 ngày 26/02/2026**

Tại Báo cáo kiểm toán độc lập số 028/2026/BCKT-CT.00287 ngày 26/02/2026, ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng năm 2025 của Tổ chức phát hành: *"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu. Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính."*

Tại Báo cáo kiểm toán độc lập số 028/2026/BCKTHN-CT.00287 ngày 26/02/2026, ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 của Tổ chức phát hành: *"Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu. Tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất."*

- **Ý kiến của Tổ chức kiểm toán thực hiện soát xét thông tin tài chính giữa niên độ Báo cáo tài chính bán niên (Riêng và Hợp nhất) năm 2026 số 031/2026/BCSX-CT.00336 ngày**

20/08/2026 và số 031/2026/BCSXHN-CT.00336 ngày 26/08/2026

Tại Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ số 031/2026/BCSX-CT.00336 ngày 20/08/2026, ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Tổ chức kiểm toán thực hiện soát xét Báo cáo tài chính riêng bán niên năm 2026 của Tổ chức phát hành: "*Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.*"

Tại Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ số 031/2026/BCSXHN-CT.00336 ngày 26/08/2026 ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Tổ chức kiểm toán thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2026 của Tổ chức phát hành: "*Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.*"

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

4.1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2026

Căn cứ theo mục tiêu và định hướng phát triển, lợi thế cạnh tranh và tiềm năng phát triển thị trường mà Công ty hiện đang kinh doanh và đầu tư, kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức của Công ty trong năm 2026 như sau:

Bảng 34: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2026 (Hợp nhất)

Chỉ tiêu – Hợp nhất	ĐVT	Năm 2025 (*)	Năm 2026	
			Kế hoạch (**)	% tăng/giảm so với thực hiện năm trước
Doanh thu thuần	Triệu đồng	3.292.409	3.500.000	6,31%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	51.300	55.000	7,21%
Tỷ suất LNST/DTT	%	1,56%	1,57%	0,01%
Tỷ suất LNST/VCSH bình quân (***)	%	16,99%	14,84%	-2,15%
Tỷ lệ Cổ tức	% / Mệnh giá	10%	10%	0

Nguồn: CTCP Vật tư Hậu Giang

(*) Kết quả thực hiện năm 2025 căn cứ theo BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2025

(**): Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 đã thông qua chỉ tiêu kế hoạch Doanh thu thuần, Lợi nhuận sau thuế, Tỷ lệ chi trả cổ tức dự kiến năm 2026

(***): Vốn chủ sở hữu dự kiến trong năm 2026 được tạm tính bằng vốn chủ sở hữu tại BCTC hợp nhất năm 2026 thời điểm 31/12/2025 cộng với tổng giá trị cổ phiếu dự kiến chào bán trong năm 2026 (phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động và chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu) và lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2026 = 318.262.161.770 + 4.800.000.000 + 44.811.140.000 + 55.000.000.000 = 422.873.301.770 đồng

4.2. Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch nêu trên

Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2026 đã được HĐQT trình tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 thông qua.

4.3. Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu trên

Năm 2026 là năm mang tính bước ngoặt kỷ niệm 50 năm thành lập của HAMACO. Kế hoạch kinh doanh được Hội đồng Quản trị và Ban Lãnh đạo xây dựng đầy thận trọng nhưng cũng rất quyết liệt, dựa trên các bệ đỡ từ thị trường và những chiến lược tối ưu hóa nội tại toàn diện:

Hưởng lợi từ yếu tố vĩ mô và thị trường

Sự đẩy mạnh giải ngân đầu tư công, đặc biệt là các dự án hạ tầng giao thông, cao tốc và đô thị tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), tạo ra nguồn cầu khổng lồ cho các sản phẩm vật liệu trọng điểm như xi măng, thép và bê tông của Công ty.

Thị trường bất động sản dân dụng được kỳ vọng có những tín hiệu phục hồi rõ nét hơn khi các nút thắt về vốn và pháp lý từng bước được tháo gỡ, giúp khơi thông sức mua trên thị trường bán lẻ.

Chiến lược mở rộng mạng lưới phân phối

Công ty tập trung gia tăng thị phần tại các tỉnh trọng điểm (Cần Thơ, An Giang, Kiên Giang, Đồng Tháp) thông qua kế hoạch mở thêm 10 đại lý mới và ký hợp đồng độc quyền với 5 đối tác phân phối lớn.

Đẩy mạnh chiến dịch tiếp thị với việc tăng 20% ngân sách quảng cáo và chủ động tổ chức 3 hội chợ triển lãm lớn tại TP. Cần Thơ và TP. Hồ Chí Minh nhằm trực tiếp kết nối với các chủ đầu tư, nhà thầu và khách hàng tiềm năng.

Tối ưu hóa chuỗi cung ứng và vận hành logistics:

HAMACO kiên định với việc ứng dụng công nghệ số. Hệ thống quản lý kho thông minh (WMS) dự kiến giúp giảm 15% thời gian giao nhận, kết hợp cùng hệ thống quản lý vận tải (TMS) giúp tối ưu hóa lộ trình, qua đó giảm 10% chi phí logistics.

Công ty sẽ tận dụng quy mô để đàm phán các hợp đồng dài hạn với nhà cung cấp, đặt mục tiêu giảm từ 5% - 7% chi phí mua hàng nguyên vật liệu.

- **Tiên phong phát triển sản phẩm xanh và bền vững:**

Đón đầu xu hướng xây dựng bền vững, Công ty đẩy mạnh cung cấp dòng xi măng xanh (giảm 30% hàm lượng CO_2) cho các công trình xanh và dự án bất động sản cao cấp, đồng thời mở rộng danh mục bê tông nhẹ và vật liệu tiết kiệm năng lượng.

- **Quản trị tài chính và rủi ro vững chắc:**

Công ty tận dụng môi trường lãi suất thấp để cơ cấu lại nợ, đặt mục tiêu giảm chi phí lãi vay xuống mức 5%/năm, đồng thời chuyển đổi linh hoạt các khoản vay ngắn hạn sang dài hạn nhằm giảm áp lực thanh khoản.

Để bảo vệ dòng tiền, HAMACO thiết lập hệ thống cảnh báo sớm về biến động giá nguyên liệu và mua bảo hiểm rủi ro cho các dự án lớn nhằm giảm thiểu thiệt hại tài chính.

- **Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực:**

Triển khai 4 khóa đào tạo chuyên sâu về kỹ năng bán hàng và quản lý kho bãi cho 100 nhân viên kinh doanh/quản lý, đào tạo nghiệp vụ chuỗi cung ứng cho 50 nhân sự logistics. Song song đó, Công ty áp dụng chương trình "Nhân viên xuất sắc" với các chế độ khen thưởng và du lịch nghỉ dưỡng thiết thực nhằm giữ chân và khích lệ người lao động

- **Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức:**

Với vai trò là Tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu phân tích và đưa ra những đánh giá dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang.

Dựa trên kết quả kinh doanh của Công ty trong những năm qua, với năng lực sản xuất kinh doanh hiện tại, chúng tôi nhận thấy rằng, nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, thì kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức mà Công ty đưa ra là có tính khả thi cao. Kế hoạch này được xây dựng một cách thận trọng, dựa trên cơ sở nhu cầu thị trường cùng với các hợp đồng đã ký kết và triển khai, cũng như khả năng mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

[Phần còn lại của trang này được chủ ý để trống]

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ỦY BAN KIỂM TOÁN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 120 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14: *"Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp này, cổ đông sáng lập dự định chuyển nhượng cổ phần phổ thông thì không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng cổ phần đó."*

Công ty Vật tư Tỉnh Hậu Giang được thành lập theo Quyết định số 245/VT-QĐ ngày 03/03/1976 của Bộ trưởng Bộ Vật tư, trên cơ sở sáp nhập năm đơn vị vật tư và xăng dầu tại khu vực Cần Thơ – Sóc Trăng, với gần 500 cán bộ công nhân viên. Tháng 4 năm 2003, Công ty thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 0024/2003/QĐ-TM ngày 10/01/2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại và chuyển đổi hoạt động thành Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang (HAMACO). Công ty chính thức hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5703000042 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp ngày 12/05/2003, với vốn điều lệ ban đầu là 12.476.800.000 đồng.

Căn cứ quy định tại Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 nêu trên, sau thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình. Như vậy, tính đến thời điểm hiện tại, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực, nên bản cáo bạch này sẽ không đề cập tới danh sách cổ đông sáng lập của Công ty.

2. Thông tin về cổ đông lớn

2.1. Đối với cổ đông là cá nhân

Bảng 35: Danh sách cổ đông lớn là cá nhân tại ngày 28/10/2026

STT	Tên cổ đông	Năm sinh	Quốc tịch	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Lợi ích liên quan đối với TCPH
1	Lê Hoàng Nam	1978	Việt Nam	1.100.352	7,37%	Chủ tịch HĐQT
2	Vũ Thị Thủy	1972	Việt Nam	781.960	5,24%	Người có liên quan của Ông Đào Đức Đại - TV HĐQT
Tổng cộng				**1.882.312**	**12,60%**	

Nguồn: CTCP Vật tư Hậu Giang

2.2. Đối với cổ đông là tổ chức

Không có

2.3. Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông lớn và những người có liên quan của cổ đông lớn

Bảng 36: Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ của các cổ đông lớn và những người có liên quan của cổ đông lớn

STT	Tên	Mối quan hệ	Tại ngày trở thành cổ đông lớn		Tại ngày 28/10/2026		Dự kiến sau đợt phát hành (*)	
			Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu
I. Ông Lê Hoàng Nam và những người có liên quan								
1	Lê Hoàng Nam	Chủ tịch HĐQT	704.568	7,31%	1.100.352	7,37%	1.430.457	7,37%
2	Hoàng Thị Huê	Mẹ	0	0%	0	0%	0	0%
3	Quách Viết Sinh	Cha vợ	0	0%	0	0%	0	0%
4	Thái Thị Oanh	Mẹ vợ	0	0%	0	0%	0	0%
5	Quách Yến Vân	Vợ	354.433	3,68%	531.649	3,56%	691.143	3,56%
6	Lê Minh Thư	Con	0	0%	0	0%	0	0%
7	Lê Huy Vũ	Con	0	0%	0	0%	0	0%
8	Lê Phước Hùng	Anh	0	0%	0	0%	0	0%
9	Lê Thị Ngân	Chị	0	0%	0	0%	0	0%
10	Lê Phước Dũng	Em	0	0%	0	0%	0	0%
11	Lê Chí Hiếu	Anh	0	0%	0	0%	0	0%

STT	Tên	Mối quan hệ	Tại ngày trở thành cổ đông lớn		Tại ngày 28/10/2026		Dự kiến sau đợt phát hành (*)	
			Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu
	Tổng cộng		**1.059.001**	**10,99%**	**1.632.001**	**10,93%**	**2.121.601**	**10,93%**
II. Bà Vũ Thị Thủy và những người có liên quan								
1	Vũ Thị Thủy		485.777	5,04%	781.960	5,24%	1.016.548	5,24%
2	Đào Đức Đại	Chồng	95.137	0,99%	150.705	1,01%	195.916	1,01%
3	Đào Vũ Hồng Ngọc	Con	265.146	2,75%	397.719	2,66%	517.034	2,66%
4	Đào Vũ Ngọc Linh	Con	0	0%	75.900	0,51%	98.670	0,51%
5	Nguyễn Thị Ren	Mẹ	0	0%	0	0%	0	0%
6	Ngô Văn Khương	Anh rể	0	0%	0	0%	0	0%
7	Vũ Thị Hồng	Chị	0	0%	0	0%	0	0%
8	Hoàng Văn Biên	Anh rể	0	0%	0	0%	0	0%
9	Vũ Thị Thơm	Chị	0	0%	0	0%	0	0%
10	Vũ Duy Hiển	Anh rể	0	0%	0	0%	0	0%
11	Vũ Thị Nho	Chị	0	0%	0	0%	0	0%
	Tổng cộng		**846.060**	**8,78%**	**1.406.284**	**9,41%**	**1.828.168**	**9,41%**

Nguồn: CTCP Vật tư Hậu Giang

2.4. Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông và những người có liên quan của họ

Không có

2.5. Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành

Bảng 37: Thông tin lợi ích liên quan của cổ đông lớn với Tổ chức phát hành

Bên liên quan	Lợi ích liên quan với Tổ chức phát hành
Ông Lê Hoàng Nam	+ Thù lao, thưởng của Chủ tịch HĐQT theo quyết định của ĐHĐCĐ + Lãi vay theo hợp đồng cho vay với Công ty
Bà Vũ Thị Thủy	Lãi vay theo hợp đồng cho vay với Công ty

2.6. Cổ đông lớn có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành

Ông Lê Hoàng Nam là cổ đông lớn của HAMACO. Trong giai đoạn 2024 – 09 tháng đầu năm 2026, các công ty con của HAMACO đồng thời là tổ chức có liên quan đến ông Lê Hoàng Nam đã thực hiện các giao dịch với Công ty như sau:

- Công ty Cổ phần Bê tông Hamaco: Thực hiện các giao dịch mua và bán hàng hóa, đồng thời cung cấp dịch vụ nội bộ.
- Công ty TNHH MTV VLXD Xanh Hamaco: Thực hiện các giao dịch mua, bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

Ngoài các công ty con này, HAMACO không thực hiện giao dịch với các doanh nghiệp khác cùng lĩnh vực là tổ chức mà cổ đông lớn có lợi ích liên quan. Ngoài ra, các giao dịch trên chủ yếu nhằm hỗ trợ chuỗi giá trị nội bộ từ sản xuất, vận chuyển, lưu kho đến phân phối, tối ưu hóa chi phí và nâng cao hiệu quả vận hành.

Tất cả các giao dịch được thực hiện theo nguyên tắc minh bạch, độc lập và tuân thủ pháp luật, đảm bảo kiểm soát xung đột lợi ích, bảo vệ quyền lợi của cổ đông và tuân thủ các quy định pháp lý hiện hành. Thành viên Ban lãnh đạo hoặc cổ đông có lợi ích liên quan không tham gia thảo luận hoặc biểu quyết đối với các giao dịch này.

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

Bảng 38: Danh sách Thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc

STT	Họ tên	Chức vụ
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		
1	Ông Lê Hoàng Nam	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Nguyễn Thái Hải	Phó Chủ tịch HĐQT (Thành viên HĐQT độc lập)
3	Ông Mai Bảo Ngọc	Thành viên HĐQT điều hành
4	Ông Đào Đức Đại	Thành viên HĐQT không điều hành
5	Bà Lâm Thị Trúc Hà	Thành viên HĐQT điều hành
ỦY BAN KIỂM TOÁN		
1	Ông Nguyễn Thái Hải	Chủ tịch UBKT
2	Ông Đào Đức Đại	Thành viên UBKT
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC		
1	Ông Mai Bảo Ngọc	Tổng Giám đốc
2	Ông Phạm Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc
3	Bà Lâm Thị Trúc Hà	Phó Tổng Giám đốc
KẾ TOÁN TRƯỞNG		
1	Bà Lâm Thị Thu Hiền	Kế toán trưởng

Nguồn: CTCP Vật tư Hậu Giang

3.1 Hội đồng quản trị

3.1.1 Ông Lê Hoàng Nam – Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Họ và tên: **LÊ HOÀNG NAM**
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1978
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Trình độ học vấn: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc - Chức vụ
09/2000 – 05/2003	Nhân viên phòng Marketing, CTCP Vật tư Hậu Giang
06/2003 – 03/2004	Quyền Trưởng CN Bạc Liêu, CTCP Vật tư Hậu Giang
04/2004 – 03/2007	Trưởng CN Bạc Liêu, CTCP Vật tư Hậu Giang
04/2007 - 08/2009	Trưởng phòng Marketing, CTCP Vật tư Hậu Giang
09/2009 – 05/2016	Tổng Giám đốc CTCP Bê Tông Hamaco
06/2016 – nay	Chủ tịch HĐQT CTCP Bê Tông Hamaco
05/2016 – nay	Chủ tịch HĐQT CTCP Vật Tư Hậu Giang
03/2021 – 12/2022	Giám đốc Công ty TNHH MTV VLXD Xanh Hamaco
01/2023 – nay	Chủ tịch Công ty TNHH MTV VLXD Xanh Hamaco

- Chức vụ công tác hiện tại HAM: Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ nắm giữ hiện tại các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT CTCP Bê Tông Hamaco; Chủ tịch Công ty TNHH MTV VLXD Xanh Hamaco;
- Sở hữu chứng khoán tại HAMACO của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan *(tại ngày 28/10/2026):*
  + Đại diện sở hữu: *0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ*
  + Cá nhân sở hữu: *1.100.352 cổ phần, chiếm 7.367 % vốn điều lệ*
  + Những người có liên quan sở hữu: *531.649 cổ phần, chiếm 3.559% vốn điều lệ*
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của HAM *(tại ngày 28/10/2026):*

Tên cá nhân/tổ chức có liên quan	Mối quan hệ với người nội bộ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu	Người nội bộ của HAM
Quách Yến Vân	Vợ	531.649	3.559%	Không có

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
  + Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa những người có liên quan với TCPH, các công ty con của TCPH, công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Ông Lê Hoàng Nam và người có liên quan:

Đối tượng giao dịch	Mối quan hệ với người nội bộ/ Công ty	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch (đồng)	Tình trạng giao dịch	Các điều khoản quan trọng khác của hợp đồng	Cấp thẩm quyền chấp thuận
Lê Hoàng Nam	Chủ tịch HĐQT HAM	Cho Công ty vay tiền	5.210.047	Đã thực hiện	Hết hiệu lực	HĐQT

+ Thù lao và các khoản lợi ích khác nhận được từ HAM:

Năm	Thù lao, lương, thưởng (đồng)	Lợi ích khác	
		ESOP	Thưởng cổ phiếu
2024	1.187.717.941	Không có	Không có
2025	1.231.664.689	Không có	Không có
09 tháng đầu năm 2026	1.086.214.882	43.500 cổ phiếu, giá 10.000/cổ phiếu	Không có

- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

3.1.2 Ông Nguyễn Thái Hải – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Chủ tịch UBKT

- Họ và tên: **NGUYỄN THÁI HẢI**
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 07/01/1960
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Trình độ học vấn: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc - Chức vụ
2001 - 2003	Kế toán viên. Phó phòng Kế toán Công ty CTGT 675
2004 - 2011	Kế toán trưởng Công ty Liên Doanh Xi măng Việt Hoa
2012 - 2014	Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư địa ốc Hoàng Quân Cần Thơ

2015 - 2025	Phó TGĐ CTCP Đầu Tư Địa Ốc Hoàng Quân Cần Thơ và Hoàng Quân MeKong.
03/2026 – Nay	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Chủ tịch UBKT Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang

- Chức vụ công tác tại HAM: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Chủ tịch UBKT
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Phó TGĐ CTCP Đầu Tư Địa Ốc Hoàng Quân Cần Thơ
  Phó TGĐ CTCP Đầu Tư Địa Ốc Hoàng Quân Mekong
- Sở hữu chứng khoán tại HAMACO của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan và những người có liên quan *(tại ngày 28/10/2026):*
  + Đại diện sở hữu: *0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ*
  + Cá nhân sở hữu: *0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ*
  + Những người có liên quan sở hữu: *0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ*
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của HAM: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
  + Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa những người có liên quan với TCPH, các công ty con của TCPH, công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Ông Nguyễn Thái Hải và người có liên quan: Không có
  + Thù lao và các khoản lợi ích khác nhận được từ HAM:

Năm	Thù lao, lương, thưởng (đồng)	Lợi ích khác	
		ESOP	Thưởng cổ phiếu
2024	Không có	Không có	Không có
2025	Không có	Không có	Không có
9 tháng đầu năm 2026	133.333.333	Không có	Không có

- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

3.1.3 Ông Mai Bảo Ngọc – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

- Họ và tên: **MAI BẢO NGỌC**
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1980
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh, Cử nhân Luật Thương mại, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc - Chức vụ
12/2002 - 01/2010	Nhân viên Phòng Kế hoạch- Marketing CTCP Vật tư Hậu Giang
02/2010 - 06/2011	Phó Phòng Kế hoạch- Marketing CTCP Vật tư Hậu Giang
07/2011 - 12/2012	Trưởng Phòng Kế hoạch - Marketing CTCP Vật tư Hậu Giang
01/2013 - 08/2015	Trưởng Phòng Kế hoạch – Kinh doanh VLXD CTCP Vật tư Hậu Giang
09/2015 - 12/2016	Phó TGĐ kiêm Trưởng Phòng Kế hoạch – Kinh doanh VLXD CTCP Vật tư Hậu Giang
01/2017 - 12/2019	Thành viên HĐQT, Phó TGĐ CTCP Vật tư Hậu Giang
01/2020 đến nay	Thành viên HĐQT kiêm TGĐ CTCP Vật tư Hậu Giang
06/2020 – 03/2021	Giám đốc Công ty TNHH MTV VLXD Xanh Hamaco
01/2020 đến nay	Thành viên HĐQT CTCP Bê tông Hamaco

- Chức vụ công tác tại HAM: Thành viên HĐQT kiêm TGĐ CTCP Vật tư Hậu Giang
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Bê tông Hamaco
- Sở hữu chứng khoán tại HAMACO của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan *(tại ngày 28/10/2026)*:
  + Đại diện sở hữu: *0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ*
  + Cá nhân sở hữu: *313.852 cổ phiếu, chiếm 2,101% vốn điều lệ*
  + Những người có liên quan sở hữu: *503.347 cổ phần, chiếm 3,37% vốn điều lệ*
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của HAM *(tại ngày*

28/10/2026):

Tên cá nhân/ tổ chức có liên quan	Mối quan hệ với người nội bộ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu	Người nội bộ của HAM
Khổng Liên Phương	Vợ	100.512	0,673%	Không có
Nguyễn Thị Liên	Mẹ vợ	402.835	2,697%	Không có

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
  + Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa những người có liên quan với TCPH, các công ty con của TCPH, công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Ông Mai Bảo Ngọc và người có liên quan:

Đối tượng giao dịch	Mối quan hệ với người nội bộ/ Công ty	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch	Tình trạng giao dịch	Các điều khoản quan trọng khác của hợp đồng	Cấp thẩm quyền chấp thuận
Mai Bảo Ngọc	TGĐ kiêm TV HĐQT HAM	Cho Công ty vay tiền	1.532.547.214	Đang thực hiện	Kỳ hạn 25 tháng	HĐQT
Khổng Liên Phương	Vợ	Cho Công ty vay tiền	4.518.265.213	Đang thực hiện	Kỳ hạn 25 tháng	HĐQT
Nguyễn Thị Liên	Mẹ vợ	Cho Công ty vay tiền	2.161.459.864	Đang thực hiện	Kỳ hạn 25 tháng	HĐQT

  + Thù lao và các khoản lợi ích khác nhận được từ HAM:

Năm	Thù lao, lương, thưởng (đồng)	Lợi ích khác	
		ESOP	Thưởng cổ phiếu
2024	885.139.188	Không có	Không có
2025	916.950.733	Không có	Không có
9 tháng đầu năm 2026	838.170.967	18.000 cổ phiếu, giá 10.000/cổ phiếu	Không có

- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

3.1.4 Ông Đào Đức Đại – Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành

- Họ và tên: **ĐÀO ĐỨC ĐẠI**
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1966
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Trình độ học vấn: Sơ cấp
- Trình độ chuyên môn: Dược tá
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc - Chức vụ
06/1985 – 08/1989	Nhập ngũ và phục vụ trong quân đội
09/1989 - 04/1995	Kinh doanh thép tại TP.HCM
05/1995 - 01/2009	Công tác tại CTCP Vật tư Hậu Giang làm nhân viên bán hàng, Phó, Trưởng chi nhánh tại Bạc Liêu, Vị Thanh, phó phòng kinh doanh
02/2009 - Nay	Giám đốc Công ty TNHH Đại Việt
05/2016 - Nay	Thành viên HĐQT CTCP Vật Tư Hậu Giang

- Chức vụ công tác tại HAM: Thành viên HĐQT không điều hành kiêm Thành viên UBKT
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc Công ty TNHH Đại Việt
- Sở hữu chứng khoán tại HAMACO của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan *(tại ngày 28/10/2026)*:
  + Đại diện sở hữu: *0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ*
  + Cá nhân sở hữu: *150.705 cổ phiếu, chiếm 1,009% vốn điều lệ*
  + Những người có liên quan sở hữu: *2.212.836 cổ phần, chiếm 14,815% vốn điều lệ*
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của HAM *(tại ngày 28/10/2026)*:

Tên cá nhân/ tổ chức có liên quan	Mối quan hệ với người nội bộ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu	Người nội bộ của HAM
Vũ Thị Thủy	Vợ	781.960	5,235%	Không có
Đào Vũ Hồng Ngọc	Con ruột	397.719	2,663%	Không có
Đào Vũ Ngọc Linh	Con ruột	75.900	0,5081%	Không có
Lâm Anh Truyền	Anh rể	367.440	2,460%	Không có
Đào Thị Vững	Chị ruột	570.555	3,820%	Không có
Đào Văn Đoàn	Em trai	5.625	0,038%	Không có
Trần Thị Minh	Em dâu	13.637	0,091%	Không có

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
  + Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa những người có liên quan với TCPH, các công ty con của TCPH, công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Ông Đào Đức Đại và người có liên quan:

Đối tượng giao dịch	Mối quan hệ với người nội bộ/Công ty	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch (đồng)	Tình trạng giao dịch	Các điều khoản quan trọng khác của hợp đồng	Cấp thẩm quyền chấp thuận
Công ty TNHH Đại Việt	Giám đốc	Mua bán hàng hóa, dịch vụ	10.000.000.000	Đang thực hiện	Kỳ hạn 1 năm	HĐQT
Đào Đức Đại	Thành viên HĐQT	Tạm ứng	80.000.000.000	Đang thực hiện	(*)	HĐQT
Vũ Thị Thủy	Vợ	Cho Công ty vay tiền	6.044.147.064	Đang thực hiện	Kỳ hạn 25 tháng	HĐQT
Đào Vũ Hồng Ngọc	Con	Cho Công ty vay tiền	5.634.991.484	Đang thực hiện	Kỳ hạn 25 tháng	HĐQT
Lâm Anh Truyền	Anh rể	Cho Công ty vay tiền	146.350.616	Đang thực hiện	Kỳ hạn 25 tháng	TGĐ
Đào Thị Vững	Chị	Cho Công ty vay tiền	17.201.608.576	Đang thực hiện	Kỳ hạn 25 tháng	HĐQT

Đào Thị Bẩy	Chị	Cho Công ty vay tiền	3.717.039.445	Đang thực hiện	Kỳ hạn 25 tháng	HĐQT
Trần Thị Minh	Em dâu	Cho Công ty vay tiền	707.643.517	Đang thực hiện	Kỳ hạn 25 tháng	TGĐ

(*) Theo Nghị quyết HĐQT số 24/2025/NQ-HĐQT ngày 17/07/2025, CTCP Vật tư Hậu Giang phê duyệt cho ông Đào Đức Đại tạm ứng 80.000.000.000 VND để thực hiện giao dịch mua đất phục vụ định hướng đầu tư xây dựng thêm kho bãi, nhà máy của Công ty tại xã Long Phú, TP. Cần Thơ (địa chỉ cũ là xã Long Phú, Huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng). Số tiền tạm ứng nêu trên đã được chuyển cho bên bán đất và các lô đất đã được chuyển sang tên cho Ông Đào Đức Đại. Các lô đất đang do Ông Đào Đức Đại đứng tên là đất nông nghiệp, tại thời điểm giao dịch Công ty chưa hoàn tất thủ tục pháp lý do chưa được Ủy ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ phê duyệt chủ trương đầu tư nên chưa đủ điều kiện chuyển nhượng sang tên cho Công ty.

Ngày 16/06/2026, Công ty nhận được thông báo số 225/TBVPUB về kết luận của cơ quan có thẩm quyền liên quan đến dự án "Tổ hợp sản xuất vật liệu xây dựng và dịch vụ logistics" tại xã Long Phú, theo đó thống nhất triển khai thực hiện dự án, bảo đảm tính khả thi, phù hợp quy hoạch và quy định pháp luật, đồng thời giao các cơ quan, đơn vị liên quan phối hợp thực hiện. Trên cơ sở đó, Công ty đang tiếp tục hoàn thiện hồ sơ pháp lý và thực hiện các thủ tục cần thiết để chuyển nhượng, sang tên các tài sản nêu trên về Công ty theo quy định.

+ Thù lao và các khoản lợi ích khác nhận được từ HAM:

Năm	Thù lao, lương, thưởng (đồng)	Lợi ích khác	
		ESOP	Thưởng cổ phiếu
2024	140.437.519	Không có	Không có
2025	182.587.102	Không có	Không có
9 tháng đầu năm 2026	327.349.143	8.000 cổ phiếu, giá 10.000/ cổ phiếu	Không có

- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

3.1.5 Bà Lâm Thị Trúc Hà - Thành viên Hội đồng quản trị điều hành

- Họ và tên: **LÂM THỊ TRÚC HÀ**
- Giới tính: Nữ
- Năm sinh: 1978
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh

- Trình độ học vấn: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc - Chức vụ
11/2001 – 10/2003	Giảng dạy tại trường THPT Bùi Hữu Nghĩa, TP. Cần Thơ
11/2003 – 06/2010	Giao dịch viên tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ
07/2010 – 02/2013	Nhân viên kế toán, CTCP Vật tư Hậu Giang
03/2013 – 12/2014	Phó phòng Kế toán, CTCP Vật tư Hậu Giang
01/2015 – 06/2021	Kế toán trưởng, CTCP Vật tư Hậu Giang
05/2016 - nay	Thành viên HĐQT, CTCP Vật tư Hậu Giang
06/2021 - nay	Phó Tổng Giám đốc, CTCP Vật tư Hậu Giang

- Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Sở hữu chứng khoán tại HAMACO của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan *(tại ngày 28/10/2026)*:
  + Đại diện sở hữu: *0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ*
  + Cá nhân sở hữu: *477.950 cổ phần, chiếm 3,20% vốn điều lệ*
  + Những người có liên quan sở hữu: *807.464 cổ phần, chiếm 5,406% vốn điều lệ*
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của HAM *(tại ngày 28/10/2026)*:

Tên cá nhân/ tổ chức có liên quan	Mối quan hệ với người nội bộ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu	Người nội bộ của HAM
Trần Thị Phượng	Mẹ	597.937	4,003%	Không có
Lâm Thị Việt Hà	Chị	27.280	0,183%	Không có
Lâm Thị Lệ Hà	Em	16.170	0,108%	Không có
Nguyễn Chiến Mạnh	Anh rể	166.077	1,112%	Không có

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

- Lợi ích liên quan đối với Công ty:

  + Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa những người có liên quan với TCPH, các công ty con của TCPH, công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Bà Lâm Thị Trúc Hà và người có liên quan:

Đối tượng giao dịch	Mối quan hệ với người nội bộ/ Công ty	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch (đồng)	Tình trạng giao dịch	Các điều khoản quan trọng khác của hợp đồng	Cấp thẩm quyền chấp thuận
Lâm Thị Trúc Hà	Thành viên HĐQT không điều hành	Cho Công ty vay tiền	31.971.351	Đang thực hiện	Kỳ hạn 25 tháng	TGĐ
Trần Thị Phượng	Mẹ	Cho Công ty vay tiền	546.041.453	Đang thực hiện	Kỳ hạn 25 tháng	TGĐ
Lâm Thị Lệ Hà	Em	Cho Công ty vay tiền	219.284.318	Đang thực hiện	Kỳ hạn 25 tháng	TGĐ
Nguyễn Lâm Anh Quân	Con	Cho Công ty vay tiền	106.868.686	Đang thực hiện	Kỳ hạn 25 tháng	TGĐ

  + Thù lao và các khoản lợi ích khác nhận được từ HAM:

Năm	Thù lao, lương, thưởng (đồng)	Lợi ích khác	
		ESOP	Thưởng cổ phiếu
2024	635.327.519	Không có	Không có
2025	673.423.768	Không có	Không có
9 tháng đầu năm 2026	624.826.510	14.000 cổ phiếu, giá 10.000/cổ phiếu	Không có

- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

3.2 Ủy ban Kiểm toán

3.2.1 Ông Nguyễn Thái Hải – Chủ tịch UBKT

Xem phần VI, Mục 3.1.2.

3.2.2 Ông Đào Đức Đại – Thành viên UBKT

Xem phần VI, Mục 3.1.4.

3.3 Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

3.3.1 Ông Mai Bảo Ngọc – Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT

Xem phần VI, Mục 3.1.3.

3.3.2 Ông Phạm Văn Hùng – Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: **PHẠM VĂN HÙNG**
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1975
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Trình độ học vấn: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

	Thời gian	Nơi làm việc - Chức vụ
	01/1997 – 04/1997	Nhân viên Kế toán – Phòng kế toán CTCP Vật Tư Hậu Giang
	05/1997 – 01/2007	Nhân viên Kế toán Chi nhánh TP. HCM CTCP Vật Tư Hậu Giang
	02/2007 – 01/2013	Phó Trưởng Chi nhánh TP. HCM CTCP Vật Tư Hậu Giang
	02/2013 – 12/2016	Trưởng Chi nhánh TP.HCM CTCP Vật Tư Hậu Giang
	01/2017 – 12/2017	Trưởng Phòng Kế hoạch – Kinh doanh VLXD CTCP Vật Tư Hậu Giang
	03/2017 – nay	Chủ tịch Công ty TNHH MTV Hamaco Vị Thanh
	01/2018 – nay	Phó Tổng Giám đốc CTCP Vật Tư Hậu Giang

- Chức vụ công tác tại HAM: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch Công ty TNHH MTV HAMACO Vị Thanh
- Sở hữu chứng khoán tại HAMACO của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người

có liên quan *(tại ngày 28/10/2026)*:

+ Đại diện sở hữu: *0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ*
+ Cá nhân sở hữu: *17.253 cổ phiếu, chiếm 0,116% vốn điều lệ*
+ Những người có liên quan sở hữu: *19.329 cổ phần, chiếm 0,129% vốn điều lệ*

– Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của HAM *(tại ngày 28/10/2026)*:

Tên cá nhân/ tổ chức có liên quan	Mối quan hệ với người nội bộ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu	Người nội bộ của HAM
Nguyễn Kim Diệu	Vợ	12.321	0,082%	Không có
Phạm Văn Tùng	Em	153	0,001%	Không có
Nguyễn Thị Trúc Phương	Em dâu	6.855	0,046%	Không có

– Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

– Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

– Lợi ích liên quan đối với Công ty:

+ Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa những người có liên quan với TCPH, các công ty con của TCPH, công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Ông Phạm Văn Hùng và người có liên quan:

Đối tượng giao dịch	Mối quan hệ với người nội bộ/ Công ty	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch (đồng)	Tình trạng giao dịch	Các điều khoản quan trọng khác của hợp đồng	Cấp thẩm quyền chấp thuận
Phạm Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Cho Công ty vay tiền	195.872.773	Đang thực hiện	Kỳ hạn 25 tháng	TGĐ
Nguyễn Kim Diệu	Vợ	Cho Công ty vay tiền	3.201.722.941	Đang thực hiện	Kỳ hạn 25 tháng	HĐQT

+ Thù lao và các khoản lợi ích khác nhận được từ HAM:

Năm	Thù lao, lương, thưởng (đồng)	Lợi ích khác	
		ESOP	Thưởng cổ phiếu
2024	470.053.907	Không có	Không có
2025	591.059.245	Không có	Không có

Năm	Thù lao, lương, thưởng (đồng)	Lợi ích khác	
		ESOP	Thưởng cổ phiếu
9 tháng đầu năm 2026	490.387.000	12.500 cổ phiếu, giá 10.000/cổ phiếu	Không có

- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

3.3.3 Bà Lâm Thị Trúc Hà – Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT

Xem phần VI, Mục 3.1.5.

3.3.4 Bà Lâm Thị Thu Hiền - Kế toán trưởng

- Họ và tên: **LÂM THỊ THU HIỀN**
- Giới tính: Nữ
- Năm sinh: 1982
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Trình độ văn hóa: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc - Chức vụ
11/2004 – 09/2006	Sở Khoa học và Công nghệ TP. Cần Thơ
07/2006 – 02/2013	CTCP Chứng khoán Sài Gòn
03/2013 – 07/2015	CTCP Quản lý quỹ Dragon Capital Việt Nam
09/2015 – 09/2017	Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Bê tông HAMACO - Hậu Giang
10/2017 – 05/2021	Phó phòng Kế toán CTCP Vật tư Hậu Giang
06/2021 - nay	Kế toán trưởng CTCP Vật tư Hậu Giang

- Chức vụ công tác tại HAM: Kế toán trưởng
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Sở hữu chứng khoán tại HAMACO của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan *(tại ngày 28/10/2026):*

+ Đại diện sở hữu: *0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ*
+ Cá nhân sở hữu: *173.300 cổ phần, chiếm 1,160% vốn điều lệ*
+ Những người có liên quan sở hữu: *1.075.102 cổ phần, chiếm 7,198% vốn điều lệ*

– Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của HAM *(tại ngày 28/10/2026):*

Tên cá nhân/ tổ chức có liên quan	Mối quan hệ với người nội bộ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu	Người nội bộ của HAM
Lâm Anh Truyền	Cha	367.440	2,460%	Không có
Đào Thị Vững	Mẹ	570.555	3,820%	Không có
Lâm Thị Thu Hà	Em	137.107	0,918%	Không có

– Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
– Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
– Lợi ích liên quan đối với Công ty:

+ Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa những người có liên quan với TCPH, các công ty con của TCPH, công ty do TCPH nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Bà Lâm Thị Thu Hiền và người có liên quan:

Đối tượng giao dịch	Mối quan hệ với người nội bộ/ Công ty	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch (đồng)	Tình trạng giao dịch	Các điều khoản quan trọng khác của hợp đồng	Cấp thẩm quyền chấp thuận
Lâm Thị Thu Hiền	Kế toán trưởng	Cho Công ty vay tiền	79.742.319	Đang thực hiện	Kỳ hạn 25 tháng	TGĐ
Lâm Anh Truyền	Cha	Cho Công ty vay tiền	146.350.616	Đang thực hiện	Kỳ hạn 25 tháng	TGĐ
Đào Thị Vững	Mẹ	Cho Công ty vay tiền	17.201.608.576	Đang thực hiện	Kỳ hạn 25 tháng	HĐQT
Lâm Thị Thu Hà	Em	Cho Công ty vay tiền	3.829.877.207	Đang thực hiện	Kỳ hạn 25 tháng	HĐQT

+ Thù lao và các khoản lợi ích khác nhận được từ HAM:

Năm	Thù lao, lương, thưởng (đồng)	Lợi ích khác	
		ESOP	Thưởng cổ phiếu
2024	506.765.000	Không có	Không có
2025	497.691.666	Không có	Không có
9 tháng đầu năm 2026	431.289.999	9.500 cổ phiếu, giá 10.000/cổ phiếu	Không có

- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

[Phần còn lại của trang này được chủ ý để trống]

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Loại cổ phiếu được Tổ chức phát hành chào bán là Cổ phiếu phổ thông.

2. Mệnh giá cổ phiếu

Mệnh giá của cổ phiếu được chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu.

3 Tổng số lượng cổ phiếu chào bán

Tổng số lượng cổ phiếu chào bán là 4.481.114 cổ phiếu.

4 Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá

Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá là 44.811.140.000 đồng *(Bằng chữ: Bốn mươi bốn tỷ, tám trăm mười một triệu, một trăm bốn mươi nghìn đồng).*

5 Giá chào bán dự kiến

10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu

6 Phương pháp tính giá

Bằng mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu.

7 Phương thức phân phối

- **Tỷ lệ phân phối:** 10:3

  Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được nhận 01 quyền mua cổ phiếu, cứ 10 quyền mua sẽ được mua 03 cổ phiếu mới.

- **Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu:**

  Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho người khác trong thời gian quy định và chỉ được chuyển nhượng 01 (một) lần (người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng quyền mua đó cho người thứ ba). Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng, thanh toán tiền và chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định liên quan đến việc chuyển nhượng.

- **Điều kiện và hạn chế chuyển nhượng:**

  Cổ phiếu chào bán là cổ phiếu phổ thông và không bị hạn chế chuyển nhượng.

- **Phương án làm tròn đối với cổ phiếu lẻ (nếu có) phát sinh khi thực hiện quyền:**

  Để đảm bảo không vượt quá số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán, số lượng cổ phiếu chào bán thêm mà cổ đông hiện hữu được mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ được ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn đối tượng phân phối, tiêu chí, phương thức phân phối cho các nhà đầu tư khác với điều kiện giá bán phải lớn hơn hoặc bằng

10.000 đồng/cổ phiếu.

Ví dụ: Tại ngày chốt danh sách cổ đông được quyền mua cổ phiếu chào bán thêm, cổ đông A đang sở hữu 119 cổ phiếu. Với tỷ lệ thực hiện quyền 10:3, cổ đông A được quyền mua (119x3/10) = 35,7 cổ phiếu. Theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị thì số cổ phiếu mà cổ đông A được quyền mua là 35 cổ phiếu, số cổ phiếu lẻ 0,7 cổ phiếu sẽ được HĐQT quyết định phân phối lại cho các nhà đầu tư khác với điều kiện giá bán phải lớn hơn hoặc bằng 10.000 đồng/cổ phiếu.

- **Phương án xử lý cổ phiếu lẻ (nếu có), cổ phiếu cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua:**

Việc xử lý số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống (nếu có) và cổ phiếu của cổ đông không đăng ký mua, không nộp tiền mua phải đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và tuân thủ quy định về đầu tư góp vốn vào công ty mẹ, công ty con theo quy định tại Khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp 2020.

+ Số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống (nếu có) và số cổ phiếu do cổ đông hiện hữu không đăng ký, không nộp tiền mua, được ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn đối tượng phân phối, tiêu chí, phương thức phân phối và giá chào bán không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu *(với điều kiện giá chào bán không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu).*
+ Số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống và Số lượng cổ phiếu do cổ đông hiện hữu không đăng ký, không nộp tiền mua khi phân phối lại sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.
+ Đối với trường hợp phân phối lại cổ phiếu thuộc một trong các trường hợp được quy định tại khoản 3 Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, HĐQT sẽ thực hiện xin ý kiến ĐHĐCĐ để thông qua việc phân phối lại.

Trong trường hợp, hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật *(bao gồm cả thời gian được gia hạn - nếu có)*, nếu vẫn còn cổ phiếu chưa phân phối hết thì số cổ phiếu chưa được phân phối hết này được hủy và HĐQT ra quyết định kết thúc đợt chào bán. HĐQT cân nhắc lựa chọn và điều chỉnh phương án sử dụng vốn để đảm bảo không ảnh hưởng đến nguồn vốn cũng như hoạt động kinh doanh của Công ty.

- **Các điều khoản khác có liên quan:**

+ Người sở hữu quyền mua có quyền từ chối mua toàn bộ hoặc một phần số lượng cổ phiếu phát hành theo quyền mua trong thời gian thực hiện quyền.
+ Kết thúc thời gian thực hiện quyền, nếu quyền mua không được thực hiện, tất cả các quyền lợi liên quan đến quyền mua cổ phiếu sẽ đương nhiên bị chấm dứt và Tổ chức phát hành không phải thanh toán cho người sở hữu quyền bất kỳ một khoản phí nào.

8 Đăng ký mua cổ phiếu

- **Số lượng cổ phiếu đăng ký mua tối thiểu:**

Không có.

- **Thời hạn đăng ký mua cổ phiếu:**

Thời hạn đăng ký mua cổ phiếu sẽ phụ thuộc vào thời gian phân phối cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang sẽ thông báo thời gian đăng ký cụ thể trong Bản thông báo phát hành và đảm bảo thời hạn đăng ký mua chứng khoán cho nhà đầu tư tối thiểu là 20 (hai mươi) ngày theo đúng quy định.

- **Phương thức xử lý trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu:**

Không áp dụng.

- **Phương thức đăng ký:**

+ Đối với cổ đông đã lưu ký cổ phiếu HAM: Làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký mua cổ phiếu tại các thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký.

+ Đối với cổ đông chưa lưu ký cổ phiếu HAM: Làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu, đăng ký mua cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang tại 184 Trần Hưng Đạo, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- **Phương thức thanh toán tiền mua cổ phiếu:**

Cổ đông nộp tiền mua cổ phiếu vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu theo quy định

- **Chuyển giao cổ phiếu:**

Sau khi Công ty hoàn thành đợt chào bán và hoàn thành thay đổi đăng ký chứng khoán, toàn bộ số lượng cổ phiếu phát hành thêm sẽ được Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam phân bổ vào tài khoản chứng khoán của các cổ đông đã lưu ký chứng khoán; các cổ đông chưa lưu ký chứng khoán sẽ nhận được Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần phát hành thêm tại trụ sở của Công ty, hoặc bổ sung thông tin về số cổ phiếu mới vào Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần đã cấp.

9 Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

Cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu dự kiến sẽ được phân phối trong Quý IV/2026, sau khi Công ty được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng theo quy định. Thời gian phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu dự kiến trong vòng 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng do UBCKNN cấp có hiệu lực. Trường hợp do các nguyên nhân khách quan không thể hoàn thành việc phân phối chứng khoán trong thời hạn này, Công ty sẽ xin phép UBCKNN gia hạn việc phân phối chứng khoán nhưng tối đa không quá 30 (ba mươi) ngày.

Lịch trình chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu dự kiến được thực hiện theo trình tự như sau:

STT	Trình tự thủ tục	Thời gian dự kiến
1	Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng có hiệu lực.	D
2	Thông báo chốt danh sách cổ đông gửi tới VSDC và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội để triển khai.	D đến D + 2
3	Công bố thông tin về việc chào bán trên các phương tiện thông tin đại chúng.	D đến D + 3
4	Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua cổ phiếu từ đợt chào bán ra công chúng.	D + 13
5	Thông báo danh sách phân bổ quyền mua cổ phiếu đến các cổ đông.	D + 15 đến D + 18
7	Cổ đông đăng ký, chuyển nhượng quyền mua; nộp tiền mua cổ phiếu.	D + 19 đến D + 40
10	Tổng hợp việc thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm của cổ đông hiện hữu.	D + 47
11	HĐQT phân phối tiếp số cổ phần do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua cổ phần, thực hiện xử lý cổ phiếu lẻ cho nhà đầu tư.	D + 48 đến D + 53
13	Báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu	D + 54
14	Thời gian chuyển giao cổ phiếu hoặc trả giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho người mua; thực hiện và hoàn tất thủ tục đăng ký chứng khoán bổ sung và đăng ký giao dịch chứng khoán bổ sung.	D + 83

(Ghi chú: D là ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng có hiệu lực, được tính theo ngày làm việc và lịch trình phân phối cổ phiếu sẽ được thông báo chính thức sau khi Công ty nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu từ UBCKNN).

Trên đây là lịch trình phân phối cổ phiếu Công ty dự kiến cho nhà đầu tư. Tùy vào tình hình thị trường và tình hình thực tế phát sinh, Công ty sẽ điều chỉnh lịch trình phân phối sao cho phù hợp và đảm bảo lợi ích cao nhất cho các Cổ đông, đồng thời cũng đảm bảo đợt chào bán được thực hiện đúng quy định của pháp luật hiện hành.

10 Phương thức thực hiện quyền trường hợp chào bán cổ phiếu ưu đãi

Không có.

11 Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu

Cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu là cổ phiếu phổ thông và được tự do chuyển nhượng.

Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho người khác

trong thời gian quy định và chỉ được chuyển nhượng 01 (một) lần (người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng quyền mua đó cho người thứ ba). Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng, thanh toán tiền và chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định liên quan đến việc chuyển nhượng.

Số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống (nếu có) và số lượng cổ phiếu do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua được phân phối lại cho các nhà đầu tư khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

12 Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa của Công ty như sau:

- Tên tài khoản: Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang
- Số tài khoản: 1025445138
- Nơi mở: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ

13 Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Các cơ quan có thẩm quyền không có ý kiến về đợt tăng vốn điều lệ của Công ty.

14 Hủy bỏ đợt chào bán

Căn cứ Khoản 7 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 11/09/2025: *"Đối với đợt chào bán để thực hiện dự án, phương án sử dụng vốn phải xác định tỷ lệ chào bán thành công cho mục đích thực hiện dự án tối thiểu là 70% tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán để thực hiện các dự án (trừ trường hợp chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu); phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán để thực hiện các dự án"*, vì vậy, do đợt chào bán này, HAMACO không thực hiện huy động vốn sử dụng cho mục đích thực hiện dự án và thuộc trường hợp chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu nên không áp dụng các quy định về hủy bỏ đợt chào bán.

15 Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

Căn cứ Công văn số 3676/UBCK-PTTT ngày 14/06/2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về hồ sơ thông báo tỷ lệ SHNN tối đa của Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty hiện nay là 0% vốn điều lệ.

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 23/06/2026, Công ty không có cổ đông nước ngoài sở hữu cổ phần của Công ty.

Số lượng cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu trong đợt chào bán tăng vốn điều lệ này của HAMACO dựa trên Danh sách cổ đông do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cung cấp tại thời điểm chốt Danh sách cổ đông để thực hiện quyền.

Nhằm đảm bảo việc chào bán cổ phiếu trong đợt chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu không làm tăng tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang

(tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang là 0%), đảm bảo phù hợp theo quy định của pháp luật, Hội đồng quản trị sẽ phối hợp cùng Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam thực hiện phân phối cổ phiếu chào bán thêm cho các nhà đầu tư nước ngoài theo đúng tỷ lệ nắm giữ của các nhà đầu tư tại thời điểm chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền, đảm bảo cổ đông *(bao gồm cổ đông trong nước và nước ngoài)* không được chuyển nhượng quyền mua cho nhà đầu tư nước ngoài.

Hội đồng quản trị cam kết không phân phối số cổ phiếu không được thực hiện quyền mua *(do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua và số cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có))* cho các nhà đầu tư nước ngoài.

16 Các loại thuế có liên quan

Các cổ đông sẽ phải chịu thuế thu nhập khi có thu nhập từ việc chuyển nhượng cổ phiếu, nhận cổ tức, … theo các quy định hiện hành của luật thuế Thu nhập cá nhân, luật thuế Thu nhập Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành:

16.1 Đối với Nhà đầu tư cá nhân

Thực hiện theo Luật Thuế thu nhập cá nhân số 109/2025/QH15 ngày 10/12/2025, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 09/2026/QH16 ngày 24/04/2026, và Nghị định số 253/2026/NĐ-CP ngày 30/06/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập cá nhân. Luật Thuế thu nhập cá nhân số 109/2025/QH15 và Nghị định số 253/2026/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01/07/2026.

Mức thuế suất đối với từng loại như sau:

- *Đối với thu nhập từ đầu tư vốn (cổ tức):* Theo Điều 52 Nghị định số 253/2026/NĐ-CP, thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ đầu tư vốn được xác định bằng thu nhập tính thuế nhân (×) với thuế suất 5%. Thu nhập tính thuế từ đầu tư vốn là khoản thu nhập chịu thuế mà người nộp thuế nhận được theo từng lần phát sinh. Đối với cá nhân không cư trú, việc xác định thuế đối với thu nhập từ đầu tư vốn được thực hiện theo quy định tại Điều 65 Nghị định số 253/2026/NĐ-CP.
- *Đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:* Theo Điều 54 Nghị định số 253/2026/NĐ-CP, thuế thu nhập cá nhân được xác định như sau:

Thuế thu nhập cá nhân phải nộp = Giá chuyển nhượng chứng khoán × 0,1%

Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán được xác định theo từng lần chuyển nhượng. Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán bao gồm thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu, tín phiếu, chứng chỉ quỹ và các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Kỳ tính thuế: Theo Điều 66 Nghị định số 253/2026/NĐ-CP quy định:

- Đối với cá nhân cư trú, kỳ tính thuế theo từng lần phát sinh thu nhập được áp dụng đối với thu nhập từ đầu tư vốn và thu nhập từ chuyển nhượng vốn, bao gồm thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán;

- Đối với cá nhân không cư trú, kỳ tính thuế được xác định theo từng lần phát sinh thu nhập.

16.2 Đối với Nhà đầu tư tổ chức

Theo quy định tại Điều 3 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15, ban hành ngày 14/06/2025, các khoản thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán. Nhà đầu tư là tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế đóng trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế thu nhập từ chênh lệch giá khi bán cổ phiếu = Thu nhập chịu thuế × Thuế suất

Trong đó:

- Thu nhập chịu thuế = Tổng giá trị chứng khoán bán ra trong kỳ Tổng giá trị mua chứng khoán được bán ra trong kỳ Chi phí mua bán chứng khoán.
- Thuế suất = Thuế suất thuế TNDN của tổ chức đầu tư.

Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài không có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, chỉ mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Việt Nam thì phải chịu một khoản thuế như sau:

- Thuế khoán từ việc bán cổ phiếu = Tổng giá trị cổ phiếu bán ra của từng giao dịch chuyển nhượng × 0,1%.

17 Thông tin về các cam kết

Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang cam kết rằng: *"Công ty không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích".*

Sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng và hoàn thành phân phối cổ phiếu chào bán đồng thời thực hiện báo cáo kết quả chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang cam kết sẽ nộp hồ sơ điều chỉnh thông tin số lượng chứng khoán đăng ký và triển khai các thủ tục cần thiết nhằm đảm bảo hoàn thiện hồ sơ thay đổi đăng ký giao dịch trong thời hạn 30 ngày kể từ thời điểm kết thúc đợt chào bán.

Ngoài ra Công ty không có cam kết nào khác liên quan đến đợt chào bán.

18 Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt

Không có.

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán

Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 01-NQ.ĐHCĐ.2026 ngày 03/03/2026 của Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang và Nghị quyết HĐQT số 20/2026/NQ-HĐQT ngày 17/07/2026 về việc chi tiết phương án sử dụng vốn, tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán khoảng 44.811.140.000 đồng. Toàn bộ số tiền dự kiến huy động được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng cho mục đích thanh toán khoản nợ vay Ngân hàng.

2. Phương án khả thi

Không có

3. Thông tin về tình hình triển khai dự án

Không có

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Toàn bộ số tiền dự kiến huy động được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng cho mục đích cụ thể như sau:

STT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền dự kiến sử dụng (đồng)	Thời gian dự kiến
1	Thanh toán khoản nợ vay với tổ chức tín dụng *(Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi Nhánh Cần Thơ)* (*)	44.811.140.000	Tiến độ sử dụng vốn dự kiến từ Quý IV/2026.
	Tổng cộng	**44.811.140.000**	

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị xây dựng kế hoạch sử dụng vốn chi tiết: tùy vào tình hình thực tế tại thời điểm chào bán thêm cổ phiếu. Trường hợp cần điều chỉnh để phù hợp với tình hình thực tế tại thời điểm sử dụng vốn, Hội đồng quản trị được thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán với giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số vốn thu được từ đợt chào bán. Việc thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành phải được báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất.

Phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn trong trường hợp cổ phiếu không chào bán hết theo dự kiến: Trong trường hợp cổ phiếu không phân phối hết và số lượng vốn huy động không đạt đủ như dự kiến, HĐQT quyết định phương án bù đắp phần vốn thiếu hụt bao gồm và không giới hạn việc thực hiện huy động nguồn vốn hợp pháp khác, sử dụng nguồn vốn thu được từ hoạt động kinh doanh; điều chỉnh phương án sử dụng vốn theo đúng quy định của pháp luật.

(*) Thông tin về khoản nợ vay với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi Nhánh Cần Thơ, chi tiết như sau:

- Mối quan hệ với Tổ chức phát hành và người có liên quan của Tổ chức phát hành: Không có
- Hợp đồng: Hợp đồng cho vay hạn mức số 12/2025-HĐCVHM/NHCT820-HAMACO ngày 12/12/2025 (gọi tắt là "Hợp đồng tín dụng")
- Phương thức cho vay: Cho vay theo hạn mức
- Hạn mức cho vay: 170.000.000.000 đồng *(Bằng chữ: Một trăm bảy mươi tỷ đồng)*
- Thời hạn duy trì hạn mức cho vay: từ ngày 12/12/2025 đến ngày 30/11/2026
- Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh bê tông của Công ty

- Lãi suất cho vay:
  + Lãi suất cho vay trong hạn: là lãi suất được ghi trên từng Giấy nhận nợ và có giá trị kể từ thời điểm giải ngân cho đến khi có sự điều chỉnh lãi suất theo nguyên tắc được nêu trong Hợp đồng tín dụng.
  + Lãi suất đối với dư nợ gốc bị quá hạn: Trường hợp số dư nợ gốc bị chuyển nợ quá hạn theo quy định tại Hợp đồng tín dụng thì Bên vay (CTCP Vật tư Hậu Giang) phải trả lãi trên số dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn như thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.
  + Lãi suất chậm trả lãi: Tại thời điểm ký Hợp đồng này, Bên Vay (CTCP Vật tư Hậu Giang) và Bên Cho Vay thống nhất không áp dụng lãi suất chậm trả lãi. Tuy nhiên, Bên Vay đồng ý và thống nhất rằng, tùy thuộc vào chính sách lãi suất của Bên Cho Vay trong từng kỳ, Bên Cho Vay được quyền áp dụng lãi suất chậm trả lãi và các Bên thống nhất trường hợp Bên Vay không trả đầy đủ và đúng hạn bất kỳ khoản tiền lãi nào theo Hợp Đồng này (bao gồm trường hợp Bên Vay được Bên Cho Vay chấp thuận cho cơ cấu lại thời hạn trả nợ như thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng) thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.
- Thời hạn cho vay: Thời hạn cho vay của từng Khoản nợ được tính từ ngày tiếp theo của ngày Bên Cho Vay giải ngân Khoản nợ đến ngày Bên Vay phải trả toàn bộ nợ gốc và lãi vay. Thời hạn cho vay của từng Khoản Nợ được ghi trên Giấy Nhận Nợ nhưng tối đa không quá năm (05) tháng.
- Tiến độ trả nợ: Dự kiến từ Quý IV/2026
- Số dư nợ vay phát sinh từ Hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 13/07/2026 theo xác nhận của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ là: 124.678.144.654 đồng.

Hiện tại, số dư nợ vay phát sinh từ Hợp đồng hạn mức tín dụng trên được sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh bê tông của Công ty thông qua việc thanh toán các khoản chi phí, công nợ phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, số dư nợ vay phát sinh từ Hợp đồng hạn mức tín dụng nêu trên có thể thay đổi tại từng thời điểm. Theo phương thức cho vay hạn mức, dư nợ của Hợp đồng tín dụng có thể bao gồm một hoặc nhiều khoản giải ngân được ghi nhận tại các Giấy Nhận Nợ tương ứng với từng lần giải ngân của Ngân hàng cho Công ty. Do tính chất quay vòng liên tục của nhu cầu vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty thực hiện thanh toán các khoản nợ đến hạn, đồng thời tiếp tục phát sinh các khoản giải ngân mới trong phạm vi hạn mức tín dụng được cấp. Thời hạn cho vay của từng Khoản Nợ được ghi nhận trên từng Giấy Nhận Nợ nhưng tối đa không quá 05 tháng. Vì vậy, số dư nợ vay tại từng thời điểm có thể thay đổi tùy thuộc vào nhu cầu sử dụng vốn, tiến độ thanh toán các khoản nợ đến hạn và các khoản giải ngân phát sinh mới của Công ty.

Hợp đồng tín dụng hiện tại có thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 30/11/2026. Sau khi hết thời hạn duy trì hạn mức nêu trên, căn cứ nhu cầu vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty sẽ tiếp tục thực hiện thủ tục tái tục hoặc ký kết hợp đồng hạn mức tín dụng mới với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ. Dư nợ còn lại phát sinh theo Hợp đồng tín dụng hiện tại, sẽ được tiếp tục theo dõi, thanh toán hoặc chuyển tiếp sang hạn mức tín dụng mới theo thỏa thuận giữa Công ty và Ngân hàng và phù hợp với các điều kiện tín dụng áp dụng tại thời điểm

tái tục/ký kết hợp đồng mới. Công ty cam kết sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán để thanh toán dư nợ vay phát sinh tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ theo đúng Phương án sử dụng vốn đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH CẦN THƠ

Địa chỉ trụ sở chính	:	Số 4 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh
Địa chỉ chi nhánh	:	A1-28 đường 06, Khu dân cư Công An, Khu vực Thạnh Lợi, Phường Hưng Phú, TP Cần Thơ
Điện thoại	:	028 3827 5026 Fax: 028 3827 5027
Website	:	www.pkf.afcvietnam.vn

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT – CHI NHÁNH TP. HCM

Địa chỉ trụ sở chính	:	Số 52 Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội
Địa chỉ chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	:	Tầng 3, Tòa nhà 136-138 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại	:	19006446 Fax: 028 6291 0607
Website	:	www.fpts.com.vn

Ý kiến của tổ chức tư vấn về đợt chào bán

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh đã tiến hành thu thập thông tin, phân tích một cách cẩn trọng và chi tiết để đưa ra những đánh giá về đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang như sau:

- Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để Thanh toán khoản nợ vay cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi Nhánh Cần Thơ, là phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và định hướng phát triển của Công ty.

- Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ Đăng ký chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang, Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh tham gia lập và công bố trên cơ sở Hợp đồng số 358 - 2025/FPTS/FCF-HCM/HAM

ngày 11/12/2025 giữa Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang với Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

- Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này phản ánh trung thực dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang cung cấp. Bản cáo bạch này không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán. Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh khuyến nghị các nhà đầu tư tham khảo, tìm hiểu thông tin HAM công bố trước khi quyết định mua cổ phần.

3. Ý kiến của các chuyên gia về đợt chào bán

Không có

XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Công ty không có thông tin quan trọng khác có thể ảnh hưởng đến quyết định của nhà đầu tư.

[Phần còn lại của trang này được chủ ý để trống]

XII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH (CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG), TỔ CHỨC TƯ VẤN

TP. Cần Thơ, ngày 02 tháng 11 năm 2026

CHỮ KÝ

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Lê Hoàng Nam

TỔNG GIÁM ĐỐC	KẾ TOÁN TRƯỞNG
Mai Bảo Ngọc	Lâm Thị Thu Hiền

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT – CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH

GIÁM ĐỐC PHÒNG TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Vũ Thị Thanh Nga

XIII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 1800506679 do Sở Kế hoạch & Đầu tư TP. Cần Thơ cấp lần đầu ngày 12/05/2003, Sở Tài chính TP. Cần Thơ cấp thay đổi lần thứ 33 ngày 08/06/2026.

2. Phụ lục II

- **Tài liệu liên quan đến Quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 01-NQ.ĐHCĐ.2026 ngày 03/03/2026 của Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang thông qua phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu;
- Tờ trình số 07/TTr-HĐQT/2026 ngày 07/02/2026 v/v thông qua chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu.
- Tờ trình số 08/TTr-HĐQT/2026 ngày 07/02/2026 v/v Phương án xử lý cổ phiếu lẻ (nếu có), cổ phiếu cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua khi triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu

- **Tài liệu liên quan đến Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị**

- Nghị quyết HĐQT số 19/2026/NQ-HĐQT ngày 17/07/2026 về việc triển khai Phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu; phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài; cam kết triển khai đăng ký giao dịch bổ sung cổ phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán;
- Nghị quyết HĐQT số 20/2026/NQ-HĐQT ngày 17/07/2026 về việc chi tiết phương án sử dụng vốn của đợt chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu;
- Nghị quyết HĐQT số 25/2026/NQ-HĐQT ngày 25/09/2026 về việc thông qua hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

3. Phụ lục III

Điều lệ của Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang.

4. Phụ lục IV

Báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024 (Riêng + Hợp nhất);
- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025 (Riêng + Hợp nhất);
- Báo cáo tài chính bán niên soát xét năm 2026 (Riêng + Hợp nhất).
- Báo cáo tài chính Quý III năm 2026 (Riêng + Hợp nhất).

5. Phụ lục V

Tài liệu liên quan đến phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.